

Số: 2035/QĐ-ĐHHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xét miễn học phần,
công nhận và chuyển đổi kết quả học tập

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Nghị quyết số 406/NQ-HĐT ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Quy định xét miễn học phần và công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo các trình độ của Trường Đại học Hà Nội ban hành kèm theo Quy định số 4442/VBHN-ĐHHN ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét miễn học phần, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập ngày 29 tháng 5 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phần, công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ cho: 1236 sinh viên các ngành đào tạo trình độ đại học, các hình thức đào tạo; 17 học viên sau đại học, của Trường Đại học Hà Nội đủ điều kiện theo Quy định.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các sinh viên, học viên có tên tại Điều 1 có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục liên quan theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Tài chính - Kế toán, các đơn vị liên quan và các sinh viên, học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Trào

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA TIẾNG ANH
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
1	2207010262	Nguyễn Thị Thi	10A-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	16/03/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
2	2207010298	Trịnh Ngọc Hạ Vy	10A-22	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	28/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
3	2207010094	Nguyễn Huy Hoàng	11A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	07/03/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
4	2207010128	Nguyễn Thanh Lâm	11A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	24/10/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
5	2207010230	Nguyễn Phương Anh	11A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	20/06/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
6	2007010185	Đặng Đức Minh	1A-20	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	23/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
7	2207010054	Đào Thùy Dương	1A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	23/11/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
8	2207010160	Nguyễn Hoàng Mai	1A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	23/11/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
9	2207010014	Nguyễn Phương Anh	2A-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	09/07/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
10	2207010238	Lưu Yến Quỳnh	2A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	13/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
11	2207010099	Phan Thu Huệ	5A-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	10/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
12	2207010143	Nguyễn Phương Linh	5A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	05/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
13	2207010186	Vũ Lê Thục Ngân	5A-22	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	25/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
14	2107010241	Nguyễn Ngọc Tâm	4A-21	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	31/03/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
15	2207010214	Vũ Thị Kim Oanh	4A-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	12/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
16	2207010173	Chu Đình Nam	4A-22	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	23/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
17	2207010218	Đào Mai Phương	4A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	30/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
18	2207010255	Đinh Thị Phương Thảo	4A-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	02/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
19	2007010049	Dương Viết Đạt	6A-20	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	13/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
20	2207010071	Vương Thúy Hà	7A-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	10/08/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
21	2207010123	Vũ Thị Ngọc Khánh	7A-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	10/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
22	2207010221	Nguyễn Mai Phương	7A-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	20/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
23	2101040212	Đỗ Thành Vinh	7C-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	15/01/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
24	2107010213	Đỗ Kim Oanh	8A-21	Chứng chỉ IELTS		8.5	BC-Việt Nam	16/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
25	2207010201	Phạm Thành Nguyễn	8A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	10/10/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
26	2207010291	Vũ Thị Huyền Trang	8A-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	09/02/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
27	1807010136	Phạm Thị Thu Huyền	9A-18	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	12/11/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
28	2206080042	Trịnh Bảo Ly Hà	1Q-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	10/01/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
29	2204040053	Nguyễn Dương Tùng Lâm	1TC-21	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	05/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
30	2106190033	Nguyễn Tiến Mạnh	2D-21C	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	01/03/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
31	2206090060	Nguyễn Huy Long	3D-22	Chứng chỉ IELTS		8.0	IDP-Việt Nam	23/12/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
32	2206090072	Tạ Thảo Nguyên	3D-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	04/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
33	2206080032	Trần Mạnh Dũng	3Q-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	15/11/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
34	2206080069	Nguyễn Gia Linh	3Q-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	17/04/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
35	2206080116	Bùi Thị Anh Thư	3Q-22	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	13/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
36	2201060035	Nguyễn Khánh Linh	3TD-22	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	13/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
37	2206080059	Bùi Gia Khánh	4Q-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	IDP-Việt Nam	13/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
38	0222C0185	Phạm Thị Thái Hà	1TXA21.3.HN	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	18/03/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
39	0223D0941	Hồ Thị Hương	1TXA23.4.HN	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	26/03/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
40	2267010200	Hoàng Văn Anh	1VBA22-2	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	21/07/2024	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
41	2267010254	Vũ Thu Hiền	1VBA22-2	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	04/10/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
42	2267010399	Vũ Hà Trang	1VBA22-2	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	18/09/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
43	0223C0502	Nguyễn Đức Hậu	1TXA23.3.HN	Certificate in Advanced English		C1	Cambridge Assessment English	24/08/2025	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
44	2207010111	Phạm Thị Thanh Huyền	4A-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/01/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
45	2207010065	Phạm Thu Đông	11A-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
46	1904040045	Nguyễn Phương Hoa	1TC-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/02/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
47	2004050006	Vũ Thị Lan Anh	2M-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/01/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
48	2204040095	Phạm Minh Trang	2TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/04/2026	ANH.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ C1		MT	
49	2207030081	Nguyễn Bích Ngọc	1A-23	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/06/2023	61ENG3RES	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2	7.8	
50	2304000067	Đặng Bảo Ngân	1A-25	Thực hành tiếng Anh B1	14	7.5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/11/2025	61ENG1B1a	Thực hành tiếng Anh B1	9	7.5	
				Thực hành tiếng Anh B2	14	7.1			61ENG1B2a	Thực hành tiếng Anh B2	10	7.1	
51	2207030109	Nguyễn Thị Thùy Trang	1P-22	Thực hành tiếng Anh B2	10	7.8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/05/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
				Thực hành tiếng Anh B2	10	7.8			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	7.6	
52	2207100002	Nguyễn Diệp An	2B-22	Thực hành tiếng Anh B1	9	7.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/12/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
				Thực hành tiếng Anh B1	9	7.3			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	7.3	
53	2207030079	Nguyễn Thị Liên Nga	2P-22	Thực hành tiếng A2	8	6.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/05/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	6.9	
				Thực hành tiếng B1	8	7.1			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	7.1	
54	2207020113	Nguyễn Thị Quỳnh	3N-22	Thực hành Tiếng Anh B1	9	6.5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/01/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
				Thực hành Tiếng Anh B2	10	6.7			05/05/2025	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	
55	2207020136	Lê Thị Bích Thùy	3N-22	Thực hành tiếng B1	9	6.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/12/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
				Thực hành tiếng B2	10	7.7			TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	
56	2207030078	Nguyễn Thị Trà My	1P-22	Thực hành tiếng Anh B1	9	6.7	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/01/2025	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	6.7	
57	2107020138	Nguyễn Thanh Thảo	4N-21	Thực hành tiếng Anh A2	8	6.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/05/2024	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
				Thực hành tiếng Anh A2	8	6.6			61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	6.6	
				Thực hành tiếng Anh B1	8	7.0			61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	7.0	
				Thực hành tiếng Anh B1	8	7.0			61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	7.0	
58	2207030081	Nguyễn Bích Ngọc	4P-22	Thực hành tiếng A2	8	8.5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	04/01/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	8.5	
				Thực hành tiếng B1	8	7.6		10/05/2024	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	7.6	
59	2207030098	Nguyễn Hương Thảo	4P-22	Hanu Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/04/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
				Hanu Test tiếng Anh		B2			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
60	22LTR04001	Nguyen Ania	4A-22	Thực hành tiếng A2	14	7.7	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/12/2022	61ENG1A2	Thực hành tiếng A2	8	7.7	
				Thực hành tiếng B1	14	7.0		24/03/2023	61ENG1B1	Thực hành tiếng B1	8	7.0	
				Thực hành tiếng B2	14	7.6		23/06/2023	61ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	7.6	
61	2527010330	Lê Thị Minh Ngọc	4TXA25.1	Thực hành tiếng B2	18	7.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/05/2025	65ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	7.9	
62	2267010085	Nguyễn Thu Huyền	1TXA22.2.HN	Thực hành tiếng A2	8	7.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/04/2026	65ENG1A2	Thực hành tiếng A2	8	7.2	
				Thực hành tiếng B1	8	6.8			65ENG1B1	Thực hành tiếng B1	8	6.8	
				Phương pháp học tập tiếng Anh	2	9.1			65ENG1STS	Phương pháp học tập tiếng Anh	2	9.1	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
63	2367010093	Bạch Nhật Lệ	1TXA23.3.HN	Thực hành tiếng A2	8	7.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	15/04/2026	65ENG1A2	Thực hành tiếng A2	8	7.3	
				Thực hành tiếng B1	8	7.4			65ENG1B1	Thực hành tiếng B1	8	7.4	
				Phương pháp học tập tiếng Anh	2	8.7			65ENG1STS	Phương pháp học tập tiếng Anh	2	8.7	
				Thực hành tiếng B2	12	8.1			65ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	8.1	
				Thực hành tiếng C1	12	5.7			65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	5.7	
				Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	7.3			65ENG3CSC	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	3	7.3	
				Ngữ pháp tiếng Anh 1	3	7.3			65ENG3GR1	Ngữ pháp tiếng Anh 1	3	7.3	
				Văn học các nước nói tiếng Anh	3	7.8			65ENG3LES	Văn học các nước nói tiếng Anh	3	7.8	
				Từ vựng học tiếng Anh	3	5.5			65ENG3LEX	Từ vựng học tiếng Anh	3	5.5	
				Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	3	5.5			65ENG3PHP	Ngữ âm - Âm vị học tiếng Anh	3	5.5	
				Biên dịch cơ bản	3	5.8			65ENG3PPT	Biên dịch cơ bản	3	5.8	
				Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7.5			65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7.5	
				Nhập môn Biên- Phiên dịch	3	5.5			65ENG3TII	Nhập môn Biên - Phiên dịch	3	5.5	
64	2207010002	Nguyễn Thị Vân An	2A-22	[57239-ENG] ANGLO-AMERICAN LITERATURE (Văn học Anh - Mỹ)	9	26/30	Đại học Tổng hợp Bergamo	18/03/2026	61ENG4ALT	Văn học Mỹ thế kỷ 20	2	8.5	
				[EN-92075] CROSS-CULTURAL COMMUNICATION (Giao tiếp liên văn hóa)	6	27/30			61ENG4ICP	Chuyên đề giao tiếp liên văn hóa	2	9.0	
65	0223A0042	Đặng Thị Ngọc Hân	1TXA23.1.HN	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	6.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	20/06/2025	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
66	2467010219	Đỗ Thuý Dương	1VBA24-2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/06/2022	63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
67	2467010269	Trương Thị Thanh Huyền	1VBA24-2	Phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học	2	9.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/06/2024	63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
68	2467010322	Đỗ Lan Phương	1VBA24-2	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	9.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
69	2567012077	Nguyễn Thị Thu Hằng	1VBA25-1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7.0	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	30/12/2025	63ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
70	2427011007	Lê Thị Phương Anh	2TXA24.3	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	8.4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/07/2021	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
71	2527010111	Phương Hằng Giang	2TXA25.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	21/05/2019	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
72	2527010429	Nguyễn Thị Thu Thảo	2TXA25.1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	9.0	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	15/10/2019	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
73	2527010441	Dương Anh Thư	4TXA25.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	A	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỒ HÀ NỘI	09/07/2024	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
74	2527011208	Trần Hương Giang	4TXA25.1	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	7.9	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/06/2022	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
75	2427010208	Lã Thị Mai Linh	5TXA24.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7.0	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	22/01/2026	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	

24/

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
76	2527010271	Trần Thị Nhật Linh	5TXA25.1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	B	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	13/04/2022	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
77	2527010383	Chu Thị Phương	7TXA25.1	Phương pháp học tập và nghiên cứu	2 đvht	9.0	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	29/06/2010	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
78	2527010795	Đỗ Kiều Linh	6TXA25.2	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	23/12/2025	65ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	MT	
			6TXA25.2	Chứng chỉ IELTS		8.0			65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
79	2427010294	Phạm Thị Hồng Nhung	5TXA24.1	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	10/02/2026	65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
80	2527010025	Nguyễn Mai Anh	1TXA25.1	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	26/06/2025	65ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	MT	
			1TXA25.1	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam		65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
81	2527010401	Nguyễn Tùng Sơn	1TXA25.1	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	10/04/2026	65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
82	2527010631	Nguyễn Mạnh Duy	1TXA25.2	Chứng chỉ IELTS		6.0	IDP-Việt Nam	05/01/2025	65ENG1B1	Thực hành tiếng B1	8	MT	
83	2567012047	Nguyễn Thị Dung	1VBA25-2	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	14/07/2025	63ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	MT	
			1VBA25-2	Chứng chỉ IELTS		7.0			63ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
84	2567012175	Đào Mai Ly	1VBA25-2	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	14/12/2025	63ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	MT	
85	2567012185	Nguyễn Ngọc Minh	1VBA25-2	Chứng chỉ IELTS		7.5		12/12/2024	63ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	MT	
			1VBA25-2	Chứng chỉ IELTS		7.5	63ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT			
86	2527010388	Hoàng Minh Quang	3TXA25.1	Chứng chỉ IELTS		8	IDP Việt Nam	11/02/2026	65ENG2B2	Thực hành tiếng B2	12	MT	
			3TXA25.1	Chứng chỉ IELTS		8		26/02/2026	65ENG2C1	Thực hành tiếng C1	12	MT	
87	2527011559	Nghiêm Hiền Thảo	3TXA25.3	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	05/04/2026	65ENG1B1	Thực hành tiếng B1	8	MT	
88	2527010606	Đào Vũ Linh Chi	4TXA25.2	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dành cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/12/2025	65ENG1B1	Thực hành tiếng B1	8	MT	
89	2207070024	Phạm Thị Hậu	1H-22	Chứng chỉ IELTS		5.5	BC-Việt Nam	15/11/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
90	2107170075	Lê Thị Phương	1H-22C	Chứng chỉ IELTS		6.5	IDP-Việt Nam	03/01/2026	62ENG2FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
									61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
91	2207090033	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	1I-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	12/04/2026	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
92	2207090045	Trần Thị Khánh Linh	1I-22	Chứng chỉ IELTS		5.5	IDP-Việt Nam	28/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
93	2307040096	Nguyễn Ngọc Minh	6T-23	Chứng chỉ IELTS		5.5	IDP-Việt Nam	06/10/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
94	2207170071	Nguyễn Khánh Ly	2H-22C	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	09/04/2026	62ENG2FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
95	2307020048	Đỗ Đức Giang	4N-23	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	23/08/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
96	2307020096	Nguyễn Nhật Linh	4N-23	Chứng chỉ IELTS		6.0	IDP-Việt Nam	08/08/2024	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
97	2101000009	Quách Thị Thúy Anh	2TT-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	IDP-Việt Nam	16/04/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
98	2101000037	Phạm Phương Ngân	2TT-21	Chứng chỉ IELTS		7.0	BC-Việt Nam	08/04/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
99	2207070102	Nguyễn Thị Bảo Vân	3H-22	Chứng chỉ IELTS		8.0	BC-Việt Nam	30/12/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
100	2207020078	Đỗ Thanh Mai	3N-22	Chứng chỉ IELTS		7.5	BC-Việt Nam	05/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
101	2207030107	Mai Thị Trang	3P-22	Chứng chỉ IELTS		6.0	IDP-Việt Nam	11/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
102	2107140086	Lê Minh Tâm	2T-22C	TOEFL iBT		B2	Tổ chức ETS (Hoa Kỳ)	21/03/2026	62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
103	2007100001	Nghiêm Quỳnh Anh	1B-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	11/04/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
104	2007100026	Hà Thiên Kim	1B-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG	14/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
105	2207070054	Nguyễn Thị Mến	1H-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
106	2107090030	Đặng Thị Thu Hà	1I-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
107	2307090019	Vũ Đỗ Kim Hà	1I-23	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
108	2107060073	Nguyễn Thị Thu Huyền	1NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
109	2107060148	Trần Phương Thanh	1NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
110	2107060047	Nguyễn Thu Hằng	1NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
111	2207060038	Lã Thị Hồng Diệu	1NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
112	2107030073	Nguyễn Cúc Phương	1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
113	2107030113	Nguyễn Thanh Vân	1P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
114	2207040023	Nguyễn Hồ Minh Châu	1T-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
115	2207040030	Phạm Hà Chi	1T-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
116	2207040124	Bùi Thị Thanh Ngà	1T-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/02/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
117	2207040140	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1T-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	06/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
118	2207140043	Thịnh Phương Loan	1T-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/03/2026	62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
119	2207140080	Phạm Phương Thảo	1T-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH	12/04/2026	62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
120	2307040084	Nguyễn Thị Loan	1T-23	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
121	2207080048	Hà Thu Hương	1TB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
122	2201000005	Lê Nguyễn Phương Anh	1TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	03/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
123	2201000006	Nguyễn Hoài Anh	1TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
124	2201000011	Bùi Mai Chi	1TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
125	2201000054	Hoàng Minh Quân	1TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
126	2301000016	Trần Minh Hằng	1TT-23	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	21/07/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
127	2007100029	Ngô Thị Thùy Linh	2B-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG	14/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
128	2007100055	Nguyễn Anh Thư	2B-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG	14/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
129	2107100011	Kiều Thị Linh Chi	2B-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
130	2207050023	Đặng Tiến Đạt	2Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/02/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
131	2207050033	Vũ Nguyệt Hà	2Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	06/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
132	2207050041	Hoàng Thu Hiền	2Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	03/02/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
133	2207050059	Nguyễn Khánh Linh	2Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	06/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
134	2207050085	Ngô Minh Nguyệt	2Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	03/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
135	2207050091	Nguyễn Khả Phúc	2Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
136	2207050106	Nghiêm Anh Thơ	2Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	28/07/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
137	2107070004	Phạm Hải Phương Anh	2H-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
138	2107190034	Trần Ngọc Linh	2I-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/04/2026	62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
139	2107060072	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/03/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
140	2107060180	Phan Thu Trang	2NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
141	2107060024	Trần Thị Thanh Bình	2NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
142	2107060076	Vũ Khánh Huyền	2NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
143	2207060021	Trần Lan Anh	2NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
144	2107030022	Tô Anh Đức	2P-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/04/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
145	1907140055	Lương Thị Cẩm Vân	2T-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/10/2025	62ENG3FL5	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 1B2	4	MT	
									62ENG3FL6	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Anh 2B2	4	MT	
146	2307040040	Nguyễn Thị Tâm Hào	2T-23	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
147	2107080035	Phạm Mỹ Huyền	2TB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/04/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
148	2101000027	Đình Thùy Linh	2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/02/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
149	2101000040	Bùi Văn Nhi	2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/02/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
150	2101000048	Nguyễn Thu Thủy	2TT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/02/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
151	2201000003	Lê Nam Anh	2TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/12/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
152	2201000016	Nguyễn Tiến Đạt	2TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/12/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
153	2201000024	Bùi Thu Hiền	2TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
154	2201000057	Nguyễn Thị Thu Thảo	2TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
155	2201000063	Thần Tuyết Nhi	2TT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	04/04/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
156	2301000001	Đương Quỳnh Anh	2TT-23	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
157	2301000005	Nguyễn Ngọc Anh	2TT-23	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
158	2007050037	Nguyễn Hương Giang	3Đ-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/01/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
159	2207050024	Nguyễn Anh Đức	3Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/02/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
160	2007070100	Đương Phương Thảo	3H-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
161	2207070026	Đỗ Anh Nhất Hoa	3H-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/02/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
162	2207070035	Nguyễn Thị Thu Hương	3H-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
								31/01/2026	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
163	2207070039	Trần Lê Minh Khuê	3H-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/02/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
164	2207070041	Nguyễn Thị Lan	3H-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/02/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
165	2107170073	Chu Thị Vân Oanh	3H-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/03/2026	62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
166	2107170093	Hà Thị Thùy	3H-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
167	2107020075	Lê Khánh Linh	3N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/01/2026	61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
168	2007060100	Nguyễn Khánh Linh	3NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	14/10/2024	61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
169	2107060083	Đinh Thị Khánh Linh	3NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
170	2107060189	Trần Thị Hải Yến	3NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	15/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
171	2107060189	Trần Thị Hải Yến	3NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4			61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
172	2207060016	Nguyễn Phương Anh	3NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
173	2207060045	Nguyễn Thị Thùy Dương	3NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
174	2207060076	Đậu Thị Lan Hương	3NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
175	2107030040	Nguyễn Mai Hương	3P-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
176	2207030091	Nguyễn Thảo Phương	3P-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	15/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
177	2207040003	Đinh Thị Kim Anh	3T-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
178	2207040105	Lê Khánh Loan	3T-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
179	2207040143	Phạm Hải Phương	3T-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	30/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
180	2207140057	Hoàng Thị Minh Ngọc	3T-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/08/2024	62ENG2FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG2FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	6	MT	
									62ENG3FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Anh)	8	MT	
181	2307040175	Bùi Hải Vân	3T-23	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
182	2107080039	Nguyễn Khánh Linh	3TB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
183	2207050043	Lê Bích Hồng	4Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/02/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
184	2207050062	Nguyễn Phi Yến Linh	4Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
185	2207050078	Nguyễn Trà My	4Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	30/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
186	2207050082	Vũ Thị Kim Ngân	4Đ-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	21/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
187	2007020152	Trịnh Xuân Trường	4N-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/04/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
188	2107020119	Đỗ Thu Phương	4N-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/04/2025	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
									61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
189	2107060030	Lại Hoàng Thảo Đan	5NB-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	04/04/2026	61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
190	2107060120	Mai Hoàng Ngân	5NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
191	2107040047	Đinh Phương Hằng	5T-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
192	2107060119	Phan Thị Ngân	6NB-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
193	2107040183	Nguyễn Thị Minh Thu	6T-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC3	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	11/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
194	2307040056	Đặng Thị Huyền	6T-23	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	20/01/2026	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
195	2007040241	Nguyễn Thanh Thư	7T-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/03/2026	61ENG3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A1	3	MT	
									61ENG3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh A2	4	MT	
								10/03/2026	61ENG3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 1B1	3	MT	
									61ENG3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Anh 2B1	4	MT	
196	2207040045	Bùi Thị Hương Giang	1T-22	Hanu Test tiếng Anh		C1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/04/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
197	2201000007	Phạm Bảo Anh	1TT-22	Hanu Test tiếng Anh		C1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	27/04/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
198	2207050102	Phạm Phương Thanh	2Đ-22	Hanu Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/10/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
199	2201000015	Nguyễn Thị Anh Đào	2TT-22	Hanu Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/10/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
200	2201000039	Nguyễn Thị Ngọc Linh	2TT-22	Hanu Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/10/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
201	2201000041	Nguyễn Vũ Khánh Ly	2TT-22	Hanu Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/10/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
202	2201000059	Lê Bùi Song Thương	2TT-22	Hanu Test tiếng Anh		B2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/10/2025	61ENG3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Anh)	7	MT	
									61ENG3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Anh)	7	MT	
203	2107090006	Lê Thị Hoài Anh	1A-22	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu Khoa học	2	9.0	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	29/12/2021	61ENG1STS	Phương pháp Học tập tiếng Anh	2		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
204	2527010436	Phan Thị Quỳnh Thoa	2TXA25.1	Phương pháp NCKH	2 đvht	7	ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	01/06/2009	65ENG3RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHNN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR Năng lực ngoại ngữ 2				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR	Tin chí	Kết quả	
DANH SÁCH XIN XÉT MIỄN CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ 2													
1	2384020001	Lê Thị Thanh Phuong	1TH-CS-31	Chứng chỉ Aptis Esol		B2 (Bậc 4)	BC-Việt Nam	29/03/2026	B2SDHANH	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ - tiếng Anh - (Thạc sĩ)		MT	
2	238LOV1004	Nguyễn Thuý Linh	1TH-LV-31	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/03/2026	B2SDHANH	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Anh - (Thạc sĩ)		MT	
3	238NAR20001	Trần Phương Trâm	1TH-NR-31	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	24/9/2025	B2SDHANH	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Anh - (Thạc sĩ)		MT	
4	2387011002	Vũ Hồng Duyên	1TH-A-31	Hanu Test Tiếng Pháp		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/07/2024	B2SDHPHAP	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Pháp - (Thạc sĩ)		MT	
5	2387012002	Đình Lê Hạnh Anh	1TH-A-31	Hanu Test Tiếng Trung		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		B2SDHTRUNG	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Trung - (Thạc sĩ)		MT	
6	2387012004	Nguyễn Minh Anh	1TH-A-31	Hanu Test Tiếng Trung		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	28/06/2024	B2SDHTRUNG	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Trung - (Thạc sĩ)		MT	
7	2387012007	Đỗ Thị Duyên	1TH-A-31	Hanu Test Tiếng Trung		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/07/2024	B2SDHTRUNG	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Trung - (Thạc sĩ)		MT	
8	2387012017	Ngô Thị Thu Phuong	1TH-A-31	Hanu Test Tiếng Trung		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/06/2025	B2SDHTRUNG	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Trung - (Thạc sĩ)		MT	
9	2387012018	Nguyễn Thị Như Quỳnh	1TH-A-31	Hanu Test Tiếng Pháp		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/07/2024	B2SDHPHAP	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Pháp - (Thạc sĩ)		MT	
10	2387012019	Nguyễn Phương Thảo	1TH-A-31	Hanu Test Tiếng Trung		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	28/06/2024	B2SDHTRUNG	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Trung - (Thạc sĩ)		MT	
11	2387061001	Đặng Thị Cảnh	1TH-NB-31	Hanu Test Tiếng Anh		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/07/2024	B2SDHANH	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Anh - (Thạc sĩ)		MT	
12	2387062011	Nguyễn Thị Sinh	1TH-NB-31	Hanu Test Tiếng Anh		B2 (Bậc 4)	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI		B2SDHANH	Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ 2 tiếng Anh - (Thạc sĩ)		MT	
DANH SÁCH XIN CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP													
13	238LOV1003	Hồ Ngọc Lan	1TH-P-32	Phân tích diễn ngôn	3	9.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	13/04/2026	71FREIDIA	Phân tích diễn ngôn	3	9.6	
			1TH-P-32	Từ vựng-ngữ nghĩa học tiếng Pháp	3	9.6			71FREIFLS	Từ vựng, ngữ nghĩa học tiếng Pháp	3	9.6	
			1TH-P-32	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	6	8.8			71FREIFTM	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	6	8.8	
			1TH-P-32	Giao tiếp liên văn hóa	3	8.2			71FREIINC	Giao tiếp Liên văn hoá	3	8.2	
			1TH-P-32	Lý thuyết dịch và dịch văn học	3	8.8			71FREIITT	Lý thuyết dịch	3	8.8	
			1TH-P-32	Hình thái cú pháp học	3	9.0			71FREIMOS	Hình thái-cú pháp học tiếng Pháp	3	9.0	
			1TH-P-32	Ngữ âm học và âm vị học tiếng Pháp	3	3.6			71FREIPHO	Ngữ âm học và Âm vị học	3	3.6	
			1TH-P-32	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	8.7			71FREIPRG	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	8.7	
			1TH-P-32	Phương pháp nghiên cứu khoa học	6	8.4			71FREIREM	Phương pháp nghiên cứu	6	8.4	
						1TH-P-32			Phân tích diễn ngôn	3	7.3		
			1TH-P-32	Từ vựng-ngữ nghĩa học tiếng Pháp	3	8.9			71FREIFLS	Từ vựng, ngữ nghĩa học tiếng Pháp	3	8.9	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR Năng lực ngoại ngữ 2				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR	Tin chỉ	Kết quả	
14	248LOV1007	Nguyễn Thị Thom	1TH-P-32	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	6	7.6	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	4/13/2026	71FRE1FTM	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	6	7.6	
			1TH-P-32	Giao tiếp Liên văn hóa	3	8.0			71FRE1INC	Giao tiếp Liên văn hoá	3	8.0	
			1TH-P-32	Lý thuyết dịch và dịch văn học	3	7.6			71FRE1ITT	Lý thuyết dịch	3	7.6	
			1TH-P-32	Hình thái cú pháp học	3	8			71FRE1MOS	Hình thái-cú pháp học tiếng Pháp	3	8.0	
			1TH-P-32	Ngữ âm học và âm vị học tiếng Pháp	3	8.7			71FRE1PHO	Ngữ âm học và Âm vị học	3	8.7	
			1TH-P-32	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	8.5			71FRE1PRG	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	8.5	
			1TH-P-32	Phương pháp nghiên cứu khoa học	6	8.1			71FRE1REM	Phương pháp nghiên cứu	6	8.1	
15	248LOV1008	Nguyễn Thị Thu Uyên	1TH-P-32	Phân tích diễn ngôn	3	8	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	4/13/2026	71FRE1DIA	Phân tích diễn ngôn	3	8.0	
			1TH-P-32	Từ vựng, ngữ nghĩa học tiếng Pháp	3	8.8			71FRE1FLS	Từ vựng, ngữ nghĩa học tiếng Pháp	3	8.8	
			1TH-P-32	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	6	7.2			71FRE1FTM	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	6	7.2	
			1TH-P-32	Giao tiếp liên văn hoá	3	8.4			71FRE1INC	Giao tiếp Liên văn hoá	3	8.4	
			1TH-P-32	Lý thuyết dịch và dịch văn học	3	8.2			71FRE1ITT	Lý thuyết dịch	3	8.2	
			1TH-P-32	Hình thái cú pháp học	3	7.7			71FRE1MOS	Hình thái-cú pháp học tiếng Pháp	3	7.7	
			1TH-P-32	Ngữ âm học và âm vị học Tiếng Pháp	3	8.9			71FRE1PHO	Ngữ âm học và Âm vị học	3	8.9	
			1TH-P-32	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	9.1			71FRE1PRG	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	9.1	
			1TH-P-32	Phương pháp nghiên cứu khoa học	6	8.5			71FRE1REM	Phương pháp nghiên cứu	6	8.5	
16	248LOV2013	Phạm Hà Trang	1TH-P-32	Phân tích diễn ngôn	3	7.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	4/13/2026	71FRE1DIA	Phân tích diễn ngôn	3	7.3	
			1TH-P-32	Từ vựng-ngữ nghĩa học tiếng Pháp	3	8.6			71FRE1FLS	Từ vựng, ngữ nghĩa học tiếng Pháp	3	8.6	
			1TH-P-32	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	6	7.0			71FRE1FTM	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp	6	7.0	
			1TH-P-32	Giao tiếp liên văn hóa	3	8.4			71FRE1INC	Giao tiếp Liên văn hoá	3	8.4	
			1TH-P-32	Lý thuyết dịch và dịch văn học	3	7.5			71FRE1ITT	Lý thuyết dịch	3	7.5	
			1TH-P-32	Hình thái cú pháp học	3	7.7			71FRE1MOS	Hình thái-cú pháp học tiếng Pháp	3	7.7	
			1TH-P-32	Ngữ âm và âm vị học tiếng Pháp	3	8.4			71FRE1PHO	Ngữ âm học và Âm vị học	3	8.4	
			1TH-P-32	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	8.4			71FRE1PRG	Ngữ dụng học tiếng Pháp	3	8.4	
			1TH-P-32	Phương pháp nghiên cứu khoa học	6	8.4			71FRE1REM	Phương pháp nghiên cứu	6	8.4	
17	2587011011	Trần Ngọc Mai	1TH-A-33	Chứng chỉ HSK & HSKK		HSK4	Trung tâm hợp tác và giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (CLEC)	11/01/2026	71CHI1FB2	Ngoại ngữ 2_B2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI
KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA TIẾNG BỒ ĐÀO NHA, ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-DHHN, ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2207100012	Võ Mai Anh	1A-23	Thực hành tiếng A1	12	7.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/08/2022	61POR3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Bồ Đào Nha)	4	7.2	
				Thực hành tiếng A2	8	6.4		11/01/2023	61POR3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Bồ Đào Nha)	4	6.4	
				Thực hành tiếng B1	8	6.2		19/10/2023	61POR3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Bồ Đào Nha)	6	6.2	
2	2207100056	Nguyễn Thị Lan Trinh	1A-23	Thực hành tiếng A1	12	8.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	10/12/2022	61POR3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Bồ Đào Nha)	4	8.1	
				Thực hành tiếng A2	8	6.5		20/05/2023	61POR3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Bồ Đào Nha)	4	6.5	
				Thực hành tiếng B1	8	7.0		19/10/2023	61POR3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Bồ Đào Nha)	6	7.0	
3	2107100039	Nguyễn Thị Luyến	1H-22	Thực hành tiếng 3A1	4	8.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	04/01/2022	61POR3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Bồ Đào Nha)	4	7.8	
				Thực hành tiếng 2A1	2	7.0		25/11/2021					
				Thực hành tiếng 1A1	3	7.8		05/11/2021	61POR3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Bồ Đào Nha)	4	7.2	
				Thực hành tiếng 2A2	4	5.9		12/04/2022					
				Thực hành tiếng 1A2	4	8.4		03/03/2022	61POR3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Bồ Đào Nha)	6	6.1	
				Thực hành tiếng 2B1	4	5.6		06/10/2022					
				Thực hành tiếng 3B1	4	5.7		15/11/2022					
				Thực hành tiếng 1B1	4	7.0		24/05/2022					

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP
KHOA TIẾNG ĐỨC, ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-DHNN, ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tin chi/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần	Tin chi	Kết quả	
1	2107050064	Nguyễn Thị Thùy Linh	1A-23	Thực hành tiếng 1A1	4	9.4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	16/04/2026	61GER3FA1	Ngoại ngữ 2_ A1 (Tiếng Đức)	4	9.2	
				Thực hành tiếng 2A1	4	8.9							
				Thực hành tiếng 1A2	4	8.6			61GER3FA2	Ngoại ngữ 2_ A2 (Tiếng Đức)	4	8.7	
				Thực hành tiếng 2A2	3	8.7							
				Thực hành tiếng 1B1	3	9.6			61GER3FB1	Ngoại ngữ 2_ B1 (Tiếng Đức)	6	9.2	
				Thực hành tiếng 2B1	3	8.8							

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA QTKD&DL
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Nơi cấp VB	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2206090029	Nguyễn Hoàng Đăng	1D-22	Quản trị hành vi tổ chức	6	30	Đại học Tổng hợp Bergamo	13/03/2026	61MGT3OBE	Hành vi tổ chức	3	10.0	
			1D-22	Văn hoá và du lịch di sản	6	28			61THM4HET	Du lịch di sản	3	9.5	
2	2206190006	Phan Vũ Tuấn Anh	1D-22C	Kinh doanh bền vững	6	29	Đại học Tổng hợp Bergamo	19/03/2026	62MGT2SUS	Bền vững trong Kinh doanh	3	9.5	
			1D-22C	Môi trường và Du lịch bền vững	6	26			62THM3SUT	Du lịch bền vững	3	8.5	
			1D-22C	Nghiên cứu văn hoá và di sản du lịch	6	29			62THM4HET	Du lịch di sản	3	9.5	
3	2204000048	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	1K-22	Quản trị nhân sự giữa các nền văn hoá	4	2	Trường Đại học Graz	20/01/2026	61HRM3IHR	Quản trị nhân sự quốc tế	3	8.2	
				Giới thiệu về chính sách môi trường	6	2							
				Thiết kế và chiến lược tổ chức	4	1		03/12/2025	61MGT4SMT	Quản trị chiến lược	3	9.0	
				Lý thuyết trò chơi	6	1							
4	2204000029	Phan Quang Đại	1K-23	Quản trị nhân sự chiến lược toàn cầu	3	87	Đại học Minh Truyền	07/07/2025	61HRM3IHR	Quản trị nhân sự quốc tế	3	8.7	
			1K-23	Quản trị vận trù	3	74			61MGT3IOM	Nhập môn vận trù học	3	7.4	
			1K-23	Hành vi tổ chức	3	88			61MGT3OBE	Hành vi tổ chức	3	8.8	
5	2204050017	Nguyễn Mai Doanh	1M-22	Khởi nghiệp và đổi mới	10	26	Đại học Tổng hợp Messina	30/03/2026	61MGT4ENP	Khởi nghiệp	3	8.5	
6	2204040022	Đặng Thị Phương Dung	1TC-22	Các chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế	8	26		30/01/2026	61ACC2FA1	Kế toán tài chính 1	3	8.5	
			1TC-22	Quản trị phát triển bền vững	8	24		13/01/2026	61MGT2SUS	Bền vững trong Kinh doanh	3	8.0	
7	2206190050	Nguyễn Thị Hà Trang	2D-22C	Quản trị phát triển bền vững	8	23		62MGT2SUS	Bền vững trong Kinh doanh	3	7.5		
			2D-22C	Khởi nghiệp và đổi mới	10	30	21/01/2026	62THM4ENT	Khởi nghiệp kinh doanh du lịch	3	10.0		
8	2204000059	Phùng Thị Khánh Lê	2K-23	Khởi nghiệp và đổi mới	10	28	Đại học Tổng hợp Messina	05/02/2026	61MGT4ENP	Khởi nghiệp	3	9.5	
			2K-23	Marketing	8	25		17/02/2026	61MKT2PMK	Nguyên lý Marketing	3	8.5	
			2K-23	Quản trị chất lượng toàn diện	8	30		02/02/2026	61OPM3QMT	Quản trị chất lượng	3	10.0	
9	2204010029	Ứng Thu Hà	2KT-22	Tài chính doanh nghiệp	6	29	Đại học Calabria	24/03/2026	61FIN3CFI	Tài chính doanh nghiệp	3	9.5	
			2KT-22	Kinh tế lượng tài chính	9	25			61STA3ECO	Kinh tế lượng	3	8.5	
10	2204010040	Nguyễn Mai Hương	2KT-22	Tài chính doanh nghiệp	6	27	Đại học Calabria	30/03/2026	61FIN3CFI	Tài chính doanh nghiệp	3	9.0	
			2KT-22	Kinh tế lượng tài chính	9	25			61STA3ECO	Kinh tế lượng	3	8.5	
11	2104010069	Nguyễn Thúy Ngân	3KT-22	Marketing	8	23	Đại học Tổng hợp Messina	29/01/2026	61MKT2PMK	Nguyên lý Marketing	3	7.5	
12	2204040022	Đặng Thị Phương Dung	1TC-22	Quản trị chất lượng toàn diện	8	30	Đại học Tổng hợp Messina	02/02/2026	61MGT4SMT	Quản trị chiến lược	3	10	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA NLNN KHOA TIẾNG NHẬT
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-DHHN, ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xét miễn, công nhận				Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ Chuẩn đầu ra NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
Danh sách xin xét miễn Chuẩn đầu ra												
1	1907060141	Trần Lâm Oanh	5NB-19	Chứng chỉ JLPT	N2	Ủy ban Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
2	2007060008	Lê Hải Anh	4NB-21	Chứng chỉ JLPT	N2		21/04/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
3	2007060101	Nguyễn Thị Diệu Linh	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
4	2107060008	Lê Thị Vân Anh	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
5	2107060011	Nguyễn Minh Anh	3NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		04/09/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
6	2107060016	Phạm Bảo Anh	5NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		07/07/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
7	2107060020	Nguyễn Vũ Hà Anh	2NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
8	2107060022	Nguyễn Trung Bách	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
9	2107060024	Trần Thị Thanh Bình	2NB-22	Chứng chỉ JLPT	N1		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
10	2107060027	Đỗ Thị Ngọc Chi	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N1		20/10/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
11	2107060036	Vũ Thùy Dương	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		20/02/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
12	2107060039	Đặng Thế Giang	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
13	2107060044	Nguyễn Thị Hải Hà	6NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		28/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
14	2107060047	Nguyễn Thu Hằng	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xét miễn, công nhận				Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ Chuẩn đầu ra NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
15	2107060054	Nguyễn Thị Hào	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2	Ủy giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	06/07/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
16	2107060058	Nguyễn Thị Hiền	2NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
17	2107060068	Lưu Thị Thu Hương	6NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		10/02/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
18	2107060074	Phùng Thị Ngọc Huyền	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		07/02/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
19	2107060075	Trịnh Thị Huyền	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
20	2107060080	Lưu Ngọc Lan	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N1		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
21	2107060083	Đinh Thị Khánh Linh	3NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
22	2107060088	Nguyễn Diệu Linh	2NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
23	2107060093	Phạm Thị Thùy Linh	2NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
24	2107060094	Phan Thị Khánh Linh	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		26/02/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
25	2107060116	Nguyễn Phương Ngân	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		25/02/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
26	2107060119	Phan Thị Ngân	6NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
27	2107060122	Bùi Bích Ngọc	3NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		17/09/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
28	2107060125	Đỗ Thị Hồng Ngọc	2NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
29	2107060130	Hoàng Thảo Nguyên	6NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
30	2107060133	Hà Thị Nhật	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
31	2107060136	Nguyễn Minh Phương	6NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		18/09/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
32	2107060138	Nguyễn Thu Phương	4NB-21	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xét miễn, công nhận				Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ Chuẩn đầu ra NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
33	2107060154	Phạm Thị Hoa Thu	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2	Quý giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
34	2107060158	Nguyễn Thị Hoài Thương	2NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
35	2107060165	Lê Phương Thùy	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
36	2107060169	Vũ Thị Ngọc Trâm	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
37	2107060178	Nguyễn Thị Trang	5NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
38	2107060189	Trần Thị Hải Yến	3NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		26/09/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
39	2207060016	Nguyễn Phương Anh	3NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
40	2207060017	Nguyễn Phương Anh	4NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
41	2207060034	Nguyễn Thảo Chinh	3NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
42	2207060046	Nguyễn Thị Linh Đan	3NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
43	2207060055	Lê Hồng Hạnh	6NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
44	2207060058	Đỗ Ngọc Hiền	3NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
45	2207060061	Vũ Thị Hiền	6NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
46	2207060079	Phùng Diệu Hương	5NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
47	2207060084	Nguyễn Thị Mai Lan	5NB-22	Chứng chỉ JLPT	N1		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
48	2207060093	Phạm Thị Thùy Linh	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
49	2207060104	Nguyễn Thị Thanh Mai	5NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		12/08/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
50	2207060118	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xét miễn, công nhận				Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ Chuẩn đầu ra NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
51	2207060136	Trần Thu Phương	1NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2	Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
52	2207060140	Nguyễn Thảo Quỳnh	5NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		10/01/2025	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
53	2207060146	Chu Thị Thanh	5NB-22	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	
54	2737060033	Bế Thị Uyên	1TCNB-26	Chứng chỉ JLPT	N2		13/08/2024	NHAT.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Nhật - Trình độ C1		MT	

Danh sách xin xét miễn học phần

55	2537062017	Phan Thị Thu Huyền	1TCNB-25-2	Chứng chỉ JLPT	N2	Quỹ giao lưu quốc tế Nhật Bản và Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản	19/01/2026	64JAP1A2B	Thực hành tiếng Nhật A2	9	MT	
							19/01/2026	64JAP1B1B	Thực hành tiếng Nhật B1	9	MT	
56	2527061023	Nguyễn Huy Hoàng	1TXNB-25-1	Chứng chỉ JLPT	N2		19/01/2026	65JAP1A2B	Thực hành tiếng Nhật A2	9	MT	
			1TXNB-25-1	Chứng chỉ JLPT	N2		19/01/2026	65JAP2B1B	Thực hành tiếng Nhật B1	9	MT	
57	2527061053	Đỗ Thị Thanh Thủy	1TXNB-25-1	Chứng chỉ JLPT	N2		19/01/2026	65JAP1A2B	Thực hành tiếng Nhật A2	9	MT	
			1TXNB-25-1	Chứng chỉ JLPT	N2		19/01/2026	65JAP2B1B	Thực hành tiếng Nhật B1	9	MT	
58	2527062050	Nguyễn Thị Phương Linh	1TXNB-25-2	Chứng chỉ JLPT	N3		19/01/2026	65JAP1A2B	Thực hành tiếng Nhật A2	9	MT	
59	2527062059	Mai Thị Nga	1TXNB-25-2	Chứng chỉ JLPT	N2		19/01/2026	65JAP1A2B	Thực hành tiếng Nhật A2	9	MT	
			1TXNB-25-2	Chứng chỉ JLPT	N2		19/01/2026	65JAP2B1B	Thực hành tiếng Nhật B1	9	MT	
60	2527062097	Trần Thị Yến	1TXNB-25-2	Chứng chỉ JLPT	N2		19/01/2026	65JAP1A2B	Thực hành tiếng Nhật A2	9	MT	
			1TXNB-25-2	Chứng chỉ JLPT	N2		19/01/2026	65JAP2B1B	Thực hành tiếng Nhật B1	9	MT	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT MIỄN HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA NLNN
KHOA TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH, ĐỢT 5, NĂM 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ CĐR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
1	2006060028	Nguyễn Đức Thành	1NC-20	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	24/02/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
2	2006080040	Đoàn Minh Hiền	2Q-20	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	04/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
3	2104040087	Phạm Thị Diễm Quỳnh	2TC-21	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	12/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
4	2104040106	Đinh Thị Thanh Trúc	3TC-21	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	British Council	27/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
5	2201040151	Trần Đình Quân	7C-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	18/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
6	2201040182	Đặng Thành Trung	7C-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	12/09/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
7	2201040199	Nguyễn Anh Vũ	5C-22	Chứng chỉ IELTS		7.5-C1	British Council	18/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
8	2201060004	Nguyễn Hoàng Diệu Anh	2TD-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	29/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
9	2201060038	Trần Khánh Linh	2TD-22	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	British Council	10/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
10	2201060045	Nguyễn Trà My	2TD-22	Chứng chỉ IELTS		8.0-C1	British Council	04/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
11	2201140018	Đỗ Tuấn Dũng	3C-22C	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	01/02/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
12	2204000022	Hà Mai Chi	1K-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	15/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
13	2204000023	Nguyễn Quỳnh Chi	2K-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	29/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
14	2204000066	Từ Hồng Linh	2K-22	Chứng chỉ IELTS		5.5-B2	British Council	24/08/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
15	2204040037	Nguyễn Tuấn Hào	1TC-22	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	British Council	05/07/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
16	2204040102	Nguyễn Thị Khánh Vy	3TC-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	05/09/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
17	2204050049	Nguyễn Bích Ngọc	3M-22	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	British Council	02/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
18	2206060003	Nguyễn Quỳnh Anh	1NC-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	24/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
19	2206060025	Nguyễn Thị Ngọc Linh	1NC-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	01/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
20	2206060031	Đinh Hồng Ngọc	2NC-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	31/01/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
21	2206080001	Lại Phúc Mỹ An	1Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	30/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
22	2206080028	Đinh Thị Kim Dung	1Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	11/02/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
23	2206080063	Bùi Nhật Linh	4Q-22	Chứng chỉ IELTS		7.5-C1	British Council	07/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
24	2206080071	Nguyễn Khánh Linh	1Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	25/01/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
25	2206080105	Lê Thị Ánh Tuyết	3Q-22	Chứng chỉ IELTS		5.5-B2	British Council	16/08/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
26	2206080121	Trần Đỗ Quỳnh Trang	1Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	10/02/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
27	2206080126	Phạm Thu Vân	3Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	British Council	17/10/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
28	2206190043	Nguyễn Phương Thảo	2D-22C	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	British Council	15/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
29	2306060039	Nguyễn Nguyễn Phương	1NC-23	Chứng chỉ IELTS		7.5-C1	British Council	04/07/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
30	2001040217	Trịnh Đình Tú	6C-20	Chứng chỉ IELTS		7.5-C1	IDP	02/07/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
31	2101040012	Đỗ Thị Ngọc Anh	2C-21	Chứng chỉ IELTS		5.5-B2	IDP	13/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
32	2106080130	Đinh Công Tú	3Q-21	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	IDP	11/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
33	2201040058	Nguyễn Hồng Hạnh	3C-22	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	IDP	06/10/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
34	2201040096	Lê Khánh Linh	6C-22	Chứng chỉ IELTS		7.5-C1	IDP	24/08/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
35	2201040139	Nguyễn Thanh Phong	7C-22	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	IDP	18/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
36	2201060022	Bùi Tiến Đức	1TD-22	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	IDP	31/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
37	2201060033	Lê Long Khánh	1TD-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	IDP	31/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
38	2204000074	Đặng Như Ngọc	2K-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	IDP	08/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
39	2204000076	Mạc Nguyễn Bảo Ngọc	2K-22	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	IDP	28/07/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
40	2204040011	Trần Hà Anh	3TC-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	IDP	22/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
41	2206080018	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	4Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	IDP	28/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
42	2206080029	Nguyễn Thị Thanh Dung	4Q-22	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	IDP	30/05/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
43	2206080034	Lê Bùi Ánh Dương	4Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	IDP	30/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
44	2206080040	Nguyễn Hương Giang	1Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	IDP	21/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ CĐR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
45	2206080047	Lê Xuân Hoàn	1Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	IDP	22/02/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
46	2206080058	Trần Lê Mai Khanh	2Q-22	Chứng chỉ IELTS		7.5-C1	IDP	31/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
47	2206080066	Hoàng Thùy Linh	1Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	IDP	22/02/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
48	2206080072	Nguyễn Ngọc Linh	4Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	IDP	30/09/2024	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
49	2206080118	Đào Thùy Trang	3Q-22	Chứng chỉ IELTS		6.0-B2	IDP	22/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
50	2206090062	Đỗ Trúc Mai	2D-22	Chứng chỉ IELTS		7.5-C1	IDP	25/01/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
51	2206190002	Đàm Quỳnh Anh	1D-22C	Chứng chỉ IELTS		7.0-C1	IDP	04/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
52	2206190028	Nguyễn Thị Thục Nguyễn	2D-22C	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	IDP	11/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
53	2206190033	Mai Hà Phương	1D-22C	Chứng chỉ IELTS		6.5-B2	IDP	15/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
54	2206060047	Đinh Mai Trang	1NC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	03/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
55	2004010078	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2KT-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
56	1804010028	Nguyễn Thị Diên Hà	2KT-18	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
57	1901040031	Dương Thế Công	1C-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	26/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
58	1904040092	Lê Yến Nhi	3TC-19	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	25/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
59	2001040011	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/01/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
60	2001040085	Nguyễn Đăng Hùng	6C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
61	2001040107	Đoàn Trung Kiên	6C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
62	2001040157	Ngô Thị Nguyệt	2C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
63	2001040175	Nguyễn Minh Quang	6C-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
64	2004010006	Nguyễn Minh Anh	3KT-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
65	2004040108	Ngô Thảo Trang	3TC-20	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	03/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
66	2101040042	Nguyễn Thị Kiều Chinh	1C-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
67	2101040175	Nguyễn Thị Thom	3C-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
68	2101140023	Nguyễn Ngọc Hà	2C-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
69	2101140032	Trần Mai Hương	1C-21C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
70	2104000110	Hoàng Thanh Trúc	3K-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
71	2104040075	Ninh Thị Ánh Ngọc	2TC-21	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/11/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
72	2106080082	Đoàn Phương Mai	2Q-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	04/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
73	2106190056	Vũ Hương Trà	1D-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
74	2201040063	Phan Thị Hằng	1C-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	04/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
75	2201040098	Nguyễn Hương Linh	5C-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
76	2201040143	Trịnh Thanh Phương	7C-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
77	2201040174	Cần Thị Thanh Thúy	4C-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	30/3/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
78	2201140003	Khúc Ngọc Anh	1C-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
79	2201140031	Bùi Việt Hoàng	1C-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
80	2201140046	Tạ Thị Tuyết Lan	1C-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
81	2201140048	Lê Thị Khánh Linh	1C-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
82	2201140087	Đỗ Thị Phương Thảo	1C-22C	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
83	2204000001	Chu Quế Anh	3K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
84	2204000003	Đỗ Thị Như Anh	2K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	05/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
85	2204000004	Hòa Vũ Hà Anh	3K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
86	2204000011	Từ Lê Hải Anh	3K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	08/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
87	2204000025	Đặng Thị Dung	1K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
88	2204000034	Bùi Thị Giang	1K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
89	2204000039	Vương Thùy Giang	2K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
90	2204000043	Phan Thị Hằng	2K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
91	2204000045	Trịnh Thị Thúy Hằng	3K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
92	2204000047	Vương Sỹ Thu Hiền	1K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
93	2204000050	Trịnh Thị Hoa	2K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
94	2204000055	Nguyễn Thị Minh Huyền	3K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
95	2204000073	Vũ Thu Ngân	3K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
96	2204000081	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	1K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
97	2204000085	Nguyễn Minh Phương	3K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 5	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
98	2204000089	Trần Diễm Quỳnh	1K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
99	2204000103	Đỗ Vũ Cẩm Vân	2K-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
100	2204010011	Phạm Như Anh	3KT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
101	2204010032	Đỗ Thị Ngọc Hân	1KT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
102	2204010054	Nguyễn Ngọc Mai	3KT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
103	2204010093	Nguyễn Thị Hoài Thu	1KT-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
104	2204040008	Nguyễn Minh Anh	2TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	11/02/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
105	2204040014	Trương Ngọc Anh	2TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
106	2204040054	Cao Ngọc Linh	3TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/09/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
107	2204040059	Nguyễn Tú Linh	3TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	19/12/2025	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
108	2204040066	Nguyễn Duy Nam	2TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
109	2204040084	Nguyễn Cẩm Tú	2TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	18/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
110	2204040088	Trần Thu Thảo	2TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	07/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
111	2204040091	Đinh Thu Thủy	3TC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
112	2204050011	Nguyễn Bảo Châu	2M-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	23/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
113	2206060004	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2NC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
114	2206060005	Nguyễn Thị Vân Anh	2NC-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	17/03/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
115	2206080009	Lê Hải Anh	3Q-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	06/04/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	
116	2206080014	Nguyễn Trần Văn Anh	1Q-22	Chứng chỉ NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam		BẬC 4	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	12/01/2026	ANH.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Anh - Trình độ B2		MT	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI
KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA TIẾNG TÂY BAN NHA, ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-DHNN, ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2007080028	Lâm Mạnh Hiếu	1A-22	Thực hành tiếng 1A1	3	7.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	31/12/2024	61SPA3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (tiếng Tây Ban Nha)	4	MT	
				Thực hành tiếng 2A1	3	6.7				61SPA3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (tiếng Tây Ban Nha)	4	
				Thực hành tiếng 2A2	4	6.9			61SPA3FB1		Ngoại ngữ 2_B1 (tiếng Tây Ban Nha)	6	
				Thực hành tiếng 1A2	4	6.0							
				Thực hành tiếng 1B1	4	6.8							
				Thực hành tiếng 2B1	4	7.3							
				Thực hành tiếng 3B1	4	7.2							

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA QUỐC TẾ HỌC
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-DHHN, ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2306080046	Đình Thị Hương	1Q-23	Nhập môn Quan hệ quốc tế	15	G	Đại học Gothenburg	31/10/2025	61FIS3INR	Quan hệ Quốc tế	3	8.0	
				Chính trị Môi trường trong Lý thuyết và Thực tiễn	7.5	VG		08/12/2025	61FIS3EMCa	Quản lý Môi trường và Biến đổi Khí hậu	4	9.0	
2	2206060008	Tổng Minh Anh	2NC-22	Sự phát triển của Nhà nước Phúc lợi	4	5	Đại học Warsaw	16/2/2026	61DES4DEP	Chính sách Phát triển	3	10.0	
3	2206080104	Nguyễn Minh Tuấn	3Q-22	Hệ thống an ninh tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương	5	5	Đại học Warsaw	23/02/2026	61FIS2AST	Nghiên cứu châu Á	3	10.0	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP
KHOA TIẾNG TRUNG QUỐC, ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-DHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tín chỉ/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
DANH SÁCH XIN XÉT MIỄN CHUẨN ĐẦU RA													
1	2007040027	Phan Thị Kim Chi	8T-20	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	22/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
2	2007040079	Hoàng Thị Minh Hòa	4T-20	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	12/04/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
3	2107040047	Đinh Phương Hằng	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
4	2107040056	Vi Thị Hoa	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
5	2107040072	Đặng Diệu Hương	6T-21	HSK, HSKK		BẬC 7	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
6	2107040133	Hoàng Thị Nhung	1T-21	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
7	2107040183	Nguyễn Thị Minh Thu	6T-21	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	07/02/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
8	2107040187	Âu Hương Trà	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
9	2107100021	Nguyễn Thị Hậu	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	18/08/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
10	2207040003	Đinh Thị Kim Anh	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
11	2207040005	Hoàng Phương Anh	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
12	2207040007	Lê Hà Anh	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
13	2207040008	Lê Ngọc Anh	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
14	2207040009	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
15	2207040013	Tô Văn Anh	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
16	2207040016	Vương Minh Anh	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
17	2207040018	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chí	Kết quả	
18	2207040019	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
19	2207040020	Phùng Ngọc Ánh	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
20	2207040024	Đỗ Hoàng Khánh Chi	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
21	2207040025	Lại Linh Chi	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
22	2207040026	Lê Quỳnh Chi	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
23	2207040027	Nguyễn Kim Chi	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
24	2207040028	Nguyễn Kim Chi	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
25	2207040030	Phạm Hà Chi	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
26	2207040031	Nông Thị Chinh	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	19/07/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
27	2207040033	Đình Thúy Diên	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
28	2207040034	Nguyễn Thị Diệp	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
29	2207040035	Bùi Thị Quỳnh Diệu	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
30	2207040038	Lê Thị Kim Dung	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
31	2207040039	Nguyễn Thị Thùy Dung	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
32	2207040040	Trần Thị Thùy Dung	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
33	2207040043	Trần Thuỳ Dương	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
34	2207040045	Bùi Thị Hương Giang	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
35	2207040046	Linh Hương Giang	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
36	2207040047	Đàm Thu Hà	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
37	2207040048	Khổng Thị Thu Hà	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
38	2207040049	Nguyễn Thị Hà	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	07/02/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
39	2207040050	Nguyễn Thu Hà	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
40	2207040051	Vũ Thị Thanh Hải	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chí	Kết quả	
41	2207040052	Vũ Hồng Hạnh	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
42	2207040053	Vũ Hồng Hạnh	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
43	2207040054	Lại Thị Hào	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
44	2207040055	Lê Thị Minh Hào	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	12/04/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
45	2207040056	Ngô Thị Thanh Hào	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
46	2207040057	Nguyễn Thị Hằng	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
47	2207040058	Nguyễn Thu Hằng	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
48	2207040060	Nguyễn Thị Thanh Hậu	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
49	2207040061	Bùi Nguyễn Thúy Hiền	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
50	2207040062	Hoàng Thu Hiền	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	28/02/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
51	2207040064	Võ Lê Thảo Hiền	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/02/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
52	2207040066	Đoàn Hồng Hoa	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
53	2207040068	Phương Thanh Hoa	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	31/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
54	2207040069	Đỗ Thị Minh Hòa	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/02/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
55	2207040070	Nguyễn Thị Kim Hòa	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
56	2207040071	Hoàng Minh Hồng	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	15/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
57	2207040073	Đàm Thị Thúy Hợp	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
58	2207040074	Hà Thị Huyền	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
59	2207040075	Lê Thị Thanh Huyền	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
60	2207040076	Mai Thị Thanh Huyền	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
61	2207040079	Trần Thị Thanh Huyền	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
62	2207040084	Nguyễn Anh Kiệt	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
63	2207040086	Quan Khắc Khiết	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
64	2207040087	Lù Thị Khuê	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
65	2207040089	Hà Ngọc Lan	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
66	2207040090	Phạm Nguyễn Tùng Lâm	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
67	2207040091	Đoàn Thị Lệ	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
68	2207040093	Đàm Thị Ngọc Linh	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
69	2207040098	Nguyễn Ngọc Linh	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
70	2207040099	Nguyễn Thị Thùy Linh	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
71	2207040100	Nguyễn Thị Thùy Linh	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
72	2207040101	Phạm Hà Linh	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
73	2207040104	Vũ Thùy Linh	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
74	2207040105	Lê Khánh Loan	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
75	2207040107	Trần Văn Lương	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
76	2207040108	Lương Hồng Ly	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
77	2207040110	Trần Khánh Ly	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
78	2207040111	Trần Thị Hương Ly	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
79	2207040113	Lê Ngọc Mai	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
80	2207040114	Lương Ngọc Sao Mai	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
81	2207040115	Vũ Thị Mai	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
82	2207040116	Vũ Thị Xuân Mai	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	21/09/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
83	2207040117	Đào Trần Nhật Minh	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
84	2207040118	Lê Quang Minh	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
85	2207040119	Ngô Hoàng Minh	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
86	2207040120	Nguyễn Hồng Minh	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tín chỉ/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
87	2207040122	Lê Thị Nguyệt Nga	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
88	2207040123	Trần Thị Thúy Nga	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
89	2207040124	Bùi Thị Thanh Nga	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
90	2207040126	Mạc Minh Ngọc	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
91	2207040129	Trần Bích Ngọc	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
92	2207040130	Trần Khánh Ngọc	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
93	2207040132	Hồ Thảo Nguyên	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
94	2207040133	Đinh Thị Lan Nhi	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
95	2207040134	Hoàng Yến Nhi	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
96	2207040135	Nguyễn Hương Nhi	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
97	2207040136	Nguyễn Phương Nhi	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/02/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
98	2207040137	Trần Khánh Nhi	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
99	2207040138	Vũ Hà Nhi	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
100	2207040139	Triệu Bích Nhuận	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
101	2207040140	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
102	2207040141	Vũ Kiều Oanh	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
103	2207040144	Vũ Hà Phương	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
104	2207040146	Lê Diễm Quỳnh	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
105	2207040149	Hoàng Thị Vân Sa	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
106	2207040152	Lương Thị Tâm	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
107	2207040154	Lê Thị Cẩm Tú	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
108	2207040155	Nguyễn Thị Cẩm Tú	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
109	2207040159	Diệp Thị Phương Thảo	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chí	Kết quả	
110	2207040161	Hoàng Thu Thảo	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
111	2207040162	Nguyễn Hiền Thảo	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
112	2207040164	Trần Thị Thanh Thảo	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
113	2207040167	Nguyễn Thị Minh Thu	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
114	2207040169	Nông Thị Lệ Thuý	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
115	2207040170	Đào Thị Thanh Thùy	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
116	2207040171	Nguyễn Thị Thanh Thùy	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	07/02/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
117	2207040174	Nguyễn Thị Anh Thư	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
118	2207040175	Trần Thị Minh Thư	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
119	2207040176	Hoàng Thị Thương	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
120	2207040178	Nông Phương Trà	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
121	2207040179	Nguyễn Thị Thanh Trà	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
122	2207040184	Ngô Thị Thu Trang	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
123	2207040185	Nguyễn Đặng Thu Trang	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
124	2207040186	Nguyễn Thị Hà Trang	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
125	2207040189	Nguyễn Thu Trang	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
126	2207040190	Phạm Hạnh Trang	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	19/07/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
127	2207040191	Phạm Minh Trang	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
128	2207040192	Phạm Thị Thu Trang	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
129	2207040194	Vũ Thị Thu Trang	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	07/02/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
130	2207040195	Trần Thị Sơn Trúc	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
131	2207040197	Đào Thị Thu Uyên	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
132	2207040198	Đinh Thị Mai Uyên	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	

244

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tín chỉ/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
133	2207040199	Lăng Thị Vân	5T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
134	2207040200	Ngô Thị Vân	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
135	2207040202	Nguyễn Thị Bích Vân	1T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
136	2207040203	Ngô Quang Vinh	2T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
137	2207040204	Vũ Hà Vy	3T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
138	2207040205	Nguyễn Thị Xuân	4T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
139	2207040207	Nguyễn Trung Dũng	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
140	2207040208	Trịnh Thị Thùy Linh	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	07/12/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
141	2207040223	Sái Thị Thảo Ly	6T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
142	2207040224	Nguyễn Ngọc Mai	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
143	2207040244	Hoàng Lý Bảo Ngọc	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
144	2207040245	Hoàng Thị Ngọc Ánh	7T-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
145	2107140009	Trần Thị Quỳnh Anh	3T-21C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
146	2107140011	Vũ Châu Anh	4T-21C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
147	2107140024	Trịnh Hà Giang	3T-21C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/11/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
148	2107140083	Đỗ Như Quỳnh	1T-21C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
149	2107140086	Lê Minh Tâm	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
150	2207140001	Cao Hải Anh	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
151	2207140002	Hà Thị Kiều Anh	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
152	2207140004	Lê Vũ Hoàng Anh	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
153	2207140006	Ngô Vũ Ngọc Anh	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
154	2207140007	Nguyễn Thị Vân Anh	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
155	2207140010	Đào Thị Ngọc Ánh	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chí	Kết quả	
156	2207140011	Vũ Thủy Bình	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
157	2207140012	Nguyễn Kim Cúc	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
158	2207140014	Trần Thị Phương Chi	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
159	2207140015	Nguyễn Thủy Dung	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
160	2207140016	Nguyễn Thùy Dung	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
161	2207140018	Vương Huyền Đan	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
162	2207140019	Nguyễn Hương Giang	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
163	2207140021	Đào Hồng Hạnh	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
164	2207140022	Tạ Hồng Hạnh	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
165	2207140023	Lương Thu Hằng	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
166	2207140024	Nguyễn Minh Hằng	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
167	2207140025	Giáp Thị Hoa	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
168	2207140031	Phạm Tuấn Hưng	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
169	2207140032	Hà Thị Lan Hương	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
170	2207140035	Chu Khánh Linh	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
171	2207140037	Đoàn Thị Linh	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	12/01/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
172	2207140039	Nguyễn Tài Linh	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
173	2207140041	Nguyễn Thị Thùy Linh	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
174	2207140042	Trương Ngọc Linh	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
175	2207140043	Thịnh Phương Loan	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
176	2207140044	Nguyễn Hoàng Mai	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
177	2207140045	Nguyễn Ngọc Mai	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
178	2207140047	Lê Thị Trà My	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chí	Kết quả	
179	2207140050	Nguyễn Trà My	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
180	2207140051	Vũ Thị Trà My	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
181	2207140052	Đinh Ngọc Thảo Ngân	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
182	2207140054	Vũ Hoàng Ngân	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	23/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
183	2207140056	Chu Minh Ngọc	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
184	2207140057	Hoàng Thị Minh Ngọc	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
185	2207140058	Nguyễn Thị Ngọc	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	23/02/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
186	2207140059	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
187	2207140061	Nguyễn Thị Nhung	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
188	2207140062	Phạm Thị Tú Oanh	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
189	2207140066	Nguyễn Thị Thu Phương	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
190	2207140068	Đinh Dương Hồng Sương	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	22/03/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
191	2207140069	Nguyễn Minh Tâm	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
192	2207140070	Phạm Ngọc Minh Tâm	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
193	2207140071	Nguyễn Thủy Tiên	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
194	2207140072	Bùi Thị Tuyền	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
195	2207140074	Bùi Thị Phương Thảo	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
196	2207140075	Đoàn Phương Thảo	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
197	2207140076	Đỗ Nguyễn Thanh Thảo	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
198	2207140077	Đỗ Phương Thảo	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
199	2207140078	Đồng Phương Thảo	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
200	2207140080	Phạm Phương Thảo	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
201	2207140081	Trần Thị Thu Thảo	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
202	2207140082	Trần Thương Thảo	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
203	2207140084	Nguyễn Thị Thùy	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
204	2207140085	Ngô Thị Thùy	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
205	2207140086	Nguyễn Anh Thư	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
206	2207140087	Nguyễn Thị Minh Thư	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
207	2207140088	Phạm Minh Thư	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/03/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
208	2207140089	Nguyễn Thị Mên Thương	2T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
209	2207140091	Nguyễn Thị Trang	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	25/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
210	2207140093	Nguyễn Thùy Trang	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	19/07/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
211	2207140095	Tạ Thị Thu Trang	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
212	2207140096	Hồ Ngọc Quế Trâm	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	13/12/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
213	2207140097	Nguyễn Thị Thảo Vân	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
214	2207140098	Nguyễn Thị Hà Vi	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
215	2207140099	Đình Thị Hải Yến	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
216	2207140100	Phạm Thị Hải Yến	4T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	24/01/2026	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
217	2207140101	Nguyễn Thùy Nhi	1T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
218	2207140106	Lý Thị Huyền Trang	3T-22C	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C2		MT	
219	2167040038	Nguyễn Thu Hằng	1VBT21-1	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	12/04/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
220	2267040038	Nguyễn Thị Hoa	2VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	09/03/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
221	2267040063	Nguyễn Thảo Mai	2VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	18/10/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
222	2267040089	Lê Thị Thảo	1VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	12/04/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
223	2267040097	Trần Thị Thu Thủy	3VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	22/03/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
224	2267040101	Vũ Thị Thu Trang	1VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/05/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tin chí	Kết quả	
225	2267040109	Phạm Thị Tuyết Trinh	3VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
226	2267040112	Ngô Thị Tý	3VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
227	2267040156	Hoàng Thị Thu Hương	2VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	12/04/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
228	2267040166	Dương Hoàng Lan	1VBT22-2	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	12/04/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
229	2267040172	Nguyễn Thị Khánh Linh	1VBT22-2	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	11/04/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
230	2267040174	Lê Yến Linh	1VBT22-2	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	11/01/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
231	2267040177	Tô Thị Loan	2VBT22-2	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
232	2267040184	Trần Thị Thúy Nga	1VBT22-2	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	14/12/2024	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
233	2267040207	Lê Thị Thảo	1VBT22-2	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	11/04/2026	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
234	2267040214	Lê Thị Thu Trang	1VBT22-1	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	12/04/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
235	2367040118	Phạm Thị Uyên	2VBT23-2	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	19/07/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
236	1937040030	Vũ Thị Phương	1TCT-19	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
237	2037040088	Nguyễn Thu Trà	2TCT-20	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
238	2237040100	Nguyễn Thị Kim Oanh	4TCT-21-2	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
239	2237040127	Nguyễn Đức Thịnh	2TCT-21-2	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
240	2237040156	Trần Thảo Vân	1TCT-21	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/11/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
241	2237040157	Nguyễn Thị Thảo Vân	1TCT-21-2	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	17/08/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	
242	2237040552	Hoàng Phương Thuý	1TCT-22-2	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	07/09/2025	TRUNG.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Trung Quốc - Trình độ C1		MT	

DANH SÁCH XIN XÉT MIỄN HỌC PHẦN

1	2107030029	Trần Thị Hà Giang	1P-21	THT Trung Quốc_A1	8	8.0	Trường Đại học Hà Nội	08/04/2026	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	8.0	
				THT Trung Quốc_A2	8	6.3			61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	6.3	
				THT Trung Quốc_B1	8	5.2			61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	5.2	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	5.2	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chí	Kết quả	
2	2007010012	Nguyễn Minh Anh	11A-21	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/03/2026	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
3	2007010049	Đương Viết Đạt	6A-20	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	24/01/2026	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
4	2007050041	Đỗ Thị Thu Hà	3Đ-20	HSK, HSKK		BẬC 4	CLEC	15/11/2025	61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
5	2007070055	Tô Thuý Linh	2H-20	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	25/10/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
6	2107010002	Ngô Thị Bích Phượng	2A-21	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	28/02/2026	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
7	2107010078	Nguyễn Vũ Hà	1A-21	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	07/09/2025	61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
8	2107010154	Nguyễn Thị Thảo Linh	9A-21	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/11/2025	61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tín chỉ/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
9	2107010192	Đinh Thị Thúy Ngân	8A-21	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/03/2026	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
10	2107010254	Nguyễn Thị Thanh Thảo	8A-21	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/11/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
11	2107030056	Nguyễn Thị Thảo Ly	2P-21	HSK, HSKK		BẬC 4	CLEC	25/10/2025	61CHI3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A1	3	MT	
									61CHI3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc A2	4	MT	
									61CHI3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 1B1	3	MT	
									61CHI3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Trung Quốc 2B1	4	MT	
12	2107060137	Nguyễn Thị Thu Phương	4NB-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	25/10/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
13	2207010020	Nguyễn Thị Phương Anh	8A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	11/1/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
14	2207010058	Nguyễn Thị Thuý Dương	8A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	11/1/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chí	Kết quả	
15	2207010072	Hoàng Dung Mỹ Hạnh	1A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/03/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
16	2207010073	Hoàng Tâm Hạnh	2A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	18/10/2025	61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
17	2207010084	Trần Thu Hiền	1A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	24/01/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
18	2207010122	Nguyễn Nam Khánh	6A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/03/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
19	2207010176	Nguyễn Thị Thu Nga	6A-22	HSK, HSKK		BẬC 5	CLEC	15/03/2026	61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
20	2207010177	Trịnh Thị Nga	7A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	22/03/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
21	2207010183	Nguyễn Thị Ngân	2A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	18/10/2025	61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
22	2207010184	Trần Tuyết Ngân	3A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	13/12/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
23	2207010242	Phạm Thúy Quỳnh	6A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	11/01/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tín chỉ/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
24	2207010278	Lê Hiền Thương	7A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	28/02/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
25	2207010318	Nông Thu Thảo	9A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	07/02/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
26	2207020090	Chu Thị Ngọc	3N-22	HSK, HSKK		BẬC 4	CLEC	25/10/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
27	2207020095	Nguyễn Thị Kim Ngọc	3N-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	24/01/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
28	2207060008	Lê Nguyễn Minh Anh	4NB-23	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/03/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
29	2207060053	Nguyễn Hoàng Ngân Hà	4NB-23	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	16/11/2024	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
30	2207090008	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	2I-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/03/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận				Học phần tương đương/CDR NLNN				Ghi chú	
				Minh chứng	Tin chí/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CDR NLNN	Tin chí		Kết quả
31	2207090029	Trần Thị Thu Huyền	2I-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	11/01/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
32	2207090077	Trương Triệu Vy	2I-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/03/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
33	2307010003	Trần Thu An	5A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	13/12/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
34	2307010030	Vũ Nguyễn Việt Anh	5A-23	HSK, HSKK		BẬC 4	CLEC	17/08/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
35	2307010167	Phương Thị Hà My	5A-23	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	15/11/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
36	2307010188	Lê Thảo Nguyên	10A-22	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	22/06/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
37	2307010247	Nguyễn Minh Thúy	5A-23	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	07/12/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/CĐR NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tín chỉ/ ĐVH T	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
38	2307050036	Trần Tùng Chi	1Đ-23	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	13/12/2025	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
39	2307050038	Vũ Linh Chi	3Đ-23	HSK, HSKK		BẬC 4	CLEC	24/01/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
40	2307090009	Nghiêm Thị Ngọc Diệp	2I-23	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	07/02/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	6	MT	
41	2407010259	Phan Thị Ngọc Linh	8A-24	HSK, HSKK		BẬC 3	CLEC	31/01/2026	61CHI3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
									61CHI3FB1A	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Trung Quốc)	4	MT	
42	2007080058	Cao Anh Phương	1T-22	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	7.5	Trường Đại học Hà Nội	14/12/2020	61CHI1CLS	Phương pháp học tập tiếng Trung Quốc	2	7.5	
43	2107030038	Hoàng Thị Hoa	1T-22	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	7.5		23/12/2021	61CHI1RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
44	2207040002	Bùi Vân Anh	2T-23	Hán tự học	2	8.6	Trường Đại học Minh Truyền	27/01/2026	61CHI3CHA	Hán tự học	2	8.6	
45	2207140009	Trịnh Mai Anh	1T-23C	Hán tự học	2	8.8		07/07/2025	62CHI3CHA	Hán tự học	2	8.8	
				Giao tiếp Liên văn hoá	2	8.2			62CHI3INC	Giao tiếp Liên văn hóa	2	8.2	
46	2207140048	Ngô Thị Thảo My	2T-23C	Hán tự học	2	8.7		07/07/2025	62CHI3CHA	Hán tự học	2	8.7	
				Giao tiếp Liên văn hoá	3	8.2			62CHI3INC	Giao tiếp Liên văn hóa	2	8.2	
47	2267040008	Nguyễn Hải Bình	2VBT22-1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	8.1	Trường Đại học Mở Hà Nội	30/03/2022	63CHI2RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	MT	
48	2537042168	Nguyễn Huyền Trang	2TCT-25-2	HSK, HSKK		BẬC 6	CLEC	15/03/2026	64CHI2B1B	Thực hành tiếng Trung Quốc B1	8	MT	
									64CHI2B2B	Thực hành tiếng Trung Quốc B2	8	MT	
49	2367040118	Phạm Thị Uyên	2VBT23-2	HSK, HSKK	8	BẬC 6	CLEC	19/07/2025	63CHI2C1	Thực hành tiếng C1	8	MT	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT MIỄN VÀ CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP
KHOA TIẾNG HÀN QUỐC, ĐỢT 5 NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xét miễn, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/Chuẩn đầu ra NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
DANH SÁCH XIN XÉT MIỄN CHUẨN ĐẦU RA													
1	2007070055	Tô Thuý Linh	2H-20	TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
2	2107070004	Phạm Hải Phương Anh	2H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/5/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
3	2107070059	Bùi Như Quỳnh	2H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
4	2107070062	Cao Quyết Thắng	2H-22	TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/01/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
5	2107170013	Vũ Thị Lan Anh	3H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/05/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
6	2107170039	Nguyễn Thị Thu Hương	2H-22C	TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
7	2107170075	Lê Thị Phương	1H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/05/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
8	2107170086	Nguyễn Thị Phương Thảo	2H-22C	TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
9	2107170093	Hà Thị Thùy	3H-22C	TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
10	2207070020	Nguyễn Thị Hương Giang	3H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
11	2207070031	Nguyễn Thị Huyền	1H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/10/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
12	2207070046	Lê Thùy Linh	4H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/04/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
13	2207070057	Nguyễn Thị Trà My	4H-22	TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
14	2207070061	Ngô Ngọc Nguyên Ngân	2H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
15	2207070074	Trần Thị Thu Phương	2H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
16	2207070082	Lôi Phương Thảo	3H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
17	2207070090	Phạm Thị Anh Thư	3H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
18	2207070099	Nguyễn Phương Uyên	3H-22	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	23/12/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
19	2207170003	Dương Thị Quỳnh Anh	1H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	27/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
20	2207170014	Trần Bảo Châu	2H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xét miễn, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/Chuẩn đầu ra NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
21	2207170042	Trịnh Hà Hoa	1H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
22	2207170057	Cao Huyền Linh	2H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/07/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
23	2207170070	Tạ Mỹ Linh	1H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/05/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
24	2207170078	Đặng Thị Hà My	1H-22C	TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	10/11/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
25	2207170097	Hoàng Phương Nhung	1H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/05/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
26	2207170101	Nguyễn Hà Phương	1H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/5/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
27	2207170102	Nguyễn Hạ Phương	2H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/10/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
28	2207170115	Nguyễn Phương Thảo	3H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/05/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
29	2207170116	Nguyễn Thị Thanh Thảo	4H-22C	TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
30	2207170127	Nguyễn Thị Diệu Thúy	3H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/10/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
31	2207170130	Nông Thu Trà	2H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/10/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
32	2207170143	Lê Thị Yến	1H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	26/06/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
33	2207170144	Lương Hải Yến	3H-22C	TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/05/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	

DANH SÁCH XIN XÉT MIỄN HỌC PHẦN

34	2007170074	Lê Thị Hoài Thương	2H-20C	TOPIK		BẬC 4	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	11/5/2025	62KOR12A1	Thực hành tiếng 2A1	4	MT	
35	2207170079	Trịnh Thị Yến My	1H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
			1H-23C	Nhập môn Ngôn ngữ học tiếng Hàn	3	A0			62KOR3KAL	Lý thuyết tiếng	2	9.4	
36	2207170046	Trần Quốc Hoàng	2H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Kookmin	07/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
37	2207170089	Nguyễn Thị Ngọc	1H-23C	Ngữ pháp học tiếng Hàn nâng cao	3	A+	Đại học Soonchunhyang	23/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
38	2207170059	Đinh Diệu Linh	3H-23C	Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Sejong	17/07/2025	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
39	2207170135	Nguyễn Huyền Trang	2H-23C	Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Sejong	17/07/2025	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
40	2307170044	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	2H-23C	Nhập môn Văn học Hàn Quốc	3	A0	Đại học Quốc gia Kangwon	07/01/2026	62KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	9.4	
41	2207170005	Ngô Phương Anh	2H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A0	Đại học Dankook	13/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	9.4	
42	2207170009	Trịnh Bùi Phương Anh	3H-23C	Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Sejong	17/07/2025	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
43	2207170137	Nguyễn Thùy Trang	3H-23C	Nhập môn Ngữ pháp tiếng Hàn Quốc	3	B+	Đại học Ajou	05/02/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	8.9	
				Nhập môn Văn học Hàn Quốc hiện đại	3	A0		29/07/2025	62KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	9.4	
44	2207170021	Đàm Thị Kim Dung	3H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
				Nhập môn Ngôn ngữ học tiếng Hàn	3	A+			62KOR3KAL	Lý thuyết tiếng	2	10.0	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xét miễn, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chi/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/Chuẩn đầu ra NLNN	Tin chi	Kết quả	
45	2207170008	Trần Phương Anh	1H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
				Nhập môn Ngôn ngữ học tiếng Hàn	3	A+			62KOR3KAL	Lý thuyết tiếng	2	10.0	
46	2207170098	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
47	2207170122	Lê Thị Thu	2H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
48	2307170071	Nguyễn Hoàng Minh Ngân	2H-23C	Nhập môn Ngôn ngữ học tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/07/2025	62KOR3KAL	Lý thuyết tiếng	2	10.0	
49	2207170088	Lê Minh Ngọc	3H-23C	Ngữ pháp tiếng Hàn	3	B+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	8.9	
				Nhập môn Ngôn ngữ học Tiếng Hàn	3	A0			07/07/2025	62KOR3KAL	Lý thuyết tiếng	2	
50	2307170065	Nguyễn Thảo Minh	2H-23C	Ngữ pháp tiếng Hàn	3	B-	Đại học Quốc gia Kyungpook	13/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	8.2	
51	2207170136	Nguyễn Thị Kiều Trang	3H-23C	Ngữ pháp học tiếng Hàn nâng cao	3	A+	Đại học Soonchunhyang	16/03/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
52	2307170026	Đỗ Doãn Giang	2H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	B+	Đại học Dankook	13/01/2026	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	8.9	
53	2207170052	Vũ Thị Huyền	1H-23C	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/07/2025	62KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
				Nhập môn Ngôn ngữ học Hàn Quốc	3	A0			62KOR3KAL	Lý thuyết tiếng	2	9.4	
54	2307070037	Vũ Bích Loan	2H-24	Khám phá Văn hóa Truyền thống Hàn Quốc	3	A+	Đại học Sejong	04/03/2025	61KOR3CCS	Đất nước học Hàn Quốc	2	10.0	
				Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+			61KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
55	2307070061	Trương Bích Thùy	1H-24	Khám phá Văn hóa Truyền thống Hàn Quốc	3	A+	Đại học Sejong	17/07/2025	61KOR3CCS	Đất nước học Hàn Quốc	2	10.0	
				Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+			61KOR3GRAA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	2	10.0	
56	2207070104	Đào Thị Hải Yến	1H-23	Lý thuyết Ngữ pháp tiếng Hàn	3	A+	Đại học Quốc gia Kangwon	07/01/2026	61KOR3GRA	Ngữ pháp học tiếng Hàn Quốc	3	10.0	
				Nhập môn Văn học Hàn Quốc	3	A+			61KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	10.0	
57	2207070002	Bùi Thị Huyền Anh	1H-23	Nhập môn Ngôn ngữ Hàn	3	A-	Đại học Nữ sinh Sookmyung	07/01/2026	61KOR3KAL	Lý thuyết tiếng	2	9.2	
58	2207070071	Lê Ngọc Phương	2H-23	Nhập môn Văn học Hàn Quốc	3	B+	Đại học Myongji	31/12/2025	61KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	8.9	
59	2207070059	Nguyễn Thị Nữ	1H-23	Nhập môn Văn học Hàn Quốc hiện đại	3	A+	Đại học Ajou	16/01/2026	61KOR3LIT	Văn học Hàn Quốc	2	10.0	
60	2237070240	Đỗ Thị Mai	1TCH-22-1	Chứng chỉ TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	14/04/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
61	2237070258	Lê Thị Mai Quỳnh	1TCH-22-1	Chứng chỉ TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	14/07/2024	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
62	2237070259	Mai Thị Quỳnh	1TCH-22-1	Chứng chỉ TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	24/08/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
63	2237070277	Lê Thị Xuân	1TCH-22-1	Chứng chỉ TOPIK		BẬC 6	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	13/07/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
64	2237070067	Ngô Thị Nga	3TCH-21-2	Chứng chỉ TOPIK		BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	19/10/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	
65	2107100059	Nguyễn Thanh Thùy	1H-22	TOPIK	0	BẬC 5	Viện Giáo dục Quốc tế Quốc gia Hàn Quốc	16/11/2025	HAN.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Hàn Quốc - Trình độ C1		MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xét miễn, công nhận				Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú	
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/Chuẩn đầu ra NLNN	Tin chỉ		Kết quả
66	2007170062	Lê Hoàng Phúc	1A-22	Thực Hành Tiếng Hàn Quốc 2A1	4	6.0	Trường Đại học Hà Nội	23/12/2020	61KOR3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Hàn Quốc)	4	MT	
			1A-22	Thực Hành Tiếng Hàn Quốc 1A1	4	6.0		21/10/2020					
			1A-22	Thực Hành Tiếng Hàn Quốc 1A2	4	7.5		12/05/2021	61KOR3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Hàn Quốc)	4	MT	
			1A-22	Thực Hành Tiếng Hàn Quốc 1A2	4	7.3		17/03/2021					
			1A-22	Thực Hành Tiếng Hàn Quốc 1B1	4	7.5		22/02/2022	61KOR3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Hàn Quốc)	6	MT	
			1A-22	Thực Hành Tiếng Hàn Quốc 3B1	4	7.0		17/05/2022					
			1A-22	Thực Hành Tiếng Hàn Quốc 2B1	4	6.9		24/03/2022					
67	2107100039	Nguyễn Thị Luyện	1H-22	Phương pháp Học tập và Nghiên cứu khoa học	2	8.8	Trường Đại học Hà Nội	11/11/2021	61KOR1RES	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8.8	
			2B-21	Thực hành tiếng Hàn Quốc A1	8	6	Trường Đại học Hà Nội	16/12/2022	61KOR3FL1	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A1	3	6.0	
			2B-21	Thực hành tiếng Hàn Quốc A2	8	6.3		11/03/2023	61KOR3FL2	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc A2	4	6.3	
			2B-21	Thực hành tiếng Hàn Quốc B1	12	6.3		26/06/2023	61KOR3FL3	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 1B1	3	6.3	
			2B-21	Thực hành tiếng Hàn Quốc B1	12	6.3			61KOR3FL4	Ngoại ngữ 2 - tiếng Hàn Quốc 2B1	4	6.3	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP
KHOA TIẾNG ITALIA, ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHNN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú	
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ Chuẩn đầu ra NLNN	Tin chỉ	Kết quả		
1	2207190037	Kiều Hoàng Phương Linh	11-22C	Chứng chỉ CILS - C1	-	63/100	Trường Đại học dành cho người nước ngoài Siena (Italia)	09/02/2026	ITALIA.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Italia - Trình độ C1	-	MT		
2	2307190046	Đỗ Hải Nhi	11-23C	Văn học Italia	6	27/30	Trường Đại học Enna Kore (Italia)	30/01/2026	62ITA3ILI	Văn học Italia	3	9.0		
				Ngôn ngữ học đại cương	9	30/30		05/02/2026	62ITA3LEX	Từ vựng học tiếng Italia	2	10.0		
								62ITA3MOR	Từ pháp học tiếng Italia	2	10.0			
62ITA3PHP	Ngữ âm và âm vị học tiếng Italia	2	10.0											
3	2307190066	Lê Ý Vi	11-23C	Văn học Italia	12	30/30	Trường Đại học Tổng hợp Foggia (Italia)	27/02/2026	62ITA3ILI	Văn học Italia	3	10.0		
4	2407090036	Lê Thị Thùy Linh	11-24	Ngôn ngữ Italia - trình độ B2	6	22/30	Trường Đại học dành cho người nước ngoài Perugia (Italia)	07/01/2026	61ITA2B2a	Thực hành tiếng Italia B2	8	7.8		
5	2407290009	Nguyễn Duy Linh	11-24TT	Ngôn ngữ Italia - trình độ B2	6	18/30			61ITA2B2a	Thực hành tiếng Italia B2	8	6.0		
6	2407290037	Đào Ngọc Linh	11-24TT	Ngôn ngữ Italia - trình độ B2	6	20/30			61ITA2B2a	Thực hành tiếng Italia B2	8	6.0		
				Ngôn ngữ Italia - trình độ B2	6	18/30			61ITA2B2a	Thực hành tiếng Italia B2	8	6.0		
7	2107090044	Đặng Thùy Linh	2I-22	Khóa luận tốt nghiệp	6	30/30	Trường Đại học dành cho người nước ngoài Siena (Italia)	15/04/2026	61ITA4GRP	Khóa luận tốt nghiệp	6	10.0		
				Chứng chỉ CILS - C1	-	66/100		05/12/2024	ITALIA.C1	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Italia - Trình độ C1	-	MT		
8	2207190012	Nguyễn Thị Vân Anh	21-22C	Luật tư	6	27/30	Trường Đại học Tổng hợp Bergamo (Italia)	3/13/2026	62ITA4LEI	Tiếng Italia Pháp luật	2	9.0		
9	2207190018	Nguyễn Minh Châu	21-22C	Lịch sử Nghệ thuật hiện đại	9	27/30	Trường Đại học Tổng hợp Catania	03/03/2026	62ITA3HIA	Lịch sử nghệ thuật Italia	2	9.0		
				Marketing và Kinh tế doanh nghiệp	6	27/30			62ITA4PMK	Nguyên lý cơ bản Marketing	2	9.0		
10	2207190042	Phạm Diệu Linh	21-22C	Lịch sử nghệ thuật hiện đại	9	30/30			27/01/2026	62ITA3HIA	Lịch sử nghệ thuật Italia	2	10.0	
				Luật Châu Âu	6	23/30			03/02/2026	62ITA4LEI	Tiếng Italia Pháp luật	2	7.5	
62ITA4PMK	Nguyên lý cơ bản Marketing	2	8.5											
11	2107090006	Lê Thị Hoài Anh	1A-22	Thực hành tiếng 2A1	4	7.0	Trường Đại học Hà Nội	11/01/2021	61ITA3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Italia)	4	7.6		
				Thực hành tiếng 1A1	4	8.2		23/11/2021						
				Thực hành tiếng 2A2	4	5.2		27/04/2022	61ITA3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Italia)	4	6.0		
				Thực hành tiếng 3A2	2	6.0		30/05/2022						
				Thực hành tiếng 1A2	4	6.8		11/03/2022						
				Thực hành tiếng 1B1	4	6.1								
				Thực hành tiếng 2B1	4	6.1		06/12/2023	61ITA3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Italia)	6	6.1		

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/ Chuẩn đầu ra NLNN	Tin chỉ	Kết quả	
12	2107190012	Trịnh Tô Châu	1A-23	Thực hành tiếng 1A1	4	8.0	Trường Đại học Hà Nội	18/12/2021	61ITA3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Italia)	4	7.9	
				Thực hành tiếng 2A1	4	7.8		15/04/2025					
				Thực hành tiếng 3A2	3	6.2							
				Thực hành tiếng 2A2	4	6.5			61ITA3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Italia)	4	7.0	
				Thực hành tiếng 1A2	4	8.0							
				Thực hành tiếng 1B1	4	6.5			14/05/2025	61ITA3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Italia)	6	
				Thực hành tiếng 2B1	4	6.2		14/05/2025					
13	2207190018	Nguyễn Minh Châu	1A-23	Thực hành tiếng A1	8	8.9	Trường Đại học Hà Nội	17/06/2025	61ITA3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Italia)	4	8.9	
				Thực hành tiếng A2	10	8.6			61ITA3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Italia)	4	8.6	
				Thực hành tiếng B1	8	8.3			61ITA3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Italia)	6	8.3	
14	2307090063	Phạm Thị Thùy	2I-23	Văn học Italia	6	26/30	Trường Đại học Enna Kore (Italia)	22/12/2025	61ITA3ILI	Văn học Italia	3	8.5	
				Ngôn ngữ học đại cương	9	27/30		16/12/2025	61ITA3LG1	Ngôn ngữ học Italia 1	4	9.0	
15	2307190049	Nguyễn Bích Như	2I-23C	Văn học Italia	6	27/30	Trường Đại học Enna Kore (Italia)	30/01/2026	62ITA3ILI	Văn học Italia	3	9.0	
				Ngôn ngữ học đại cương	9	30/30		16/12/2025	62ITA3LEX	Từ vựng học tiếng Italia	2	10.0	
									62ITA3MOR	Từ pháp học tiếng Italia	2	10.0	
									62ITA3PHP	Ngữ âm và âm vị học tiếng Italia	2	10.0	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYÊN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP
KHOA TIẾNG PHÁP, ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-DHNN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

ST T	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Minh chứng xin chuyển đổi, công nhận					Học phần tương đương/Chuẩn đầu ra NLNN				Ghi chú
				Minh chứng	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã học phần	Tên học phần/CĐR NLNN	Tín chỉ	Kết quả	
Danh sách xin xét miễn Chuẩn đầu ra													
1	220100004 2	Nguyễn Thanh Mai	2TT-22	DELFB2		50	Tổ chức France Education International	20/10/2025	PHAP.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Pháp - Trình độ B2		MT	
2	220100006 2	Trần Khánh Vy	1TT-22	DELFB2	0	53.5		11/06/2024	PHAP.B2	Chuẩn đầu ra năng lực tiếng Pháp - Trình độ B2		MT	
Danh sách xin xét miễn học phần													
3	2.107E+09	Nguyễn Cúc Phương	1P-21	Thực hành tiếng 1B2	0	7.2	Trường Đại học Hà Nội	31/12/2022	61FRE21B2	Thực hành tiếng 1B2	4	7.2	
				Thực hành tiếng 2B2	0	6.4			61FRE22B2	Thực hành tiếng 2B2	4	6.4	
				Thực hành tiếng 3B2	0	6.7			61FRE23B2	Thực hành tiếng 3B2	3	6.7	
4	2.107E+09	Hoàng Thị Hoa	1T-22	Thực hành tiếng 1A1	4	8.8		01/12/2021	61FRE3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Pháp)	4	MT	
				Thực hành tiếng 1A2	4	10		21/01/2022	61FRE3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Pháp)	4	MT	
				Thực hành tiếng 2A2	4	7.4		04/07/2022					
				Thực hành tiếng 2B1	4	6.6		19/10/2022	61FRE3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Pháp)	6	MT	
				Thực hành tiếng 1B1	4	8.4		27/05/2022					
				Thực hành tiếng 3B1	4	6.1		21/12/2022					
5	210703010 2	Nguyễn Phương Trang	1T-22	Thực hành tiếng 1A1	4	8.2		01/12/2021	61FRE3FA1	Ngoại ngữ 2_A1 (Tiếng Pháp)	4	MT	
				Thực hành tiếng 1A2	4	8.3	21/01/2022	61FRE3FA2	Ngoại ngữ 2_A2 (Tiếng Pháp)	4	MT		
				Thực hành tiếng 2A2	4	7.8	07/04/2022						
				Thực hành tiếng 1B1	4	8.1	27/05/2022	61FRE3FB1	Ngoại ngữ 2_B1 (Tiếng Pháp)	6	MT		
				Thực hành tiếng 3B1	4	7.2	30/12/2022						
				Thực hành tiếng 2B1	4	7.0	19/10/2022						
6	220100003 1	Hồ Tuấn Kiên	2TT-22	Nhập môn nghiên cứu trong truyền thông	3	3.7	Đại học Quebec a Trois-Rivieres	26/02/2026	61COC3RIC	Phương pháp Nghiên cứu khoa học trong Truyền thông	3	8.9	
				Thương mại điện tử và tiếp thị kỹ thuật số	3	3.3			61COC4EMA	Tiếp thị Trực tuyến	3	8.3	
7	2.301E+09	Trần Huy Hùng	2TT-23	Sản xuất nội dung video cho phương tiện truyền thông số	3	4.0	Đại học Quebec a Trois-Rivieres	16/12/2025	61COC3CW1	Thiết kế và Sản xuất Sản phẩm Truyền thông Cơ bản	3	9.1	
				Phương tiện truyền thông và Truyền thông viết	3	4.3			61COC3MAM	Phương tiện Truyền thông Đại chúng	3	9.1	
				Nhập môn Marketing	3	2.3			61COC3PMK	Nguyên lý Marketing	3	7.3	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT MIỄN CÁC HỌC PHẦN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
ĐỢT 2, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	1867010128	Nguyễn Thị	Xuân	1TCA-33	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
2	2527010278	Phạm Thanh	Loan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
3	2527010145	Trịnh Thị Mỹ	Hạnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
4	2527010202	Trần Xuân	Huy	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
5	2527010447	Trần Lê Thương	Thương	2TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
6	2427011020	Phạm Phương	Anh	5TXA24.3	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
7	2527010086	Vương Huy	Đông	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
8	2527010506	Nguyễn Thị	Tuyền	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
9	2527010448	Lâm Thị Thanh	Thúy	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
10	2527011321	Phạm Thị	Lam	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
11	2527010355	Đoàn Thị	Nhung	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
12	0223B0182	Vũ Trường	An	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
13	2527010003	Trần Thị	An	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
14	2527010486	Phan Thị Thu	Trang	2TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
15	2527010428	Nguyễn Thị Thu	Thảo	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
16	2527062084	Huỳnh Thị Tú	Thuyết	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC ĐA NANG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	11	MT	
17	2527010483	Phạm Thị Huyền	Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
18	2527010344	Nguyễn Thị	Nguyệt	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
19	2527010131	Lê Thị Thu	Hằng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
20	0223C0626	Nguyễn Hồng	Ngọc	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
21	2527010200	Trần Thị Cẩm	Hường	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
22	2527010492	Cao Anh	Trung	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
23	2527010035	Nguyễn Trung	Anh	4TXA25.1	HỌC VIỆN QUÂN Y	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
24	2527011208	Trần Hương	Giang	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
25	2527010186	Trần Thị	Huệ	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
26	2527010011	Đỗ Thị Hải	Anh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
27	2527010726	Trần Minh	Hoàng	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
28	2527010320	Phương Thị Hằng	Nga	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
29	0222C0276	Nguyễn Minh	Thảo	1TXA21.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
30	2527062065	Phạm Thị Hồng	Nhung	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
31	2527010388	Hoàng Minh	Quang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
32	2527010252	Ngô Thị Trúc	Linh	6TXA25.1	HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
33	2527010020	Lương Trần Văn	Anh	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
34	2527010244	Lê Thị	Liễu	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
35	2427010041	Trịnh Thái	Bảo	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
36	0222D0447	Trần Thị Như	Quỳnh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
37	2527011529	Lê Như	Quỳnh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
38	2527010108	Phạm Hương	Giang	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
39	2527011645	Đỗ Thành	Trung	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
40	2527010065	Phạm Văn	Chi	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
41	2527010070	Phạm Minh	Chiến	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
42	2527010498	Đinh Văn	Tuân	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
43	2527010089	Trần Thị Thu	Dung	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
44	2527010210	Nguyễn Thu	Huyền	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
45	2527010297	Phạm Ngọc Yến	Mi	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
46	2527011165	Đỗ Thị	Chinh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
47	2527010452	Nguyễn Thu	Thủy	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
48	2527010143	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
49	2527010296	Kiều Cao	Mạnh	1TXA25.1	HỌC VIỆN PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
50	2527010167	Nguyễn Đức	Hoàn	3TXA25.1	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
51	2527010457	Phan Thị Dương	Thùy	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
52	3637010021	Đỗ Ánh	Dương	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	11	MT	
53	2527010521	Lê Long	Vũ	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
54	0222D0471	Đoàn Minh	Thuận	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
55	2527011496	Đào Thu	Phương	3TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
56	2527010137	Phạm Thị Kim	Hằng	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
57	2527010301	Trịnh Quang	Minh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
58	2527010384	Nguyễn Thị	Phượng	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THẮNG LONG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
59	2527010362	Phạm Thị Phương	Nhung	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
60	0223D0843	Đỗ Thị Mai	Dung	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
61	2527010085	Phạm Thị	Điệp	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
62	3637010022	Nguyễn Hương	Giang	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	11	MT	
63	0223D0911	Nguyễn Trần Thúy	Hiền	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
64	2527010382	Vi Thị	Phương	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
65	0222D0370	Trần Việt	Hoàng	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HÀI PHÒNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
66	2527010432	Trương Thị Phương	Thảo	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
67	0223D0895	Nguyễn Thị	Hằng	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
68	0223C0605	Vũ Phạm Xuân	Mai	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
69	2527010044	Vũ Thị	Anh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
70	2527010045	Bùi Ngọc	Ánh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
71	2527010199	Trần Mai	Hương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
72	2427010771	Đỗ Mai	Ngọc	1TXA24.2	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
73	2527010066	Phan Quỳnh	Chi	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
74	2527011247	Nguyễn Thu	Hiền	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
75	2527010335	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
76	2527011177	Nguyễn Ngọc	Dung	4TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
77	2527011531	Nguyễn Thị	Quỳnh	4TXA25.1	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
78	2527010527	Lưu Thị Kim	Yến	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
79	2527010478	Nguyễn Thu	Trang	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
80	2527010007	Đỗ Hà	Anh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
81	2427010705	Nguyễn Thị Thuý	Linh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
82	2527010501	Phạm Anh	Tuấn	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
83	2427011289	Nguyễn Minh	Quân	1TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
84	2527011609	Đào Quỳnh	Trang	1TXA25.1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
85	2527010449	Ngô Phương	Thuý	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
86	2527010205	Lê Thị Thanh	Huyền	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
87	2527010111	Phương Hằng	Giang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
88	2527010076	Nguyễn Vũ	Cường	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
89	2527010127	Đình Thị	Hải	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
90	0223C0476	Phạm Thị Ngân	Giang	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
91	0223D0931	Dương Thị	Huệ	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀI PHÒNG	65PML2GEL	2	MT	
92	0223D0873	Lê Thu	Hà	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	65PML2SCS	2	MT	
93	2427010748	Lê Thị Hiền	My	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	65PML2SCS	2	MT	
94	2527010317	Nguyễn Thị Phương	Nga	7TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
95	2527010097	Cao Đoàn	Duy	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
96	2527010232	Nguyễn Tùng	Lâm	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
97	2527010022	Nguyễn Châu	Anh	6TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
98	2527010458	Phạm Thị	Thùy	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
99	2527010352	Nguyễn Thị Yên	Nhi	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
100	2527010455	Lê Minh	Thúy	5TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
101	2527010166	Vũ Thị	Hoài	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
102	2527010038	Phạm Thị Lan	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
103	2527010332	Ngô Tuấn	Ngọc	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
104	2527010417	Nguyễn Thị Phương	Thanh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
105	0223A0050	Trần Nhật	Hào	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
106	0221C0696	Ngô Quang	Huy	1TXA21.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
107	2527010429	Nguyễn Thị Thu	Thảo	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
108	2527010050	Trần Thị	Ánh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
109	2527010328	Đỗ Thị Bích	Ngọc	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
110	2527010380	Trần Thu	Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
111	2527010321	Trần Thị Thuý	Nga	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
135	2527011192	Nguyễn Hà Thùy	Dương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
136	3637010009	Phan Quỳnh	Chi	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	11	MT	
137	2527010051	Nguyễn Thị Thu	Ba	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
138	0223C0456	Nguyễn Thùy	Dung	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
139	0223B0215	Nguyễn Huyền	Diệu	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
140	2427010208	Lã Thị Mai	Linh	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
141	2527010383	Chu Thị	Phượng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
142	2427010664	Nguyễn Thị Thảo	Huyền	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	65PML2HVC, 65PML2SCS	4	MT	
143	2527011030	Đỗ Minh	Trang	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
144	2527010408	Nguyễn Minh	Tâm	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
145	2527010201	Chữ Thị Ngọc	Huy	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
146	2527011131	Phùng Ngọc Phi	Anh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
147	0222D0461	Trần Phương	Thảo	2TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
148	2527010041	Trương Hà Hải	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
149	2527010423	Lê Thị	Thảo	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
150	2527010034	Nguyễn Thị Vân	Anh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
151	2527010037	Phạm Quế	Anh	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
152	2527010453	Trương Thị Thu	Thủy	7TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
153	2527010464	Đình Huyền	Trang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
154	2527010291	Nguyễn Thị	Mai	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
155	0223B0285	Phạm Thị Yên	Linh	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
156	2527010195	Nguyễn Thị Lan	Hương	2TXA25.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
157	2527010123	Tô Thị Ngọc	Hà	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
112	0223B0293	Ngô Ngọc	Minh	1TXA23.2.HN	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
113	2527010169	Nguyễn Trần	Hoàng	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
114	2527010055	Trần Thị Thanh	Châm	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
115	2427010478	Nguyễn Thị Minh	Anh	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
116	2527010933	Đỗ Thị	Phượng	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
117	2527010267	Nguyễn Thủy	Linh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
118	2427011094	Tô Thị	Hải	4TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
119	2527010040	Trần Thị Ngọc	Anh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
120	2527010243	Vũ Việt	Liên	5TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
121	2527010480	Nguyễn Thùy	Trang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
122	2527010271	Trần Thị Nhật	Linh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
123	2527011554	Đặng Ngọc Phương	Thảo	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
124	2527010135	Nguyễn Thị	Hằng	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
125	2527010285	Ngô Thị Thảo	Ly	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
126	2527010465	Đỗ Thị	Trang	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
127	2527010233	Hà Thị Thanh	Lan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
128	2427010476	Nguyễn Thị Lan	Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
129	2527011497	Đỗ Quỳnh	Phượng	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
130	0223D0995	Nguyễn Cẩm	Linh	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
131	2527011671	Đoàn Thị	Xuyên	3TXA25.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
132	2427010560	Nguyễn Hương	Giang	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
133	2527010339	Nguyễn Mạnh	Nguyễn	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
134	2527010229	Nguyễn Thị	Khuyên	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
158	2527010476	Nguyễn Thị Thùy	Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
159	0223D1049	Trần Bảo	Ngọc	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
160	2527010031	Nguyễn Thị Phương	Anh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
161	2427010775	Hoàng Thị Minh	Ngọc	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
162	2527010511	Vũ Thị Ánh	Tuyết	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
163	2527010113	Chữ Thị Thu	Hà	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
164	2527010356	Hồ Thị	Nhung	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
165	2527010379	Phạm Mai	Phương	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
166	2527010507	Trần Ngọc	Tuyển	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
167	2427010932	Phạm Thảo	Trang	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
168	2527010019	Lê Thị Quê	Anh	7TXA25.1	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
169	2527010194	Nguyễn Thị	Hương	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
170	0223D0806	Ngô Thị Hồng	Ánh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
171	2527010190	Ngô Thị Thanh	Hương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
172	2527010289	Nguyễn Thị	Lý	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
173	2527010316	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
174	2527010004	Bùi Quỳnh	Anh	2TXA25.1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
175	2527010217	Vũ Thị	Huyền	5TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
176	2527010171	Đào Thị Thúy	Hồng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
177	2427010233	Lâm Thị	Mai	4TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
178	2427010513	Nguyễn Lê Khánh	Chi	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
179	2527010345	Nguyễn Thị	Nguyệt	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
180	2427011357	Ngô Thị	Thúy	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
181	2567012067	Nguyễn Thị Thu	Hà	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
182	2267040042	Trần Thị Ánh	Hồng	2VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
183	2167040088	Nguyễn Thị	Tâm	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
184	2567041096	Bùi Phương	Mai	1VBT25-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
185	2567042066	Nguyễn Thuý	Linh	3VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
186	2467010219	Đỗ Thuý	Dương	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML2GEL, 63PML2SCS	4	MT	
187	2567042038	Nguyễn Trung	Hiếu	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
188	2507050143	Nguyễn Thị	Vĩnh	4Đ-25	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	61PML1PML, 61PML1POE, 61PML2HVC, 61PML2SCS, 61PML3HCM	11	MT	
189	2537072015	Trần Vũ Linh	Chi	1TCH-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
190	3137010036	Nguyễn Quỳnh	Hương	1TCA-31	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
191	3137010080	Đinh Thị Phương	Thảo	1TCA-31	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
192	2237040016	Đào Ngọc	Bích	4TCT-21-2	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
193	2237070509	Vũ Hoàng Ánh	Chinh	5TCH-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
194	3637010031	Bùi Thị Thu	Huyền	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2GEL, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	13	MT	
195	0223A0042	Đặng Thị Ngọc	Hân	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
196	2567042065	Nguyễn Thị Phương	Linh	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
197	2567011080	Nguyễn Tuấn	Kiệt	1VBA25-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
198	2427010783	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	4TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
199	2527010375	Nguyễn Hằng	Phương	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
200	2567042081	Ngô Thị	Nghĩa	3VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
201	2567042114	Đỗ Văn	Tiến	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
202	2567012003	Bùi Nguyệt Phương	Anh	1VBA25-2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
203	2567012163	Phạm Khánh	Linh	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
204	2267040059	Đỗ Thị Kim	Linh	3VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
205	2567012146	Ngô Thùy Ngọc	Liên	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
206	2267040008	Nguyễn Hải	Bình	2VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
207	2267040130	Hoàng Thanh	Bình	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
208	2567042096	Vũ Diễm	Quỳnh	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
209	2567012302	Trần Thị Khánh	Vân	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
210	2467040154	Phạm Tất	Đạt	2VBT24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63PML2GEL	2	MT	
211	2567012229	Nguyễn Minh	Quân	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
212	2467010214	Lê Mai	Dung	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2GEL, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	13	MT	
213	0223C0430	Cao Ngọc	Bích	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PML1PML	3	MT	
214	2527011325	Hoàng Thị	Lan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
215	2527010435	Nguyễn Thị Kim	Thoa	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
216	2527010103	Vũ Thị	Duyên	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
217	2527010150	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
218	2527010240	Ngô Thị Kim	Liên	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
219	2527010220	Đặng Thị	Khánh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
220	2527010503	Vũ Tài	Tuệ	3TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
221	2527010238	Trần Huyền	Li	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
222	2427010861	Mai Phương	Thảo	4TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
223	2527010342	Hạp Thị Như	Nguyệt	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT THANH PHỐ HỒ CHÍ MINH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
224	2527010363	Phạm Thị Trang	Nhung	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
225	2527010054	Nguyễn Bảo	Châm	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
226	2527011483	Tạ Thị Kim	Nhung	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
227	2527010529	Phan Thị Hải	Yến	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
228	2427010395	Đỗ Thị Như	Trang	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
229	2527011474	Nguyễn Phương	Nhi	3TXA25.1	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
230	2527010120	Phạm Thu	Hà	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
231	2427011189	Phạm Thuý	Linh	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
232	0222C0221	Đỗ Hoa	Lê	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
233	2527010326	Lê Đại	Nghĩa	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
234	2527010430	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
235	0223D0965	Hoàng Đại	Khánh	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
236	2267040148	Lê Thị Thu	Hiền	2VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PML1PML, 63PML1POE, 63PML2HVC, 63PML2SCS, 63PML3HCM	11	MT	
237	2527010438	Nguyễn Hoài	Thu	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
238	2527010322	Vũ Thị Nguyệt	Nga	6TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
239	2527010251	Lê Thị	Linh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
240	2527010394	Nguyễn Diễm	Quỳnh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
241	2527010436	Phan Thị Quỳnh	Thoa	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
242	2527011023	Đinh Thị Thanh	Trà	6TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
243	2527010052	Lê Ngọc	Bích	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
244	2527010393	Ngô Thúy	Quỳnh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
245	2527010151	Nguyễn Thúy	Hiền	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
246	2527010083	Lưu Bích	Diệp	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
247	2527010312	Bùi Thị Thanh	Nga	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
248	0223D1201	Hoàng Thị	Yến	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
249	2527010433	Vũ Thị	Thơ	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
250	2527011498	Đỗ Thị Nam	Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
251	3737010034	Đỗ Thuý	Hiền	2TCA-23-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	64PML1PML, 64PML1POE, 64PML2HVC, 64PML2SCS, 64PML3HCM	11	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
252	2527010132	Lê Thu	Hằng	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
253	2527010441	Dương Anh	Thư	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
254	2527010221	Đỗ Hữu	Khánh	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
255	2527010277	Nguyễn Minh	Loan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
256	2527010258	Nguyễn Ngọc	Linh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
257	2427011266	Hoàng Thị Khánh	Ninh	3TXA24.3	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
258	2527010434	Nguyễn Thị	Thoa	7TXA25.1	KHOA QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
259	0223D0899	Trịnh Thị Thanh	Hằng	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
260	2527010157	Phản Thị	Hiếu	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
261	2527010283	Phạm Giang	Lương	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
262	2427010863	Nguyễn Phương	Thảo	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
263	2427011338	Nguyễn Thị Thanh	Thu	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
264	0223B0192	Trần Nguyễn Phương Anh		1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
265	2427010265	Nguyễn Thị	Ngoan	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
266	2527010525	Thắm Thanh	Xuân	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
267	2527010497	Phạm Tuấn	Tú	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
268	2527010424	Mai Ngọc	Thảo	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
269	2527010016	Lê Phương	Anh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
270	2527010308	Trần Hà	My	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
271	2527010039	Trần Ngọc	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
272	2527011249	Phạm Thị	Hiền	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
273	2527010395	Nguyễn Thị	Quỳnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
274	2527010341	Giang Bích	Nguyệt	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐÔ	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Đơn vị cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
275	2527010413	Đặng Minh	Thanh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
276	0221B0515	Vũ Hải	Anh	1TXA21.1.N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
277	2427011380	Vũ Phương	Trang	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
278	2527062040	Nguyễn Thị Thu	Huyền	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
279	2527010404	Đặng Thị	Tâm	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
280	2527010302	Vũ Thị Anh	Minh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
281	2527010184	Phạm Thị	Huệ	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
282	2527010164	Bùi Thị	Hòa	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
283	0222A0024	Trương Đỗ	Khải	1TXA22.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
284	0222D0483	Nguyễn Khánh	Toàn	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PML1PML, 65PML1POE, 65PML2GEL, 65PML2HVC, 65PML2SCS, 65PML3HCM	13	MT	
285	2427010728	Bùi Thị	Lý	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PML2GEL	2	MT	
Danh sách công nhận, chuyển đổi KQHT									
286	2527010330	Lê Thị Minh	Ngọc	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PML1PML,	3	6.4	
						65PML1POE	2	6.7	
						65PML2GEL,	2	6.6	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN, CHUYỂN ĐỔI KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN BỘ MÔN NGỮ VĂN VIỆT NAM
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên HP	Tin chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tin chỉ	Kết quả	
I. DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN CÁC HỌC PHẦN NGỮ VĂN VIỆT NAM													
1	1867010128	Nguyễn Thị Xuân	1TCA-33	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	5	Trường Đại học Hà Nội	12/06/2015	64VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	5.0			64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt	3	7			64VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
2	2427010932	Phạm Thảo Trang	1TXA23.2.HN	Lược sử văn hoá Việt Nam	3	7.3	Trường Đại học Hà Nội	26/01/2022	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
3	0223C0514	Nguyễn Thị Thu Hiền	1TXA23.3.HN	Tiếng Việt	3	5	Trường Đại học Hà Nội	25/06/2018	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
4	2367010093	Bạch Nhật Lệ	1TXA23.3.HN	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	7.4	Trường Đại học Hà Nội	15/04/2026	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	7.4	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.4			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.4	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	7.3			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	7.3	
				Nhập môn Việt ngữ học	2	5.3			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	5.3	
				Tiếng Việt trong hành chức	2	7.6			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	7.6	
5	2467010214	Lê Mai Dung	1VBA24-2	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	6	Trường Đại học Hà Nội	24/06/2008	63VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	5.5			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	5.5			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Tiếng Việt I	3	5			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt II	3	6			63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
6	2567012077	Nguyễn Thị Thu Hằng	1VBA25-1	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	7.3	Trường Đại học Hà Nội	30/12/2025	63VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	5.1			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	5.5			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	2	6.9			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Văn bản tiếng Việt	2	5.9			63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
7	2427010775	Hoàng Thị Minh Ngọc	2TXA24.2	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	7.1	Trường Đại học Hà Nội	29/12/2023	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.2			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	2	9.0			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Văn bản tiếng Việt	2	6.3			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
8	2567042114	Đỗ Văn Tiến	2VBT25-2	Lịch sử văn minh thế giới	3	6.0	Trường Đại học Hà Nội	21/06/2005	63VIP1HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Nhập môn Ngôn ngữ học	3	5.0			63VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	5.6			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt I	3	6.2			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi				Học phần tương đương				Ghi chú	
				Tên HP	Tín chỉ/ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ		Kết quả
9	2527011208	Trần Hương Giang	4TXA25.1	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	8.5	Trường Đại học Hà Nội	10/06/2022	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	7.0			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	5.9			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	2	6.8			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Văn bản tiếng Việt	2	8.3			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
10	2427010850	Hoàng Phương Thanh	7TXA24.2	Tiếng Việt	3	7	Trường Đại học Hà Nội	26/06/2018	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
11	2527010383	Chu Thị Phương	7TXA25.1	Dẫn luận Ngôn ngữ	3	5	Trường Đại học Hà Nội	29/06/2010	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	5			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt 1	3	5.5			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt 2	3	5.5			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
12	2567012302	Trần Thị Khánh Vân	1VBA25-2	Nhập môn Ngôn ngữ học	4	6	Trường Đại học Ngoại Ngữ (HANU)	20/06/2003	63VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	6			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	4	6.1			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Việt Ngữ học	5	5.4			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
13	0223C0605	Vũ Phạm Xuân Mai	1TXA23.3.HN	Tiếng Việt thực hành	2	8.2	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	26/06/2025	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
14	0222C0221	Đỗ Hoa Lê	1TXA23.4.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.3	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	26/06/2025	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
15	0223D0967	Lương Văn Khánh	1TXA23.4.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	5.8	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	01/09/2021	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
16	2527011609	Đào Quỳnh Trang	1TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	6	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	24/06/2022	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
17	2367040182	Nguyễn Thu Ngân	2VBT23-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.6	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	07/07/2023	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	7.6			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
18	2527010308	Trần Hà My	7TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	9.0	Trường Đại học Thăng Long	20/03/2024	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	6.7			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
19	2527010408	Nguyễn Minh Tâm	1TXA25.1	Tiếng Việt thực hành	2	8.0	Trường Đại học Thăng Long	12/12/2014	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
				Kỹ năng soạn thảo văn bản	3	9.1			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
20	2527010429	Nguyễn Thị Thu Thảo	2TXA25.1	Ngôn ngữ học đại cương	2	5.9	Trường Đại học Thăng Long	15/10/2019	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Văn hóa Việt Nam	2	8.3			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	7.3			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
21	2427011189	Phạm Thuý Linh	5TXA24.3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.5	Trường Đại học Thăng Long	10/10/2023	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	8.0			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
22	2527010384	Nguyễn Thị Phương	5TXA25.1	Tiếng Việt thực hành	2	6.8	Trường Đại học Thăng Long	10/06/2017	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
23	0223A0042	Đặng Thị Ngọc Hân	1TXA23.1.HN	Dẫn luận NNH và Ngữ âm học TV	2	8.4	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	20/06/2025	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.4			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8.5			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi				Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên HP	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	
24	0223B0182	Vũ Trường An	1TXA23.2.HN	Dẫn luận NNH và Ngữ âm học TV	2	8.4	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	22/01/2026	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.2			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8.4			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
25	0223B0192	Trần Nguyễn Phương Anh	1TXA23.2.HN	Dẫn luận NNH và Ngữ âm học TV	2	4.6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	05/09/2025	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.2			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	7.9			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Tiếng Việt thực hành	2	7.0			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT
26	0223B0215	Nguyễn Huyền Diệu	1TXA23.2.HN	Dẫn luận NNH và Ngữ âm học TV	2	9.0	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	22/01/2026	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.2			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8.7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
27	0223B0285	Phạm Thị Yến Linh	1TXA23.2.HN	Dẫn luận NNH và Ngữ âm học TV	2	8.4	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	06/06/2025	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.6			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	7.6			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Tiếng Việt thực hành	2	6.4			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT
28	0223C0476	Phạm Thị Ngân Giang	1TXA23.3.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.1	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	06/06/2025	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8.4			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
29	2527011529	Lê Như Quỳnh	1TXA25.1	Dẫn luận NNH và Ngữ âm học TV	2	8.4	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	07/06/2024	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	7.0			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	6.9			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Ngữ pháp tiếng Việt; Từ vựng học và Ngữ dụng học.	4 4	6.3 7.2			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT
				Tiếng Việt thực hành	2	7.3			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT
30	3737010034	Đỗ Thuý Hiền	2TCA-23-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.1	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	05/09/2025	64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	7.2			64VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Tiếng Việt thực hành	2	7.5			64VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT
31	0222D0461	Trần Phương Thảo	2TXA22.4.HN	Dẫn luận NHH và Ngữ âm học TV	2	8.1	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	06/06/2025	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.4			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8.7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Tiếng Việt thực hành	2	7.3			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT
32	2527010320	Phương Thị Hằng Nga	2TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	7	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	26/03/2015	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Tiếng Việt	4	7			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT
33	2427010395	Đỗ Thị Như Trang	3TXA24.1	Tiếng Việt	2	7.3	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	29/10/2025	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi				Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên HP	Tín chỉ/ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	
34	2427010208	Lã Thị Mai Linh	5TXA24.1	Dẫn luận NHH và Ngữ âm học TV	2	5.5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	22/01/2026	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.7			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8.7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
35	2527010506	Nguyễn Thị Tuyền	3TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	22/06/2005	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	4	7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
36	2427010560	Nguyễn Hương Giang	7TXA24.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	05/02/2024	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	5.7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
37	2427011380	Vũ Phương Trang	5TXA24.3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.2	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21/05/2019	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
38	2527010003	Trần Thị An	2TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	9.0	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	21/05/2015	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
39	2527010233	Hà Thị Thanh Lan	3TXA25.1	Tiếng Việt thực hành	2	7.5	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	30/05/2016	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT
40	2427010589	Bùi Thị Hồng Hạnh	3TXA24.2	Lịch sử thế giới cận đại; Lịch sử thế giới cổ trung đại; Lịch sử thế giới hiện đại.	5 5 5	7.7 7.5 6.9	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	01/04/2022	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
41	2527010184	Phạm Thị Huệ	2TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	9	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	26/05/2011	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Tiếng Việt thực hành	3	7	Trường Đại học Công đoàn	06/11/2015	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT
42	2427010226	Nguyễn Thị Hồng Loan	1TXA23.3.HN	Lịch sử văn minh thế giới	2	7.0	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	13/04/2021	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
43	0223A0010	Lê Đức Anh	1TXA24.3	Văn hóa VN và giao thoa các nền văn hóa	3	9	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	22/09/2015	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
44	2527011497	Đỗ Quỳnh Phương	5TXA25.1	Lịch sử văn minh thế giới	3	9.5	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	12/06/2025	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
45	2527010529	Phan Thị Hải Yến	5TXA25.1	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	7.5	Trường Đại học Ngoại thương	15/04/2025	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	2	7.5			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Kỹ thuật soạn thảo văn bản	3	7.6			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
46	2527010332	Ngô Tuấn Ngọc	7TXA25.1	Đại cương văn hoá Việt Nam	2	7.2	Trường Đại học Luật Hà Nội	24/05/2019	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
47	0223D0806	Ngô Thị Hồng Ánh	1TXA25.1	Kỹ thuật xây dựng văn bản	4	6	Trường Đại học Luật Hà Nội	27/11/2000	65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
48	2567042038	Nguyễn Trung Hiếu	2VBT25-2	Lịch sử văn minh thế giới	2	8.5	Trường Đại học Luật Hà Nội	27/06/2024	63VIP1HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
49	2527011321	Phạm Thị Lam	3TXA25.1	Lịch sử văn minh thế giới	2	8.8	Trường Đại học Luật Hà Nội	19/05/2020	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi				Học phần tương đương				Ghi chú	
				Tên HP	Tín chỉ/ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ		Kết quả
50	2527010362	Phạm Thị Phương Nhung	1TXA25.1	Lịch sử văn minh thế giới	2	9	Trường Đại học Luật Hà Nội	11/05/2022	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Dẫn luận Ngôn ngữ	3	6	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	19/06/2009	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	5			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt 1	2	7			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt 2	2	8			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
51	0223D1049	Trần Bảo Ngọc	1TXA23.4.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6.6	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	30/06/2025	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	9.1			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	7.8			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
52	2527010436	Phan Thị Quỳnh Thoa	2TXA25.1	Dẫn luận Ngôn ngữ	3	8	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	01/06/2009	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt 1	2	8			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt 2	2	6			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
53	2527010041	Trương Hà Hải Anh	3TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.4	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	30/06/2025	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	8.4			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	7.6			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
54	2527010011	Đỗ Thị Hải Anh	4TXA25.1	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	7.5	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	09/10/2024	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8.2			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	9.0			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	7.5			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
55	2527011131	Phùng Ngọc Phi Anh	4TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7.8	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	08/07/2024	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	7.5			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	7.8			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
56	2527010050	Trần Thị Ánh	7TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7.8	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	15/07/2021	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Nhập môn Việt ngữ học	3	7.4			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
57	2527010436	Phan Thị Quỳnh Thoa	2TXA25.1	Văn minh 1;	2	8	Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH QGHN	01/06/2009	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Văn minh 2.	2	8							
58	2037040039	Hoàng Thu Huệ	1TCT-20	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	7.9	Trường Đại học Giáo dục - ĐH QGHN	28/06/2023	64VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
59	2567012146	Ngô Thủy Ngọc Liên	1VBA25-2	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	8.6	Trường Đại học Giáo dục - ĐH QGHN	27/06/2025	63VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.9			63VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Ngữ âm học và từ vựng học TV	4	8.2			63VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
60	0223D0843	Đỗ Thị Mai Dung	1TXA23.4.HN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7.9	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	20/06/2017	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.9			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	7.3			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi				Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên HP	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	
61	2527010258	Nguyễn Ngọc Linh	1TXA25.1	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	8.4	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	31/12/2020	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	6.2			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	8.3			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
62	2567041096	Bùi Phương Mai	1VBT25-1	Lịch sử văn minh thế giới	3	5.7	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	25/06/2024	63VIP1HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.5			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	7.2			63VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
63	2527010205	Lê Thị Thanh Huyền	2TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.4	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	22/06/2023	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.8			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	9.1			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
64	2567042065	Nguyễn Thị Phương Linh	2VBT25-2	Lịch sử văn minh thế giới	3	6.1	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	18/06/2025	63VIP1HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6.6			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
65	2527010055	Trần Thị Thanh Châm	3TXA24.2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	9.0	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	07/07/2023	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.5			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	8.6			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
66	2527010393	Ngô Thúy Quỳnh	3TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7.5	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	25/07/2020	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.4			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	8.3			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
67	2527010449	Ngô Phương Thuý	3TXA25.1	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	7.2	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	10/04/2023	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	7.3			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.3			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	8.2			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
68	2527011671	Đoàn Thị Xuyên	3TXA25.3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	9.0	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	26/06/2004	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Tiếng Việt hiện đại	5	8.0			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.0			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
69	2427011338	Nguyễn Thị Thanh Thu	5TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.2	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	24/07/2020	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	6.5			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	7.2			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT
70	2527010380	Trần Thu Phương	5TXA25.1	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	7	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	30/05/2001	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT
				Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	5			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT
				Ngữ âm tiếng Việt;	3	7.5			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT
				Ngữ pháp tiếng Việt;	6	6.5						
				Từ vựng tiếng Việt.	3	7						
Tiếng Việt thực hành	4	6	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT						

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên HP	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Kết quả	
71	2527010356	Hồ Thị Nhung	6TXA25.1	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	6.7	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	24/06/2017	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	7.7			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.2			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	8.0			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
72	2527010363	Phạm Thị Trang Nhung	6TXA25.1	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	6.9	Trường Đại học KHXH & NV. ĐHQGHN	22/06/2018	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	7.7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Thực hành văn bản tiếng Việt	2	8.0			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
73	2567042066	Nguyễn Thuý Linh	3VBT25-2	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	7.8	Trường Đại học KHTN. ĐHQGHN	26/06/2025	63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
74	2527010423	Lê Thị Thảo	4TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.0	Trường Đại học KHTN. ĐHQGHN	19/06/2009	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
75	2427010771	Đỗ Mai Ngọc	1TXA24.2	Tiếng Việt thực hành	2	6.7	Học viện Hành chính Quốc gia	15/03/2023	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
76	2567012115	Nguyễn Thị Hương	1VBA25-2	Tiếng Việt thực hành	2	7.4	Học viện Hành chính Quốc gia	20/06/2025	63VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
77	2527011165	Đỗ Thị Chinh	6TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6.5	Trường Đại học Mở Hà Nội	20/03/2020	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
78	2567042096	Vũ Diễm Quỳnh	2VBT25-2	Lịch sử văn minh thế giới	2	B	Trường Đại học Mở Hà Nội	10/05/2022	63VIP1HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	B			63VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
79	2427010513	Nguyễn Lê Khánh Chi	4TXA24.2	Đại cương văn hoá Việt Nam	3	7.4	Trường Đại học Mở Hà Nội	27/01/2022	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
80	2507050143	Nguyễn Thị Vinh	4Đ-25	Lịch sử thế giới	2	7.4	Học viện Ngoại giao	02/04/2024	61VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
81	2527011531	Nguyễn Thị Quỳnh	4TXA25.1	Lịch sử văn minh thế giới	2	8.6	Học viện Ngoại giao	09/07/2024	65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	7.9			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
				Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	8.0			64VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
82	2237040016	Đào Ngọc Bích	4TCT-21-2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	8.3	Học viện Quản lý Giáo dục	25/11/2025	64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	7.4			64VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	3	5			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
83	2527010243	Vũ Việt Liên	5TXA25.1	Tiếng Việt thực hành	3	5	Học viện Ngân hàng	30/06/2006	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
84	2527010296	Kiều Cao Mạnh	1TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.0	Học viện Phòng không - Không quân	25/07/2014	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt soạn thảo văn bản	2	8.0			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
85	2527010430	Nguyễn Thị Thu Thảo	1TXA25.1	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	A	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	06/07/2018	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	B+			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	3	A			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	3	A			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
86	2527010312	Bùi Thị Thanh Nga	3TXA25.1	Bản sắc văn hoá Việt Nam	3	B	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	14/06/2016	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên HP	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Kết quả	
87	2527010271	Trần Thị Nhật Linh	5TXA25.1	Dẫn luận Ngôn ngữ học	3	B+	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	31/05/2022	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	B			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	3	B			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
88	2527010441	Đương Anh Thư	4TXA25.1	Hà Nội học	2	8.3	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	09/07/2024	65VIP2HAS	Hà Nội học	2	MT	
				Tiếng Việt	4	8.8			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
89	2527010016	Lê Phương Anh	1TXA25.1	Hà Nội học	2	8.8	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	14/04/2022	65VIP2HAS	Hà Nội học	2	MT	
90	2527010151	Nguyễn Thúy Hiền	1TXA25.1	Tiếng Việt	5	7.1	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	14/10/2020	65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Tiếng Việt thực hành	2	8.8			65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
91	2527010465	Đỗ Thị Trang	5TXA25.1	Việt Nam học 1	4	8.9	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	30/10/2020	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Việt Nam học 2	4	8.8							
92	2527010283	Phạm Giang Lương	2TXA25.1	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	9.4	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	31/10/2012	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
93	2527010200	Trần Thị Cẩm Hường	4TXA25.1	Tiếng Việt thực hành	4	7	Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	01/11/2001	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
94	2527010157	Phản Thị Hiếu	2TXA25.1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	7.0	Trường Đại học Văn hóa Hà Nội	24/06/2022	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
95	2527010342	Hạp Thị Như Nguyệt	3TXA25.1	Đại cương văn hoá Việt Nam	3	8	Trường Đại học Luật Tp.HCM	26/09/2011	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	8			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
96	2527010289	Nguyễn Thị Lý	6TXA25.1	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	8.2	Trường Đại học Luật Hà Nội	20/06/2022	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
97	2527010186	Trần Thị Huệ	4TXA25.1	Cơ sở ngôn ngữ	2	8	Trường Đại học Hải Phòng	26/06/2014	65VIP1INL	Dẫn luận Ngôn ngữ học	2	MT	
				Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8			65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
				Lịch sử văn minh thế giới	2	6.7			65VIP2HWC	Lịch sử văn minh thế giới	2	MT	
				Phân tích diễn ngôn	4	7.8			65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
				Ngữ âm học tiếng Việt;	2	6.5			65VIP2IVL	Nhập môn Việt ngữ học	2	MT	
				Từ vựng học tiếng Việt;	2	5.4							
				Ngữ pháp tiếng Việt;	3	7.3							
Tiếng Việt thực hành	3	7.5	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT							
98	2527010190	Ngô Thị Thanh Hương	5TXA25.1	Tiếng Việt thực hành	3	6.3	Trường Đại học Nha Trang	09/12/2025	65VIP2VIU	Tiếng Việt trong hành chức	2	MT	
99	2527010424	Mai Ngọc Thảo	5TXA25.1	Văn hóa Việt Nam	3	5.7	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	25/08/2022	65VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
100	3537010051	Lưu Ngọc Linh	6TCA-22-1	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	8.3	Trường Đại học Nguyễn Trãi	18/07/2025	64VIP1IVC	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	MT	
101	0223C0605	Vũ Phạm Xuân Mai	1TXA23.3.HN	Soạn thảo và biên tập văn bản hành chính;	3	9.1	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	26/06/2025	65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
				Phong cách học văn bản.	3	8.0							

TT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Học phần xin công nhận, chuyển đổi					Học phần tương đương				Ghi chú
				Tên HP	Tín chỉ/ ĐVHT	Kết quả	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Kết quả	
102	2427010771	Đỗ Mai Ngọc	1TXA24.2	Văn bản quản lý nhà nước và kỹ thuật soạn thảo văn bản; Công tác văn thư và lưu trữ.	2 2	D B+	Học viện Hành chính Quốc gia	25/08/2024	65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
103	2527010332	Ngô Tuấn Ngọc	7TXA25.1	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	7.7	Trường Đại học Luật Hà Nội	24/05/2019	65VIP2VTS	Văn bản tiếng Việt	2	MT	
				Xây dựng văn bản pháp luật	3	6.9							

DANH SÁCH SINH VIÊN XÉT MIỄN HỌC PHẦN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN,
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
DANH SÁCH SINH VIÊN CÓ BẰNG ĐẠI HỌC									
1	3637010009	Phan Quỳnh Chi	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
2	3637010021	Đỗ Ánh Dương	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
3	3637010022	Nguyễn Hương Giang	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
4	3637010031	Bùi Thị Thu Huyền	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
5	3137010036	Nguyễn Quỳnh Hương	1TCA-31	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
6	3137010080	Đinh Thị Phương Thảo	1TCA-31	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
7	1867010128	Nguyễn Thị Xuân	1TCA-33	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
8	0222A0024	Trương Đỗ Khải	1TXA22.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
9	0222D0370	Trần Việt Hoàng	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
10	0222D0483	Nguyễn Khánh Toàn	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
11	0223A0042	Đặng Thị Ngọc Hân	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
12	0223A0050	Trần Nhật Hào	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
13	0223B0182	Vũ Trường An	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
14	0223B0192	Trần Nguyễn Phương Anh	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
15	0223B0215	Nguyễn Huyền Diệu	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
16	0223B0261	Nguyễn Quang Hưng	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
17	0223B0285	Phạm Thị Yến Linh	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
18	0223B0293	Ngô Ngọc Minh	1TXA23.2.HN	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
19	0223B0382	Vũ Huy Tú	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
20	0223C0456	Nguyễn Thùy Dung	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
21	2427010932	Phạm Thảo Trang	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
22	0222D0471	Đoàn Minh Thuận	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
23	0223C0476	Phạm Thị Ngân Giang	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
24	0223C0605	Vũ Phạm Xuân Mai	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
25	0223C0626	Nguyễn Hồng Ngọc	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
26	0222C0221	Đỗ Hoa Lê	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
27	0223D0843	Đỗ Thị Mai Dung	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tin chí	Kết quả	
28	0223D0895	Nguyễn Thị Hằng	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
29	0223D0899	Trịnh Thị Thanh Hằng	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN-ĐHQG HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
30	0223D0911	Nguyễn Trần Thúy Hiền	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
31	0223D0917	Hồ Hà Yên Hoa	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
32	0223D0995	Nguyễn Cẩm Linh	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
33	0223D1049	Trần Bảo Ngọc	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
34	0223D1201	Hoàng Thị Yến	1TXA23.4.HN	ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
35	0222D0447	Trần Thị Như Quỳnh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
36	2427010476	Nguyễn Thị Lan Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
37	2427010771	Đỗ Mai Ngọc	1TXA24.2	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
38	2427010863	Nguyễn Phương Thảo	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
39	2527010478	Nguyễn Thu Trang	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
40	2427011289	Nguyễn Minh Quân	1TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
41	0223D0806	Ngô Thị Hồng Ánh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
42	2527010016	Lê Phương Anh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
43	2527010066	Phan Quỳnh Chi	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
44	2527010097	Cao Đoàn Duy	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
45	2527010151	Nguyễn Thúy Hiền	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
46	2527010169	Nguyễn Trần Hoàng	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
47	2527010244	Lê Thị Liễu	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
48	2527010258	Nguyễn Ngọc Linh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
49	2527010296	Kiều Cao Mạnh	1TXA25.1	HỌC VIỆN PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
50	2527010362	Phạm Thị Phương Nhung	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
51	2527010382	Vì Thị Phương	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
52	2527010404	Đặng Thị Tâm	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC-ĐHQG HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
53	2527010408	Nguyễn Minh Tâm	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THẮNG LONG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
54	2527010413	Đặng Minh Thanh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
55	2527010430	Nguyễn Thị Thu Thảo	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
56	2527010501	Phạm Anh Tuấn	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
57	2527010525	Thắm Thanh Xuân	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
58	2527011529	Lê Như Quỳnh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
59	2527011609	Đào Quỳnh Trang	1TXA25.1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
60	2527062040	Nguyễn Thị Thu Huyền	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
61	2527062084	Huỳnh Thị Tú Thuyết	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
62	2467010214	Lê Mai Dung	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
63	2567012003	Bùi Nguyệt Phương Anh	1VB25-2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
64	2567012067	Nguyễn Thị Thu Hà	1VB25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
65	2567012146	Ngô Thủy Ngọc Liên	1VB25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC - ĐHQG HN	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
66	2567012229	Nguyễn Minh Quân	1VB25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
67	2567012266	Đặng Thị Thanh Thuý	1VB25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
68	2567012302	Trần Thị Khánh Vân	1VB25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
69	2267040037	Đình Minh Hiền	1VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
70	2267040130	Hoàng Thanh Bình	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
71	2267040164	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THẮNG LONG	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
72	2267040107	Nguyễn Thị Trang	1VBT23-2	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
73	2567041089	Nguyễn Diệu Linh	1VBT25-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
74	2567041096	Bùi Phương Mai	1VBT25-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
75	0222D0461	Trần Phương Thảo	2TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
76	2427010775	Hoàng Thị Minh Ngọc	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
77	2527010726	Trần Minh Hoàng	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
78	2527010933	Đỗ Thị Phương	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
79	2527011030	Đỗ Minh Trang	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
80	2527010003	Trần Thị An	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
81	2527010004	Bùi Quỳnh Anh	2TXA25.1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
82	2527010031	Nguyễn Thị Phương Anh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
83	2527010052	Lê Ngọc Bích	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
84	2527010065	Phạm Văn Chi	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
85	2527010085	Phạm Thị Diệp	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MÓ - ĐỊA CHẤT	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
86	2527010086	Vương Huy Đông	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
87	2527010111	Phương Hằng Giang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
88	2527010120	Phạm Thu Hà	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
89	2527010143	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
90	2527010145	Trịnh Thị Mỹ Hạnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
91	2527010150	Nguyễn Thị Thúy Hiền	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
92	2527010157	Phân Thị Hiếu	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
93	2527010164	Bùi Thị Hòa	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
94	2527010184	Phạm Thị Huệ	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
95	2527010195	Nguyễn Thị Lan Hương	2TXA25.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
96	2527010205	Lê Thị Thanh Huyền	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
97	2527010283	Phạm Giang Lương	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
98	2527010297	Phạm Ngọc Yến Mi	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
99	2527010302	Vũ Thị Anh Minh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
100	2527010320	Phuong Thị Hằng Nga	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
101	2527010321	Trần Thị Thuý Nga	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
102	2527010328	Đỗ Thị Bích Ngọc	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
103	2527010345	Nguyễn Thị Nguyệt	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
104	2527010355	Đoàn Thị Nhung	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
105	2527010395	Nguyễn Thị Quỳnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
106	2527010429	Nguyễn Thị Thu Thảo	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
107	2527010436	Phan Thị Quỳnh Thoa	2TXA25.1	ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
108	2527010438	Nguyễn Hoài Thu	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
109	2527010447	Trần Lê Thương Thương	2TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
110	2527010464	Đình Huyền Trang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
111	2527010480	Nguyễn Thùy Trang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
112	2527010486	Phan Thị Thu Trang	2TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
113	2167040088	Nguyễn Thị Tâm	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
114	2267040042	Trần Thị Ánh Hồng	2VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
115	2567042065	Nguyễn Thị Phương Linh	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
116	2567042096	Vũ Diễm Quỳnh	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
117	2567042114	Đỗ Văn Tiến	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
118	2427010041	Trịnh Thái Bảo	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
119	2427010395	Đỗ Thị Như Trang	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
120	2527010054	Nguyễn Bảo Châm	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
121	2527010055	Trần Thị Thanh Châm	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
122	2527010210	Nguyễn Thu Huyền	3TXA24.2	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
123	2427011266	Hoàng Thị Khánh Ninh	3TXA24.3	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
124	2527010038	Phạm Thị Lan Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
125	2527010039	Trần Ngọc Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
126	2527010041	Trương Hà Hải Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
127	2527010076	Nguyễn Vũ Cường	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
128	2527010103	Vũ Thị Duyên	3TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
129	2527010113	Chử Thị Thu Hà	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
130	2527010167	Nguyễn Đức Hoàn	3TXA25.1	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
131	2527010201	Chữ Thị Ngọc Huy	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
132	2527010220	Đặng Thị Khánh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
133	2527010233	Hà Thị Thanh Lan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
134	2527010240	Ngô Thị Kim Liên	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
135	2527010267	Nguyễn Thuỳ Linh	3TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
136	2527010277	Nguyễn Minh Loan	3TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
137	2527010278	Phạm Thanh Loan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
138	2527010312	Bùi Thị Thanh Nga	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
139	2527010335	Nguyễn Thị Minh Ngọc	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
140	2527010342	Hạp Thị Như Nguyệt	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
141	2527010352	Nguyễn Thị Yến Nhi	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
142	2527010388	Hoàng Minh Quang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
143	2527010393	Ngô Thúy Quỳnh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
144	2527010432	Trương Thị Phương Thảo	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
145	2527010448	Lâm Thị Thanh Thuý	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
146	2527010449	Ngô Phương Thuý	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
147	2527010476	Nguyễn Thị Thùy Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
148	2527010483	Phạm Thị Huyền Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
149	2527010498	Đình Văn Tuấn	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
150	2527010503	Vũ Tài Tuệ	3TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
151	2527010506	Nguyễn Thị Tuyền	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
152	2527010527	Lưu Thị Kim Yến	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
153	2527011249	Phạm Thị Hiền	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
154	2527011321	Phạm Thị Lam	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
155	2527011325	Hoàng Thị Lan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
156	2527011474	Nguyễn Phương Nhi	3TXA25.1	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
157	2527011496	Đào Thu Phương	3TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
158	2527011671	Đoàn Thị Xuyên	3TXA25.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
159	2267040059	Đỗ Thị Kim Linh	3VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
160	2567042066	Nguyễn Thuỳ Linh	3VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐHQG HN	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
161	2567042081	Ngô Thị Nghĩa	3VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
162	2237040016	Đào Ngọc Bích	4TCT-21-2	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
163	2427010513	Nguyễn Lê Khánh Chi	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
164	2427010783	Phạm Thị Ánh Nguyệt	4TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
165	2427010861	Mai Phương Thảo	4TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
166	2527010132	Lê Thu Hằng	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
167	2527010521	Lê Long Vũ	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
168	2427011094	Tô Thị Hải	4TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
169	2427010233	Lâm Thị Mai	4TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
170	2527010011	Đỗ Thị Hải Anh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
171	2527010035	Nguyễn Trung Anh	4TXA25.1	HỌC VIỆN QUẢN Y	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
172	2527010051	Nguyễn Thị Thu Ba	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
173	2527010089	Trần Thị Thu Dung	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
174	2527010186	Trần Thị Huệ	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
175	2527010199	Trần Mai Hương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
176	2527010200	Trần Thị Cẩm Hương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
177	2527010291	Nguyễn Thị Mai	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
178	2527010394	Nguyễn Diễm Quỳnh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
179	2527010423	Lê Thị Thảo	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
180	2527010441	Dương Anh Thư	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
181	2527010507	Trần Ngọc Tuyền	4TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
182	2527011131	Phùng Ngọc Phi Anh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
183	2527011192	Nguyễn Hà Thùy Dương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
184	2527011208	Trần Hương Giang	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
185	2527011483	Tạ Thị Kim Nhung	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
186	2527011531	Nguyễn Thị Quỳnh	4TXA25.1	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
187	2237070509	Vũ Hoàng Ánh Chinh	5TCH-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
188	2427010265	Nguyễn Thị Ngoan	5TXA24.1	ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
189	2527010020	Lương Trần Văn Anh	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
190	2527010379	Phạm Mai Phương	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
191	2427011189	Phạm Thuý Linh	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
192	2427011357	Ngô Thị Thúy	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOÀ BÌNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
193	2427011380	Vũ Phương Trang	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
194	2427011338	Nguyễn Thị Thanh Thu	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
195	2527010007	Đỗ Hà Anh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
196	2527010034	Nguyễn Thị Vân Anh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MÔ - ĐỊA CHẤT	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
197	2527010037	Phạm Quế Anh	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
198	2527010045	Bùi Ngọc Ánh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
199	2527010108	Phạm Hương Giang	5TXA25.1	ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
200	2527010127	Đinh Thị Hải	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
201	2527010137	Phạm Thị Kim Hằng	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN - ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
202	2527010190	Ngô Thị Thanh Hương	5TXA25.1	ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
203	2527010202	Trần Xuân Huy	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
204	2527010217	Vũ Thị Huyền	5TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
205	2527010221	Đỗ Hữu Khánh	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
206	2527010232	Nguyễn Tùng Lâm	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
207	2527010243	Vũ Việt Liên	5TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
208	2527010271	Trần Thị Nhật Linh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
209	2527010301	Trịnh Quang Minh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
210	2527010326	Lê Đại Nghĩa	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
211	2527010344	Nguyễn Thị Nguyệt	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
212	2527010380	Trần Thu Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG TP HCM	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
213	2527010384	Nguyễn Thị Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
214	2527010424	Mai Ngọc Thảo	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
215	2527010435	Nguyễn Thị Kim Thoa	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
216	2527010455	Lê Minh Thúy	5TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
217	2527010457	Phan Thị Dương Thùy	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
218	2527010465	Đỗ Thị Trang	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
219	2527010492	Cao Anh Trung	5TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
220	2527010529	Phan Thị Hải Yến	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
221	2527011497	Đỗ Quỳnh Phương	5TXA25.1	ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
222	2527011498	Đỗ Thị Nam Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
223	2527011554	Đặng Ngọc Phương Thảo	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
224	2527011645	Đỗ Thành Trung	5TXA25.1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
225	2427010705	Nguyễn Thị Thuý Linh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
226	2527011023	Đinh Thị Thanh Trà	6TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
227	2527010022	Nguyễn Châu Anh	6TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
228	2527010135	Nguyễn Thị Hằng	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
229	2527010166	Vũ Thị Hoài	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
230	2527010251	Lê Thị Linh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
231	2527010252	Ngô Thị Trúc Linh	6TXA25.1	HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
232	2527010289	Nguyễn Thị Lý	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
233	2527010322	Vũ Thị Nguyệt Nga	6TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tin chí	Kết quả	
234	2527010356	Hồ Thị Nhung	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
235	2527010363	Phạm Thị Trang Nhung	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
236	2527010428	Nguyễn Thị Thu Thảo	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
237	2527010458	Phạm Thị Thủy	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
238	2527011165	Đỗ Thị Chinh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
239	2527011247	Nguyễn Thu Hiền	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
240	2427010478	Nguyễn Thị Minh Anh	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
241	2427010560	Nguyễn Hương Giang	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
242	2427010664	Nguyễn Thị Thảo Huyền	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
243	2427010728	Bùi Thị Lý	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
244	2527010019	Lê Thị Quế Anh	7TXA25.1	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
245	2527010040	Trần Thị Ngọc Anh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
246	2527010044	Vũ Thị Anh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
247	2527010050	Trần Thị Ánh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
248	2527010070	Phạm Minh Chiến	7TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
249	2527010083	Lưu Bích Diệp	7TXA25.1	ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
250	2527010123	Tô Thị Ngọc Hà	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
251	2527010131	Lê Thị Thu Hằng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
252	2527010171	Đào Thị Thúy Hồng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
253	2527010194	Nguyễn Thị Hương	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
254	2527010229	Nguyễn Thị Khuyến	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
255	2527010238	Trần Huyền Li	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
256	2527010285	Ngô Thị Thảo Ly	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
257	2527010308	Trần Hà My	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
258	2527010316	Nguyễn Thị Ngọc Nga	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
259	2527010317	Nguyễn Thị Phương Nga	7TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
260	2527010332	Ngô Tuấn Ngọc	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
261	2527010339	Nguyễn Mạnh Nguyên	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
262	2527010375	Nguyễn Hằng Phương	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
263	2527010383	Chu Thị Phương	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
264	2527010417	Nguyễn Thị Phương Thanh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
265	2527010433	Vũ Thị Thơ	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
266	2527010434	Nguyễn Thị Thoa	7TXA25.1	ĐHQG HN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
267	2527010452	Nguyễn Thu Thủy	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
268	2527010453	Trương Thị Thu Thủy	7TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
269	2527010497	Phạm Tuấn Tú	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
270	2527010511	Vũ Thị Ánh Tuyết	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
271	2527010341	Giang Bích Nguyệt	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐỒ	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
272	0221C0696	Ngô Quang Huy	1TXA21.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	Giấy chứng nhận TNĐH
273	0222C0276	Nguyễn Minh Thảo	1TXA21.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	Giấy chứng nhận TNĐH
274	0223D0965	Hoàng Đại Khánh	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	Giấy chứng nhận TNĐH

DANH SÁCH SINH VIÊN CÓ CHỨNG CHỈ

275	2307010040	Mậu Ngọc Minh Châu	10A-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
276	2407010143	Bùi Thảo Nguyên	10A-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
277	2407010200	Lê Ngọc Anh	10A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
278	2407010094	Lưu Ánh Dương	1A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
279	2507210032	Nguyễn Lê Minh Huyền	1A-25TT	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
280	2507210079	Nguyễn Thái Uyên	1A-25TT	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
281	2407100024	Lê Thị Ngọc Huyền	1B-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
282	2407050094	Nguyễn Bạch Dương	1Đ-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
283	2307170016	Vũ Việt Anh	1H-23C	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
284	2307170028	Lê Hoàng Thanh Hà	1H-23C	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
285	2307170046	Vũ Lan Khanh	1H-23C	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
286	2307090004	Nguyễn Phương Anh	1I-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
287	2507090040	Nguyễn Thùy Linh	1I-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
288	2304000041	Lê Bích Hường	1K-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
289	2304010062	Lê Thị Hà My	1KT-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
290	2404010080	Đỗ Thị Thùy Linh	1KT-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
291	2204050052	Đào Thanh Nhân	1M-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
292	2504050017	Nguyễn Thùy Dương	1M-25ACN	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
293	2504050061	Đỗ Thu Thảo	1M-25ACN	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
294	2006060018	Phạm Minh Ngọc	1NC-20	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
295	2206080083	Đỗ Đình Long	1Q-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
296	2306080046	Đinh Thị Hương	1Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
297	2306080079	Đỗ Quỳnh Nga	1Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
298	2307040171	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	1T-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
299	2407040178	Đào Minh Ngọc	1T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
300	2237040518	Hoàng Hương Giang	1TCT-22-2	Microsoft	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
301	2501000040	Nguyễn Hà My	1TT-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
302	2501000053	Trịnh Thị Như Quỳnh	1TT-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
303	0223C0497	Nguyễn Thị Hằng	1TXA23.3.HN	Microsoft	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
304	2507010286	Nguyễn Cao Huyền Trang	2A-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
305	2407050009	Nguyễn Thanh Ngân	2Đ-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
306	2407050067	Phạm Thùy Linh	2Đ-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
307	2207190027	Trần Thu Hằng	2I-22C	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
308	2304000079	Nguyễn Thị Mai Phương	2K-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
309	2304000090	Lê Thanh Thảo	2K-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
310	2204050023	Vũ Anh Đức	2M-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
311	2204050038	Nguyễn Mỹ Linh	2M-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
312	2204050073	Hoàng Thu Trang	2M-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
313	2204050077	Phan Khánh Vân	2M-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
314	2204050079	Đỗ Hà My	2M-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
315	2507060188	Nguyễn Thị Cẩm Tú	2NB-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
316	2206080002	Cù Ngọc Bảo Quế Anh	2Q-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
317	2206080007	Hà Vân Anh	2Q-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
318	2206080019	Phan Thị Minh Ánh	2Q-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
319	2206080060	Bùi Thị Mai Khánh	2Q-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
320	2206080100	Nguyễn Như Quỳnh	2Q-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
321	2306080050	Trần Thị Hương Lan	2Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
322	2506080047	Triệu Hải Huệ	2Q-25ACN	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
323	2407040026	Nguyễn Thị Ngọc	2T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
324	2407040072	Mã Thanh Huyền	2T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
325	2407040091	Nguyễn Thị Lan Anh	2T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
326	2407040128	Cao Minh Châu	2T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
327	2407040205	Trần Thị Quỳnh Anh	2T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
328	2507040179	Nguyễn Thủy Quỳnh	2T-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
329	2507040241	Trần Thị Ngọc Xoan	2T-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
330	2307080029	Nguyễn Phương Huyền	2TB-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
331	2507080052	Nguyễn Lê Thùy Linh	2TB-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
332	2204040008	Nguyễn Minh Anh	2TC-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
333	2304040092	Ngô Thùy Trang	2TC-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
334	2404040034	Lê Thị Hồng Ngân	2TC-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tin chí	Kết quả	
335	2504040013	Nguyễn Nhật Ánh	2TC-25ACN	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
336	2407010034	Dương Thị Phương Anh	3A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
337	2407010242	Vũ Thị Hà My	3A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
338	2407010298	Đào Diệu Xuân	3A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
339	2507010271	Vũ Thị Thanh Thùy	3A-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
340	2507010298	Nguyễn Thị Minh Uyên	3A-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
341	2407050084	Nguyễn Thị Hương Giang	3D-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
342	2304010015	Phạm Thị Phương Anh	3KT-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
343	2304010049	Lê Ngọc Linh	3KT-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
344	2304010096	Đỗ Thị Hồng Thúy	3KT-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
345	2507020133	Phạm Thị Thu Thủy	3N-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
346	2206080101	Đỗ Minh Tâm	3Q-22	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
347	2306080008	Nguyễn Linh Anh	3Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
348	2306080052	Bùi Ngọc Bảo Linh	3Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
349	2306080082	Phạm Thùy Ngân	3Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
350	2306080106	Bùi Phương Thảo	3Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
351	2306080107	Nguyễn Thị Thu Thảo	3Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
352	2306080124	Bùi Cẩm Tú	3Q-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
353	2306080042	Nguyễn Thị Huyền	3Q-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
354	2406080054	Đào Khánh Linh	3Q-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
355	2307140050	Nguyễn Kiều Loan	3T-23C	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
356	2307140059	Bùi Minh Ngọc	3T-23C	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
357	2507040073	Lê Thị Thanh Huyền	3T-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
358	2507240066	Nguyễn Bảo Minh	3T-25TT	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
359	2404040092	Trần Lương Hương Giang	3TC-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
360	2407010262	Dương Phương Thảo	4A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
361	2507010045	Nguyễn Hà Chi	4A-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
362	2307050005	Đỗ Vương Hà Anh	4Đ-23	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
363	2407030087	Phạm Huyền Linh	4P-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
364	2407040004	Tổng Nguyễn Hải Yến	4T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
365	2407040009	Hoàng Phương Liên	4T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
366	2407040106	Hà Thị Thu Hường	4T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
367	2407040175	Đới Thị Linh	4T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
368	2407040213	Phạm Thị Minh Hằng	4T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
369	2507040154	Đỗ Quỳnh Nhi	4T-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
370	2507010096	Nguyễn Hữu Trung Hiếu	5A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Kết quả	
371	2407040100	Nguyễn Thị Thanh Nga	5T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
372	2407040202	Nguyễn Khánh Linh	5T-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
373	2507040210	Đỗ Ngọc Thùy Tiên	5T-25	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
374	2407010281	Lê Thị Mai Hương	8A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
375	2407010284	Tạ Thu Trang	8A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
376	2407010066	Đào Nguyễn Tú Anh	6A-24	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
377	2406290019	Nguyễn Phương Linh	2D-24TT	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
378	2507070108	Hoàng Thanh Văn	2H-25	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
379	2507270014	Nguyễn Minh Ánh	2H-25TT	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
380	2507270030	Trần Thu Hiền	2H-25TT	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
381	2507270088	Nguyễn Thị Hà Trang	2H-25TT	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
382	2306080123	Vũ Phan Thục Trinh	3Q-23	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
383	2406080106	Nguyễn Quỳnh Anh	3Q-24	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
384	2307040041	Nguyễn Thị Thanh Hằng	3T-23	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
385	2507070016	Nguyễn Trần Mai Anh	1H-25	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
386	2507070070	Lê Hồng Ngọc	1H-25	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
387	2507270063	Đinh Thị Hằng Ngân	1H-25TT	Microsoft	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
388	2507270104	Hoàng Thị Như Ý	1H-25TT	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
389	2307020034	Nguyễn Ngọc Diễm	1N-23	ICDL	61FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
390	0221B0626	Vũ Thu Phương	1TXA21.2.QG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
391	0221D0892	Trịnh Hoàng Minh	1TXA21.4.N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
392	0222C0196	Nguyễn Thị Thanh Hoa	1TXA22.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
393	0223A0114	Trần Thị Ngân	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
394	0223A0146	Trần Thị Thu Thảo	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
395	0223D0956	Hoàng Thị Thu Huyền	1TXA23.1.HN	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
396	0223D0814	Ngô Thị Ngọc Bích	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
397	0223D0928	Nguyễn Thị Hồng	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
398	0223D0938	Dương Thị Hương	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
399	0223D0980	Phạm Thị Ngọc Lan	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
400	0223D1085	Lê Thị Phương	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
401	0223D1091	Nông Thị Phương	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
402	0223D1095	Đặng Hoàng Quân	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
403	2527011366	Triệu Yến Linh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
404	0220a0039	Nguyễn Phương Linh	1TXK30.KT1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
405	0220c0278	Nguyễn Thị Tuyết	1TXK30.KT1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Lớp	Đơn vị cấp	Học phần tương đương				Ghi chú
					Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ	Kết quả	
406	0221A0071	Cao Bích Ngọc	1TXK31.A1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
407	2427061001	Đỗ Quỳnh Anh	1TXNB-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
408	2427062017	Tạ Thị Thu Hà	1TXNB-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
409	2427062025	Nguyễn Thị Thanh Hoa	1TXNB-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
410	2427061025	Nguyễn Thị Hương	1TXNB-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
411	2427061027	Nguyễn Thị Hường	1TXNB-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
412	2427061034	Đỗ Thị Nhật Lệ	1TXNB-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
413	2427061065	Lê Hà Trang	1TXNB-24-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
414	2427062009	Lương Thị Cúc	1TXNB-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
415	2427062050	Nguyễn Văn Thanh	1TXNB-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
416	2427062062	Trần Đắc Ứng	1TXNB-24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
417	2427010816	Nguyễn Ngọc Đoàn Phương	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
418	2537041014	Phạm Thị Ngọc Ánh	3TCT-25-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
419	2537041030	Lâm Thị Thúy Hạnh	3TCT-25-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
420	2537041134	Trương Huyền Trang	3TCT-25-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	64FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ thông tin	3	MT	
421	2427010761	Cao Thị Thanh Ngà	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
422	2427011020	Phạm Phương Anh	5TXA24.3	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
423	2527010269	Trần Lê Phương Linh	6TXA25.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
424	2527010318	Phạm Thị Nga	6TXA25.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
425	0223B0331	Phan Thị Sen	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG MÁY TÍNH GENETIC	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	
426	2427010109	Trần Thị Thu Hà	2TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TOULON	65FIT1CSK	Ứng dụng Công nghệ Thông tin	3	MT	

**DANH SÁCH SINH VIÊN XÉT MIỄN HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần xét miễn			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
I. Danh sách sinh viên đã có 1 bằng đại học									
1	3737010034	Đỗ Thuý	Hiền	2TCA-23-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	64NDE1NDS	8	MT	
2	0221C0696	Ngô Quang	Huy	1TXA21.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	65NDE1NDS	8	MT	
3	2527010438	Nguyễn Hoài	Thu	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
4	2527010408	Nguyễn Minh	Tâm	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65NDE1NDS	8	MT	
5	2527010435	Nguyễn Thị Kim	Toa	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
6	2527010169	Nguyễn Trần	Hoàng	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
7	2527010289	Nguyễn Thị	Lý	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
8	2527010321	Trần Thị Thuý	Nga	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
9	2527011249	Phạm Thị	Hiền	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65NDE1NDS	8	MT	
10	2267040164	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	63NDE1NDS	8	MT	
11	2427010041	Trịnh Thái	Bảo	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI	65NDE1NDS	8	MT	
12	2427010705	Nguyễn Thị Thuý	Linh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDE1NDS	8	MT	
13	2167040088	Nguyễn Thị	Tâm	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	63NDE1NDS	8	MT	
14	0223C0626	Nguyễn Hồng	Ngọc	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	65NDE1NDS	8	MT	
15	2427010161	Nguyễn Thu	Hương	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDE1NDS	8	MT	
16	2527010505	Phan Hữu Xuân	Tùng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC-ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65NDE1NDS	8	MT	
17	0223B0293	Ngô Ngọc	Minh	1TXA23.2.HN	HỌC VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65NDE1NDS	8	MT	
18	2527010220	Đặng Thị	Khánh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
19	2527010283	Phạm Giang	Lương	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
20	2527010108	Phạm Hương	Giang	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
21	2427011020	Phạm Phương	Anh	5TXA24.3	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65NDE1NDS	8	MT	
22	2527010097	Cao Đoàn	Duy	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
23	2527010388	Hoàng Minh	Quang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDE1NDS	8	MT	
24	2527010355	Đoàn Thị	Nhung	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65NDE1NDS	8	MT	
25	0223B0192	Trần Nguyễn Phương	Anh	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
26	2527011645	Đỗ Thành	Trung	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
27	2527010083	Lưu Bích	Diệp	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65NDE1NDS	8	MT	
28	2427010775	Hoàng Thị Minh	Ngọc	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
29	2527010076	Nguyễn Vũ	Cường	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDE1NDS	8	MT	
30	2527010447	Trần Lê Thương	Thương	2TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65NDE1NDS	8	MT	
31	0223C0605	Vũ Phạm Xuân	Mai	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65NDE1NDS	8	MT	
32	2527010044	Vũ Thị	Anh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
33	2527010498	Đình Văn	Tuân	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
34	2527010050	Trần Thị	Ánh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
35	2527010383	Chu Thị	Phượng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần xét miễn			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
36	0221B0515	Vũ Hải	Anh	1TXA21.1.N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
37	2407050030	Đỗ Thủy	Linh	2Đ-24	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	61NDE1NDS	8	MT	
38	2527010384	Nguyễn Thị	Phượng	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65NDE1NDS	8	MT	
39	2527010429	Nguyễn Thị Thu	Thảo	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65NDE1NDS	8	MT	
40	2427010861	Mai Phương	Thảo	4TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
41	2527010448	Lâm Thị Thanh	Thúy	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65NDE1NDS	8	MT	
42	2527010041	Trương Hà Hải	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
43	2527010434	Nguyễn Thị	Thoa	7TXA25.1	KHOA QUỐC TẾ-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
44	2527010503	Vũ Tài	Tuệ	3TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65NDE1NDS	8	MT	
45	2527010089	Trần Thị Thu	Dung	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
46	2267040091	Phùng Phương	Thảo	3VBT22-1	KHOA DƯỢC-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63NDE1NDS	8	MT	
47	2527010229	Nguyễn Thị	Khuyên	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65NDE1NDS	8	MT	
48	2527010423	Lê Thị	Thảo	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHTN-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
49	2527010441	Dương Anh	Thư	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
50	2527010332	Ngô Tuấn	Ngọc	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
51	2527010455	Lê Minh	Thúy	5TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65NDE1NDS	8	MT	
52	2527011671	Đoàn Thị	Xuyên	3TXA25.3	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
53	2527010394	Nguyễn Diễm	Quỳnh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
54	2527010051	Nguyễn Thị Thu	Ba	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
55	2527010465	Đỗ Thị	Trang	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
56	2567012229	Nguyễn Minh	Quân	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	63NDE1NDS	8	MT	
57	2427010513	Nguyễn Lê Khánh	Chi	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
58	2527010031	Nguyễn Thị Phương	Anh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65NDE1NDS	8	MT	
59	2567012266	Đặng Thị Thanh	Thúy	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63NDE1NDS	8	MT	
60	2527010424	Mai Ngọc	Thảo	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC	65NDE1NDS	8	MT	
61	2427010476	Nguyễn Thị Lan	Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
62	2527011554	Đặng Ngọc Phương	Thảo	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65NDE1NDS	8	MT	
63	2527010352	Nguyễn Thị Yến	Nhi	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
64	2427010932	Phạm Thảo	Trang	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
65	2527062084	Huỳnh Thị Tú	Thuyết	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM-ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	65NDE1NDS	8	MT	
66	2527010233	Hà Thị Thanh	Lan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65NDE1NDS	8	MT	
67	2527010202	Trần Xuân	Huy	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
68	2527010054	Nguyễn Bảo	Châm	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
69	2427010478	Nguyễn Thị Minh	Anh	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65NDE1NDS	8	MT	
70	2527011531	Nguyễn Thị	Quỳnh	4TXA25.1	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65NDE1NDS	8	MT	
71	2527010252	Ngô Thị Trúc	Linh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65NDE1NDS	8	MT	
72	2527010210	Nguyễn Thu	Huyền	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDE1NDS	8	MT	
73	2527010201	Chữ Thị Ngọc	Huy	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
74	2527010085	Phạm Thị	Diệp	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT	65NDE1NDS	8	MT	
75	2527010135	Nguyễn Thị	Hằng	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
76	2527010150	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHTN-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
77	2527010065	Phạm Văn	Chi	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65NDE1NDS	8	MT	
78	2527010143	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDE1NDS	8	MT	
79	2527011247	Nguyễn Thu	Hiền	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần xét miễn			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
80	2527011496	Đào Thu	Phuong	3TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDEINDS	8	MT	
81	2527010244	Lê Thị	Liều	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
82	2527010521	Lê Long	Vũ	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDEINDS	8	MT	
83	0223A0050	Trần Nhật	Hào	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
84	2427010233	Lâm Thị	Mai	4TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65NDEINDS	8	MT	
85	2527010258	Nguyễn Ngọc	Linh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
86	0222D0370	Trần Việt	Hoàng	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65NDEINDS	8	MT	
87	0223B0215	Nguyễn Huyền	Diệu	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
88	2427010863	Nguyễn Phương	Thào	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDEINDS	8	MT	
89	2527010167	Nguyễn Đức	Hoàn	3TXA25.1	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	65NDEINDS	8	MT	
90	2527010052	Lê Ngọc	Bích	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
91	2527010395	Nguyễn Thị	Quỳnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG XÃ HỘI	65NDEINDS	8	MT	
92	2527011497	Đỗ Quỳnh	Phuong	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
93	2527011321	Phạm Thị	Lam	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
94	0223C0476	Phạm Thị Ngân	Giang	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
95	2527010933	Đỗ Thị	Phượng	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
96	0223B0285	Phạm Thị Yến	Linh	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
97	2527010131	Lê Thị Thu	Hằng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
98	2527010037	Phạm Quế	Anh	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDEINDS	8	MT	
99	2527010038	Phạm Thị Lan	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
100	2527010401	Nguyễn Tùng	Son	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65NDEINDS	8	MT	
101	2527011192	Nguyễn Hà Thùy	Dương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
102	2527010436	Phan Thị Quỳnh	Thoa	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
103	2527010449	Ngô Phương	Thúy	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
104	2527010452	Nguyễn Thu	Thúy	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65NDEINDS	8	MT	
105	2527010040	Trần Thị Ngọc	Anh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
106	2527010034	Nguyễn Thị Vân	Anh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT	65NDEINDS	8	MT	
107	2527010362	Phạm Thị Phương	Nhung	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
108	2527010320	Phuong Thị Hằng	Nga	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65NDEINDS	8	MT	
109	2527010205	Lê Thị Thanh	Huyền	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
110	2527010297	Phạm Ngọc Yến	Mi	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65NDEINDS	8	MT	
111	2527010066	Phan Quỳnh	Chi	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDEINDS	8	MT	
112	2467010214	Lê Mai	Dung	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63NDEINDS	8	MT	
113	2567042038	Nguyễn Trung	Hiếu	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63NDEINDS	8	MT	
114	2527010132	Lê Thu	Hằng	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
115	0223D1049	Trần Bảo	Ngọc	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
116	2527011325	Hoàng Thị	Lan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC-ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65NDEINDS	8	MT	
117	0223D0911	Nguyễn Trần Thúy	Hiền	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
118	2527010011	Đỗ Thị Hải	Anh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
119	2527011483	Tạ Thị Kim	Nhung	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
120	0222C0276	Nguyễn Minh	Thào	1TXA21.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65NDEINDS	8	MT	
121	2527010221	Đỗ Hữu	Khánh	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDEINDS	8	MT	
122	2527010464	Đinh Huyền	Trang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
123	0223A0042	Đặng Thị Ngọc	Hân	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần xét miễn			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
124	2427011094	Tô Thị	Hải	4TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ HẢI DƯƠNG	65NDEINDS	8	MT	
125	0222D0447	Trần Thị Như	Quỳnh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, KỸ THUẬT NAM ĐỊNH	65NDEINDS	8	MT	
126	2527010322	Vũ Thị Nguyệt	Nga	6TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDEINDS	8	MT	
127	2427011380	Vũ Phương	Trang	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
128	2527010316	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN	65NDEINDS	8	MT	
129	2427010771	Đỗ Mai	Ngọc	1TXA24.2	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG	65NDEINDS	8	MT	
130	2427010560	Nguyễn Hương	Giang	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
131	2527010312	Bùi Thị Thanh	Nga	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
132	2527011529	Lê Như	Quỳnh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
133	0222D0471	Đoàn Minh	Thuận	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65NDEINDS	8	MT	
134	2567012163	Phạm Khánh	Linh	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	63NDEINDS	8	MT	
135	2527010003	Trần Thị	An	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
136	2527011165	Đỗ Thị	Chinh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
137	2527011131	Phùng Ngọc Phi	Anh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
138	2527010342	Hạp Thị Như	Nguyệt	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH	65NDEINDS	8	MT	
139	2527010171	Đào Thị Thúy	Hồng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65NDEINDS	8	MT	
140	2527010432	Trương Thị Phương	Thảo	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
141	2527010507	Trần Ngọc	Tuyển	4TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
142	0222C0221	Đỗ Hoa	Lê	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65NDEINDS	8	MT	
143	2567042081	Ngô Thị	Nghĩa	3VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63NDEINDS	8	MT	
144	2527010194	Nguyễn Thị	Hương	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG-XÃ HỘI	65NDEINDS	8	MT	
145	2527010232	Nguyễn Tùng	Lâm	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDEINDS	8	MT	
146	2527010291	Nguyễn Thị	Mai	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
147	2527010019	Lê Thị Quế	Anh	7TXA25.1	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	65NDEINDS	8	MT	
148	2527010016	Lê Phương	Anh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
149	2527010238	Trần Huyền	Li	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDEINDS	8	MT	
150	2527010020	Lương Trần Văn	Anh	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA	65NDEINDS	8	MT	
151	0223D0895	Nguyễn Thị	Hằng	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65NDEINDS	8	MT	
152	2427010265	Nguyễn Thị	Ngoan	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐH KHTN-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
153	2527010004	Bùi Quỳnh	Anh	2TXA25.1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65NDEINDS	8	MT	
154	2527010086	Vương Huy	Đông	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
155	2267040130	Hoàng Thanh	Bình	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63NDEINDS	8	MT	
156	0222D0461	Trần Phương	Thảo	2TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
157	2527010035	Nguyễn Trung	Anh	4TXA25.1	HỌC VIỆN QUÂN Y	65NDEINDS	8	MT	
158	2527010055	Trần Thị Thanh	Châm	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐH KH&HT-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
159	2527010243	Vũ Việt	Liên	5TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65NDEINDS	8	MT	
160	2267040107	Nguyễn Thị	Trang	1VBT23-2	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63NDEINDS	8	MT	
161	0223D0995	Nguyễn Cẩm	Linh	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65NDEINDS	8	MT	
162	2527010382	Vi Thị	Phương	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	65NDEINDS	8	MT	
163	2527010157	Phản Thị	Hiếu	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
164	2267040203	Phan Văn	Quyên	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63NDEINDS	8	MT	
165	2527010326	Lê Đại	Nghĩa	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65NDEINDS	8	MT	
166	2527010271	Trần Thị Nhật	Linh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
167	2527010113	Chữ Thị Thu	Hà	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG	65NDEINDS	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần xét miễn			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
168	2527010380	Trần Thu	Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
169	2567011080	Nguyễn Tuấn	Kiệt	1VBA25-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63NDEINDS	8	MT	
170	2527011208	Trần Hương	Giang	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
171	2527010497	Phạm Tuấn	Tú	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT	65NDEINDS	8	MT	
172	2527010478	Nguyễn Thu	Trang	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
173	2527010492	Cao Anh	Trung	5TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
174	2567012302	Trần Thị Khánh	Vân	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63NDEINDS	8	MT	
175	2527010039	Trần Ngọc	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
176	2527010184	Phạm Thị	Huệ	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65NDEINDS	8	MT	
177	2527010145	Trịnh Thị Mỹ	Hạnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDEINDS	8	MT	
178	0223D0843	Đỗ Thị Mai	Dung	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
179	2527010007	Đỗ Hà	Anh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
180	0222D0483	Nguyễn Khánh	Toàn	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
181	2527010302	Vũ Thị Anh	Minh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
182	2567042114	Đỗ Văn	Tiến	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63NDEINDS	8	MT	
183	2527010190	Ngô Thị Thanh	Hương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG	65NDEINDS	8	MT	
184	2267040059	Đỗ Thị Kim	Linh	3VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	63NDEINDS	8	MT	
185	2237070509	Vũ Hoàng Ánh	Chinh	5TCH-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG-XÃ HỘI	64NDEINDS	8	MT	
186	3537010021	Bùi Minh	Đức	5TCA-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	64NDEINDS	8	MT	
187	3137010036	Nguyễn Quỳnh	Hương	1TCA-31	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	64NDEINDS	8	MT	
188	3637010031	Bùi Thị Thu	Huyền	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64NDEINDS	8	MT	
189	3537010076	Lê Phương	Nhung	6TCA-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA	64NDEINDS	8	MT	
190	2237040016	Đào Ngọc	Bích	4TCT-21-2	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	64NDEINDS	8	MT	
191	3537010051	Lưu Ngọc	Linh	6TCA-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TRÃI	64NDEINDS	8	MT	
192	3637010021	Đỗ Ánh	Dương	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64NDEINDS	8	MT	
193	2537042169	Nguyễn Huyền	Trang	3TCT-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	64NDEINDS	8	MT	
194	3637010009	Phan Quỳnh	Chi	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64NDEINDS	8	MT	
195	1867010128	Nguyễn Thị	Xuân	1TCA-33	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	64NDEINDS	8	MT	
196	3137010080	Đinh Thị Phương	Thảo	1TCA-31	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	64NDEINDS	8	MT	
197	0223D1201	Hoàng Thị	Yến	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM-ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65NDEINDS	8	MT	
198	0223D0806	Ngô Thị Hồng	Ánh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
199	2527010335	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65NDEINDS	8	MT	
200	2527010022	Nguyễn Châu	Anh	6TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65NDEINDS	8	MT	
201	2527011030	Đỗ Minh	Trang	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
202	2527010457	Phan Thị Dương	Thùy	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDEINDS	8	MT	
203	2527010217	Vũ Thị	Huyền	5TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65NDEINDS	8	MT	
204	2527010296	Kiều Cao	Mạnh	1TXA25.1	HỌC VIỆN PHÒNG PHÒNG-KHÔNG QUÂN	65NDEINDS	8	MT	
205	2527010404	Đặng Thị	Tâm	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
206	2527010127	Đinh Thị	Hải	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP	65NDEINDS	8	MT	
207	2527010166	Vũ Thị	Hoài	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65NDEINDS	8	MT	
208	2527010341	Giang Bích	Nguyệt	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP ĐÔNG ĐỒ	65NDEINDS	8	MT	
209	2527010251	Lê Thị	Linh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDEINDS	8	MT	
210	2527010458	Phạm Thị	Thùy	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDEINDS	8	MT	
211	2527010186	Trần Thị	Huệ	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65NDEINDS	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần xét miễn			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
212	2527010428	Nguyễn Thị Thu	Thảo	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, KỸ THẬT CÔNG NGHIỆP	65NDE1NDS	8	MT	
213	2267040042	Trần Thị Ánh	Hồng	2VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63NDE1NDS	8	MT	
214	2527010070	Phạm Minh	Chiến	7TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
215	2527010339	Nguyễn Mạnh	Nguyên	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
216	0223D0899	Trịnh Thị Thanh	Hằng	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐH KHTN-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
217	2567041096	Bùi Phương	Mai	1VBT25-1	TRƯỜNG ĐH KH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63NDE1NDS	8	MT	
218	2527010195	Nguyễn Thị Lan	Hương	2TXA25.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65NDE1NDS	8	MT	
219	2527010462	Bùi Thị	Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
220	2527010726	Trần Minh	Hoàng	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐH KHTN-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
221	2527010379	Phạm Mai	Phương	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
222	2567012094	Nguyễn Thị Phương	Hoa	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63NDE1NDS	8	MT	
223	2527011498	Đỗ Thị Nam	Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
224	2567042096	Vũ Diễm	Quỳnh	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63NDE1NDS	8	MT	
225	2527010433	Vũ Thị	Thơ	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65NDE1NDS	8	MT	
226	2527010045	Bùi Ngọc	Ánh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG-XÃ HỘI	65NDE1NDS	8	MT	
227	2527010453	Trương Thị Thu	Thủy	7TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65NDE1NDS	8	MT	
228	2427011189	Phạm Thủy	Linh	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THẮNG LONG	65NDE1NDS	8	MT	
229	2527010103	Vũ Thị	Duyên	3TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
230	2527011609	Đào Quỳnh	Trang	1TXA25.1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65NDE1NDS	8	MT	
231	2527011177	Nguyễn Ngọc	Dung	4TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
232	2527010486	Phan Thị Thu	Trang	2TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
233	2527010277	Nguyễn Minh	Loan	3TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
234	2527010344	Nguyễn Thị	Nguyệt	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65NDE1NDS	8	MT	
235	2527010501	Phạm Anh	Tuấn	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
236	2567012003	Bùi Nguyệt Phương	Anh	1VBA25-2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	63NDE1NDS	8	MT	
237	2527010375	Nguyễn Hằng	Phương	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
238	2527010527	Lưu Thị Kim	Yến	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
239	2427011357	Ngô Thị	Thúy	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
240	2527010164	Bùi Thị	Hòa	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
241	2527010120	Phạm Thu	Hà	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDE1NDS	8	MT	
242	2527010413	Đặng Minh	Thanh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
243	2527010301	Trịnh Quang	Minh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65NDE1NDS	8	MT	
244	2427010217	Nguyễn Thị Khánh	Linh	2TXA24.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65NDE1NDS	8	MT	
245	2527010417	Nguyễn Thị Phương	Thanh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
246	2527010356	Hồ Thị	Nhung	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
247	2527010525	Thẩm Thanh	Xuân	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDE1NDS	8	MT	
248	2527010123	Tô Thị Ngọc	Hà	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
249	2427010783	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	4TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
250	2567012146	Ngô Thùy Ngọc	Liên	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	63NDE1NDS	8	MT	
251	2527010111	Phương Hằng	Giăng	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
252	2527010278	Phạm Thanh	Loan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP	65NDE1NDS	8	MT	
253	2527010483	Phạm Thị Huyền	Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDE1NDS	8	MT	
254	2527010506	Nguyễn Thị	Tuyến	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
255	2527010317	Nguyễn Thị Phương	Nga	7TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần xét miễn			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chi	Kết quả	
256	2427010395	Đỗ Thị Như	Trang	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
257	2527010267	Nguyễn Thùy	Linh	3TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
258	2527010480	Nguyễn Thùy	Trang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65NDE1NDS	8	MT	
259	2527010285	Ngô Thị Thảo	Ly	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
260	2527010345	Nguyễn Thị	Nguyệt	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65NDE1NDS	8	MT	
261	2427010208	Lã Thị Mai	Linh	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
262	2527011023	Đinh Thị Thanh	Trà	6TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65NDE1NDS	8	MT	
263	2527010200	Trần Thị Cẩm	Hường	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
264	2567042065	Nguyễn Thị Phương	Linh	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	63NDE1NDS	8	MT	
265	2527010430	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
266	2527010199	Trần Mai	Hương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65NDE1NDS	8	MT	
267	2527062065	Phạm Thị Hồng	Nhung	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
268	0223D0965	Hoàng Đại	Khánh	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
269	2427011266	Hoàng Thị Khánh	Ninh	3TXA24.3	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
270	2527010476	Nguyễn Thị Thùy	Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65NDE1NDS	8	MT	
271	2527010240	Ngô Thị Kim	Liên	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
272	2527010511	Vũ Thị Ánh	Tuyết	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65NDE1NDS	8	MT	
273	2267040008	Nguyễn Hải	Bình	2VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63NDE1NDS	8	MT	
274	2527010363	Phạm Thị Trang	Nhung	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
275	2427011289	Nguyễn Minh	Quán	1TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65NDE1NDS	8	MT	
276	2527010308	Trần Hà	My	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65NDE1NDS	8	MT	
277	0223C0456	Nguyễn Thùy	Dung	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
278	2527010137	Phạm Thị Kim	Hằng	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT-ĐHQG TP. HỒ CHÍ MINH	65NDE1NDS	8	MT	
279	0223B0182	Vũ Trường	An	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
280	2567012067	Nguyễn Thị Thu	Hà	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63NDE1NDS	8	MT	
281	2527062040	Nguyễn Thị Thu	Huyền	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65NDE1NDS	8	MT	
282	2527010529	Phan Thị Hải	Yến	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65NDE1NDS	8	MT	
283	2427011338	Nguyễn Thị Thanh	Thu	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
284	2527010328	Đỗ Thị Bích	Ngọc	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
285	2527011474	Nguyễn Phương	Nhi	3TXA25.1	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65NDE1NDS	8	MT	
286	0222A0024	Trương Đỗ	Khải	1TXA22.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65NDE1NDS	8	MT	
287	2527010151	Nguyễn Thúy	Hiền	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
288	2527010393	Ngô Thúy	Quỳnh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	

II. Danh sách sinh viên có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh

289	0223C0433	Đào Thị Thanh	Bình	1TXA23.3.HN	TRUNG TÂM GDQPAN-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
290	2427010733	Ngô Chi	Mai	1TXA24.1	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
291	2501240022	Nguyễn Đắc Thái	Duy	3C-25TTACN	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI	61NDE1NDS	8	MT	
292	2504050061	Đỗ Thu	Thảo	1M-25ACN	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI	61NDE1NDS	8	MT	
293	0223D0870	Vũ Hương	Giang	1TXA23.4.HN	TRUNG TÂM GDQPAN -TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG	65NDE1NDS	8	MT	
294	2527010493	Lê Quốc	Trung	1TXA25.1	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
295	2504060021	Trương Quang	Đức	1CT-25ACN	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI	61NDE1NDS	8	MT	
296	2437041028	Vũ Thị	Hiền	1TCT-24-1	TRUNG TÂM GDQPAN-ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	64NDE1NDS	8	MT	
297	0223D1046	Nguyễn Thu	Ngọc	1TXA23.1.HN	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
298	2527010188	Đặng Tuấn	Hưng	1TXA25.1	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65NDE1NDS	8	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần xét miễn			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
299	0222A0001	Phạm Lê Hải	Anh	ITXA22.1.HN	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI	65NDE1NDS	8	MT	
300	2507060130	Nguyễn Minh	Nguyệt	2NB-25	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	61NDE1NDS	8	MT	
301	2507070090	Nguyễn Phan Trúc	Quỳnh	3H-25	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	61NDE1NDS	8	MT	
302	2504040052	Tống Khánh	Linh	1TC-25ACN	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI	61NDE1NDS	8	MT	
303	2527062090	Đào Đình	Tuyền	1TXNB-25-2	TRUNG TÂM GDQPAN-TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	61NDE1NDS	8	MT	

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT MIỄN CÁC HỌC PHẦN GIÁO DỤC THỂ CHẤT
ĐỢT 5, NĂM HỌC 2025-2026**

(Kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-ĐHHN ngày 29 tháng 5 năm 2026)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
1	2527010108	Phạm Hương	Giang	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
2	2527010011	Đỗ Thị Hải	Anh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1FF1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
3	2527010452	Nguyễn Thu	Thủy	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
4	0222D0471	Đoàn Minh	Thuận	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
5	2527010436	Phan Thị Quỳnh	Thoa	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
6	2527011165	Đỗ Thị	Chinh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
7	2527011192	Nguyễn Hà Thùy	Dương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
8	2527010031	Nguyễn Thị Phương	Anh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
9	2527010363	Phạm Thị Trang	Nhung	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1BB2, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
10	2427010560	Nguyễn Hương	Giang	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
11	2527011498	Đỗ Thị Nam	Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1FF1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
12	2527010278	Phạm Thanh	Loan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
13	2527011177	Nguyễn Ngọc	Dung	4TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
14	2527010527	Lưu Thị Kim	Yến	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
15	2527010362	Phạm Thị Phương	Nhung	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
16	2527010408	Nguyễn Minh	Tâm	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THẮNG LONG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
17	0223A0042	Đặng Thị Ngọc	Hân	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1VB1, 65PED1VB2	3	MT	
18	2527010123	Tô Thị Ngọc	Hà	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1AB2, 65PED1MDR, 65PED1PP2	3	MT	
19	2427011338	Nguyễn Thị Thanh	Thu	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1VB2	3	MT	
20	2527010413	Đặng Minh	Thanh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1AB1, 65PED1AB2, 65PED1MDR	3	MT	
21	2527010055	Trần Thị Thanh	Châm	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1VB1	3	MT	
22	2527010335	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
23	2527010044	Vũ Thị	Anh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
24	2527010271	Trần Thị Nhật	Linh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
25	2527011023	Đinh Thị Thanh	Trà	6TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
26	2527010194	Nguyễn Thị	Hương	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
27	2527010199	Trần Mai	Hương	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
28	2527010297	Phạm Ngọc Yến	Mi	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
29	2527011483	Tạ Thị Kim	Nhung	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
30	2527010038	Phạm Thị Lan	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
31	2527010379	Phạm Mai	Phương	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP1	3	MT	
32	2527010302	Vũ Thị Anh	Minh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
33	2527010312	Bùi Thị Thanh	Nga	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
34	2527010232	Nguyễn Tùng	Lâm	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
35	2527010521	Lê Long	Vũ	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1AB1, 65PED1AB2, 65PED1MDR	3	MT	
36	0223D0843	Đỗ Thị Mai	Dung	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1AB1, 65PED1AB2, 65PED1MDR	3	MT	
37	2527010380	Trần Thu	Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1BB2, 65PED1FF1, 65PED1MDR	3	MT	
38	2527010483	Phạm Thị Huyền	Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
39	2527010322	Vũ Thị Nguyệt	Nga	6TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
40	2427011094	Tô Thị	Hải	4TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ HẢI DƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
41	2527010395	Nguyễn Thị	Quỳnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
42	2527010458	Phạm Thị	Thùy	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1VB1	3	MT	
43	2527010457	Phan Thị Dương	Thùy	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP1	3	MT	
44	2527010229	Nguyễn Thị	Khuyên	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
45	2527010252	Ngô Thị Trúc	Linh	6TXA25.1	HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
46	2527011529	Lê Như	Quỳnh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
47	2527010345	Nguyễn Thị	Nguyệt	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
48	2427010478	Nguyễn Thị Minh	Anh	7TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN	65PED1MDR, 65PED1VB1, 65PED1VB2	3	MT	
49	2527010277	Nguyễn Minh	Loan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
50	2527010424	Mai Ngọc	Thảo	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
51	2527010020	Lương Trần Văn	Anh	5TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHENIKAA	65PED1AB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
52	0223C0605	Vũ Phạm Xuân	Mai	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PED1AB1, 65PED1AB2, 65PED1MDR	3	MT	
53	2427010783	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	4TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
54	2527010339	Nguyễn Mạnh	Nguyên	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
55	2527010111	Phương Hằng	Giang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
56	2527010151	Nguyễn Thùy	Hiền	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
57	2527010432	Trương Thị Phương	Thảo	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
58	2527010169	Nguyễn Trần	Hoàng	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
59	2527011321	Phạm Thị	Lam	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
60	2427010705	Nguyễn Thị Thủy	Linh	6TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1VB2	3	MT	
61	2527010171	Đào Thị Thủy	Hồng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
62	2527010449	Ngô Phương	Thủy	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
63	2527011671	Đoàn Thị	Xuyên	3TXA25.3	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
64	2527010041	Trương Hà Hải	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
65	2527010492	Cao Anh	Trung	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
66	2527010497	Phạm Tuấn	Tú	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
67	0222C0276	Nguyễn Minh	Thảo	1TXA21.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
68	2527010332	Ngô Tuấn	Ngọc	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
69	2527010145	Trịnh Thị Mỹ	Hạnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
70	0221B0515	Vũ Hải	Anh	1TXA21.1.N	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
71	2527010220	Đặng Thị	Khánh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
72	2527010045	Bùi Ngọc	Ánh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
73	2567012094	Nguyễn Thị Phương	Hoa	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PED1AB1, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	
74	2567012302	Trần Thị Khánh	Vân	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	
75	2567042114	Đỗ Văn	Tiến	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1AB1, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	
76	2567012243	Chu Thị	Thắm	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PED1LJP, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	
77	2567012266	Đặng Thị Thanh	Thuy	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1MDR, 63PED1PP1	3	MT	
78	2567012067	Nguyễn Thị Thu	Hà	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
79	2567012229	Nguyễn Minh	Quân	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
80	2167040088	Nguyễn Thị	Tâm	2VBT21-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
81	2267040164	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
82	2567042065	Nguyễn Thị Phương	Linh	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
83	2267040203	Phan Văn	Quyên	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	63PED1MDR, 63PED1PP1, 63PED1PP2	3	MT	
84	2567012146	Ngô Thủy Ngọc	Liên	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐH GIÁO DỤC - ĐHQG HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1BB2, 63PED1MDR	3	MT	
85	2537072015	Trần Vũ Linh	Chi	1TCH-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	64PED1BB2, 64PED1MDR, 64PED1VB2	3	MT	
86	2267040107	Nguyễn Thị	Trang	1VBT23-2	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	63PED1AB1, 63PED1AB2, 63PED1MDR	3	MT	
87	2237070509	Vũ Hoàng Ánh	Chinh	5TCH-22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI	64PED1BB1, 64PED1MDR, 64PED1VB1	3	MT	
88	3737010034	Đỗ Thuý	Hiền	2TCA-23-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	64PED1AB1, 64PED1AB2, 64PED1MDR	3	MT	
89	2267040042	Trần Thị Ánh	Hồng	2VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PED1AB1, 63PED1AB2, 63PED1MDR	3	MT	
90	2567041096	Bùi Phương	Mai	1VBT25-1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	63PED1AB2, 63PED1BB1, 63PED1MDR	3	MT	
91	2267040091	Phùng Phương	Thảo	3VBT22-1	TRƯỜNG ĐH KHTN - ĐHQG HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1MDR, 63PED1VB1	3	MT	
92	2267040100	Hà Thị Phương	Trâm	3VBT22-1	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	63PED1BB1, 63PED1MDR, 63PED1VB1	3	MT	
93	2267040130	Hoàng Thanh	Bình	1VBT22-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	63PED1BB1, 63PED1LJP, 63PED1MDR	3	MT	
94	2267040059	Đỗ Thị Kim	Linh	3VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	63PED1AB1, 63PED1AB2, 63PED1MDR	3	MT	
95	2567042038	Nguyễn Trung	Hiếu	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	63PED1AB1, 63PED1AB2, 63PED1MDR	3	MT	
96	2467010214	Lê Mai	Dung	1VBA24-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	
97	3637010021	Đỗ Ánh	Dương	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64PED1BB2, 64PED1MDR, 64PED1VB2	3	MT	
98	2567012003	Bùi Nguyệt Phương	Anh	1VBA25-2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	63PED1AB1, 63PED1FF2, 63PED1MDR	3	MT	
99	2567042081	Ngô Thị	Nghĩa	3VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PED1AB1, 63PED1MDR, 63PED1VB2	3	MT	
100	2567041104	Vì Ánh	Ngọc	1VBT25-1	TRƯỜNG ĐH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	63PED1AB1, 63PED1AB2, 63PED1MDR	3	MT	
101	3637010009	Phan Quỳnh	Chi	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64PED1BB2, 64PED1MDR, 64PED1VB2	3	MT	
102	3137010036	Nguyễn Quỳnh	Hương	1TCA-31	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	64PED1MDR, 64PED1OMR, 64PED1VB1	3	MT	
103	3637010031	Bùi Thị Thu	Huyền	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	64PED1AB1, 64PED1MDR, 64PED1VB1	3	MT	
104	3637010022	Nguyễn Hương	Giang	1TCA-23-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG	64PED1BB2, 64PED1MDR, 64PED1VB2	3	MT	
105	2267040073	Nguyễn Thị	Nhài	3VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1OMR, 63PED1VB1	3	MT	
106	2567012163	Phạm Khánh	Linh	1VBA25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	63PED1BB1, 63PED1MDR, 63PED1OMR	3	MT	
107	2567042096	Vũ Diễm	Quỳnh	2VBT25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1OMR, 63PED1VB2	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
108	2527011247	Nguyễn Thu	Hiền	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
109	2527010022	Nguyễn Châu	Anh	6TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
110	0223D0806	Ngô Thị Hồng	Ánh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP2, 65PED1VB2	3	MT	
111	2527010066	Phan Quỳnh	Chi	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
112	2527010382	Vì Thị	Phương	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
113	2527010004	Bùi Quỳnh	Anh	2TXA25.1	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
114	2527010113	Chữ Thị Thu	Hà	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
115	2527010135	Nguyễn Thị	Hằng	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
116	2527011531	Nguyễn Thị	Quỳnh	4TXA25.1	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
117	2527011645	Đỗ Thành	Trung	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1FF1, 65PED1FF2, 65PED1MDR	3	MT	
118	2527010453	Trương Thị Thu	Thủy	7TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
119	2527011497	Đỗ Quỳnh	Phương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
120	0223D0965	Hoàng Đại	Khánh	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1VB1, 65PED1VB2	3	MT	
121	0222D0370	Trần Việt	Hoàng	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
122	2527010034	Nguyễn Thị Vân	Anh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	65PED1AB1, 65PED1FF1, 65PED1MDR	3	MT	
123	0223D1049	Trần Bảo	Ngọc	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
124	2527010076	Nguyễn Vũ	Cường	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
125	2527010308	Trần Hà	My	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
126	0223B0293	Ngô Ngọc	Minh	1TXA23.2.HN	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65PED1FF1, 65PED1FF2, 65PED1MDR	3	MT	
127	2527010383	Chu Thị	Phương	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
128	2527010501	Phạm Anh	Tuấn	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
129	2527010052	Lê Ngọc	Bích	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
130	2527010137	Phạm Thị Kim	Hằng	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH TẾ - LUẬT - ĐHQG TP. HCM	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
131	2527010195	Nguyễn Thị Lan	Hương	2TXA25.1	HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
132	0222D0461	Trần Phương	Thảo	2TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1VB1, 65PED1VB2	3	MT	
133	2527010464	Đình Huyền	Trang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
134	2527010054	Nguyễn Bảo	Châm	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
135	2427010233	Lâm Thị	Mai	4TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
136	0223D0911	Nguyễn Trần Thúy	Hiền	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
137	2527010120	Phạm Thu	Hà	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
138	2527010166	Vũ Thị	Hoài	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
139	2527010003	Trần Thị	An	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1VB1, 65PED1VB2	3	MT	
140	0223A0050	Trần Nhật	Hào	1TXA23.1.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
141	2527010167	Nguyễn Đức	Hoàn	3TXA25.1	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
142	2527010525	Thắm Thanh	Xuân	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
143	2527010296	Kiều Cao	Mạnh	1TXA25.1	HỌC VIỆN PHÒNG KHÔNG - KHÔNG QUẢN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
144	2527010089	Trần Thị Thu	Dung	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
145	2527010267	Nguyễn Thuý	Linh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
146	2527010184	Phạm Thị	Huệ	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
147	2427010932	Phạm Thảo	Trang	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1AB1, 65PED1BB1, 65PED1MDR	3	MT	
148	2427011357	Ngô Thị	Thúy	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB2	3	MT	
149	2527010435	Nguyễn Thị Kim	Thoa	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
150	2527010423	Lê Thị	Thảo	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHTN - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
151	2527010465	Đỗ Thị	Trang	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
152	2527011554	Đặng Ngọc Phương	Thảo	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP2	3	MT	
153	2427011380	Vũ Phương	Trang	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
154	2527010430	Nguyễn Thị Thu	Thảo	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
155	2527010511	Vũ Thị Ánh	Tuyết	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP2	3	MT	
156	2527010344	Nguyễn Thị	Nguyệt	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65PED1AB1, 65PED1BB1, 65PED1MDR	3	MT	
157	2527010016	Lê Phương	Anh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
158	2527010317	Nguyễn Thị Phương	Nga	7TXA25.1	ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
159	2427010861	Mai Phương	Thảo	4TXA24.2	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB2	3	MT	
160	2527010441	Dương Anh	Thư	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
161	0222D0483	Nguyễn Khánh	Toàn	1TXA22.4.HN	TRƯỜNG ĐH LUẬT - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
162	2527010342	Hạp Thị Như	Nguyệt	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP. HỒ CHÍ MINH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
163	0222D0447	Trần Thị Như	Quỳnh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH	65PED1LJP, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
164	2427010265	Nguyễn Thị	Ngoan	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐH KHTN - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1LJP, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
165	2527010506	Nguyễn Thị	Tuyển	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1LJP, 65PED1MDR, 65PED1VB2	3	MT	
166	2527010455	Lê Minh	Thúy	5TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65PED1AB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
167	2427010771	Đỗ Mai	Ngọc	1TXA24.2	HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
168	2427011189	Phạm Thuý	Linh	5TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65PED1AB2, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
169	2527010503	Vũ Tài	Tuệ	3TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65PED1AB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
170	2527011030	Đỗ Minh	Trang	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1LJP, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
171	1867010128	Nguyễn Thị	Xuân	1TCA-33	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
172	2537071025	Ngô Thị Hoàng	Mai	1TCH-25-1	TRƯỜNG ĐH KINH TẾ - ĐHQG HÀ NỘI	64PED1AB1, 64PED1MDR, 64PED1PP1	3	MT	
173	3137010080	Đinh Thị Phương	Thảo	1TCA-31	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI	64PED1MDR, 64PED1PP1, 64PED1PP2	3	MT	
174	2527010238	Trần Huyền	Li	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
175	2527010190	Ngô Thị Thanh	Hương	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG	65PED1LJP, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
176	2427010863	Nguyễn Phương	Thảo	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1BB1, 65PED1FF2, 65PED1MDR	3	MT	
177	2527010164	Bùi Thị	Hòa	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP2	3	MT	
178	2427011266	Hoàng Thị Khánh	Ninh	3TXA24.3	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
179	2527010244	Lê Thị	Liều	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐƯỢC HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
180	2527010291	Nguyễn Thị	Mai	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NỘI VỤ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB2	3	MT	
181	2527010384	Nguyễn Thị	Phượng	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
182	2527010217	Vũ Thị	Huyền	5TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
183	2527010086	Vương Huy	Đông	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
184	0223D0995	Nguyễn Cẩm	Linh	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
185	2527010448	Lâm Thị Thanh	Thuý	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
186	2527010285	Ngô Thị Thảo	Ly	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
187	2527010200	Trần Thị Cẩm	Hường	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
188	0223D0895	Nguyễn Thị	Hằng	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
189	2527010316	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN	65PED1BB1, 65PED1FF1, 65PED1MDR	3	MT	
190	2527010330	Lê Thị Minh	Ngọc	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1BB1	1	9.7	
191	2527010355	Đoàn Thị	Nhung	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
192	2527010486	Phan Thị Thu	Trang	2TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
193	0222C0221	Đỗ Hoa	Lê	1TXA23.4.HN	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
194	2527010150	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHTN - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
195	2527010205	Lê Thị Thanh	Huyền	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
196	2527010051	Nguyễn Thị Thu	Ba	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
197	2527010040	Trần Thị Ngọc	Anh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
198	2427010775	Hoàng Thị Minh	Ngọc	2TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
199	2527010201	Chữ Thị Ngọc	Huy	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP2	3	MT	
200	2527010356	Hồ Thị	Nhung	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1FF1, 65PED1MDR	3	MT	
201	2527010434	Nguyễn Thị	Thoa	7TXA25.1	KHOA QUỐC TẾ - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
202	2527010429	Nguyễn Thị Thu	Thảo	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1PP1	3	MT	
203	2527010097	Cao Đoàn	Duy	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
204	0223C0476	Phạm Thị Ngân	Giang	1TXA23.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
205	2527010388	Hoàng Minh	Quang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
206	0223B0192	Trần Nguyễn Phương	Anh	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
207	2527010210	Nguyễn Thu	Huyền	3TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1BB1, 65PED1LJP, 65PED1MDR	3	MT	
208	0223B0285	Phạm Thị Yến	Linh	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1BB1, 65PED1BB2, 65PED1MDR	3	MT	
209	2527010132	Lê Thu	Hằng	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
210	2527010186	Trần Thị	Huệ	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
211	2527011325	Hoàng Thị	Lan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65PED1BB1, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
212	0223D0899	Trịnh Thị Thanh	Hằng	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐH KHTN - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
213	2527010007	Đỗ Hà	Anh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
214	2527010070	Phạm Minh	Chiến	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
215	2527010258	Nguyễn Ngọc	Linh	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
216	2527011609	Đào Quỳnh	Trang	1TXA25.1	HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
217	2527010251	Lê Thị	Linh	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
218	2527010039	Trần Ngọc	Anh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
219	0223D1201	Hoàng Thị	Yến	1TXA23.4.HN	TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
220	2527010157	Phản Thị	Hiếu	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
221	2527010202	Trần Xuân	Huy	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1VB1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tin chỉ	Kết quả	
222	2527010221	Đỗ Hữu	Khánh	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
223	2527010085	Phạm Thị	Diệp	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
224	2527010417	Nguyễn Thị Phương	Thanh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1VB2	3	MT	
225	2527010019	Lê Thị Quế	Anh	7TXA25.1	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
226	2527010341	Giang Bích	Nguyệt	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÔNG ĐỒ	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
227	2527062084	Huỳnh Thị Tú	Thuyết	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM- ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
228	2527010065	Phạm Văn	Chi	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
229	0223B0182	Vũ Trường	An	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1AB1, 65PED1AB2, 65PED1MDR	3	MT	
230	2427010395	Đỗ Thị Như	Trang	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
231	2527010320	Phương Thị Hằng	Nga	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
232	2527010289	Nguyễn Thị	Lý	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP1	3	MT	
233	2527010050	Trần Thị	Ánh	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
234	2527010352	Nguyễn Thị Yên	Nhi	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
235	2427010208	Lã Thị Mai	Linh	5TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1FF1, 65PED1FF2, 65PED1MDR	3	MT	
236	2527010127	Đình Thị	Hải	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
237	2527010447	Trần Lê Thương	Thương	2TXA25.1	HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM	65PED1AB1, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
238	2527010404	Đặng Thị	Tâm	1TXA25.1	TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
239	2527010035	Nguyễn Trung	Anh	4TXA25.1	HỌC VIỆN QUẢN Y	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
240	0223C0456	Nguyễn Thùy	Dung	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
241	0222A0024	Trương Đỗ	Khải	1TXA22.1.HN	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
242	2427010476	Nguyễn Thị Lan	Anh	1TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP2	3	MT	
243	2527010394	Nguyễn Diễm	Quỳnh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI	65PED1BB2, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	
244	2527010433	Vũ Thị	Thơ	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
245	2527010131	Lê Thị Thu	Hằng	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
246	2527011474	Nguyễn Phương	Nhi	3TXA25.1	HỌC VIỆN NGOẠI GIAO	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
247	2527010480	Nguyễn Thùy	Trang	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
248	2267040008	Nguyễn Hải	Bình	2VBT22-1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ HÀ NỘI	63PED1MDR, 63PED1VB1, 63PED1VB2	3	MT	
249	0223C0626	Nguyễn Hồng	Ngọc	1TXA23.3.HN	HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP1	3	MT	
250	2427011289	Nguyễn Minh	Quân	1TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
251	2527010243	Vũ Việt	Liên	5TXA25.1	HỌC VIỆN NGÂN HÀNG	65PED1MDR, 65PED1OMR, 65PED1PP2	3	MT	
252	2427011020	Phạm Phương	Anh	5TXA24.3	HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
253	2527011208	Trần Hương	Giang	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
254	2527010037	Phạm Quế	Anh	5TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1AB1, 65PED1AB2, 65PED1MDR	3	MT	
255	2527010240	Ngô Thị Kim	Liên	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
256	0223B0215	Nguyễn Huyền	Diệu	1TXA23.2.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
257	2527010438	Nguyễn Hoài	Thu	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
258	2527011249	Phạm Thị	Hiền	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
259	2527010083	Lưu Bích	Diệp	7TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐỘ HÀ NỘI	65PED1AB2, 65PED1MDR, 65PED1VB1	3	MT	

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Lớp	Nơi cấp văn bằng	Học phần tương đương			Ghi chú
						Mã học phần	Tín chỉ	Kết quả	
260	2527010326	Lê Đại	Nghĩa	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
261	2527010393	Ngô Thúy	Quỳnh	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KHXH&NV - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
262	2527010283	Phạm Giang	Lương	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
263	2527010143	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
264	2527010507	Trần Ngọc	Tuyền	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
265	2527010478	Nguyễn Thu	Trang	1TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
266	2527062040	Nguyễn Thị Thu	Huyền	1TXNB-25-2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI	65PED1BB2, 65PED1MDR, 65PED1OMR	3	MT	
267	2527010375	Nguyễn Hằng	Phương	7TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
268	2527010233	Hà Thị Thanh	Lan	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
269	2527011496	Đào Thu	Phương	3TXA25.1	HỌC VIỆN TÀI CHÍNH	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
270	2527010103	Vũ Thị	Duyên	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
271	2527010328	Đỗ Thị Bích	Ngọc	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
272	2527010498	Đình Văn	Tuân	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
273	2527010529	Phan Thị Hải	Yến	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
274	2527010933	Đỗ Thị	Phượng	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
275	0221C0696	Ngô Quang	Huy	1TXA21.3.HN	TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC	65PED1FF1, 65PED1FF2, 65PED1MDR	3	MT	
276	2527011131	Phùng Ngọc Phi	Anh	4TXA25.1	TRƯỜNG ĐH NGOẠI NGỮ - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
277	2527010428	Nguyễn Thị Thu	Thảo	6TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
278	2427010513	Nguyễn Lê Khánh	Chi	4TXA24.2	TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1VB2	3	MT	
279	2527010726	Trần Minh	Hoàng	2TXA24.3	TRƯỜNG ĐH KHTN - ĐHQG HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
280	2527010301	Trịnh Quang	Minh	5TXA25.1	TRƯỜNG ĐH KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
281	2527010476	Nguyễn Thị Thùy	Trang	3TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
282	2527010321	Trần Thị Thuý	Nga	2TXA25.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
283	2427010041	Trịnh Thái	Báo	3TXA24.1	TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG	65PED1MDR, 65PED1PP1, 65PED1PP2	3	MT	
284	2507080020	Hoàng Nguyệt	Ánh	3TB-25	TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI	61PED1MDR	1	MT	